Thu Giang
NGUYỄN DUY CẦN

ĐẠI CƯƠNG TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC

LÃO TỬ
Tinh Hoa





LÃO TỬ TINH HOA

Tác giả: Thu Giang Nguyễn Duy Cần
Nhà xuất bản: Thành phố Hồ Chí Minh
Năm xuất bản: 1992
Số trang: 258
Giá bìa: 15.000 đ

Thực hiện ebook (09/02/‘10): Goldfish
Tạo lại (31/12/‘15): QuocSan.

MỤC LỤC:

Vài lời thưa trước

Lão Tử Tinh Hoa gồm ba phần mà phần chủ yếu, tức phần thứ hai, tôi đã có dịp chép lại từ blogspot Chu Văn An http://chuvanan1972.blogspot.com (xem post #20, trang http://www.e-thuvien.com/forums/showthread.php?t=26460&page=2). Vì lúc chép lại tôi không có "sách giấy" nên đã chép không theo đúng thứ tự các tiết. Trong một dịp về quê tôi tìm lại tác phẩm này (tôi mua từ năm 1994) nên nay tôi cũng bắt đầu chép lại từ phần thứ hai. Ngoài việc sắp xếp lại theo đúng thứ tự trong sách, tôi còn sửa một vài lỗi chính tả, lược bỏ những đoạn mà trong sách không có; chép thêm các những chỗ thiếu (bản đó không chép chữ Hán, chữ Pháp, một số các chú thích).

Nhờ trước đây tôi đã chép cuốn *Lão tử – Đạo Đức kinh* của cụ Nguyễn Hiến Lê (Nxb Văn hoá, năm 2006) nên việc chép chữ Hán trong cuốn *Lão tử tinh hoa* này không tốn công nhiều, gần như chỉ cần chép lại các đoạn tương ứng trong bản của cụ Nguyễn Hiến Lê rồi sửa lại cho phù hợp với bản của cụ Nguyễn Duy Cần vì hai bản có nhiều chỗ khác nhau như hai ví dụ sau:

- Trong tiết D: Chính trị, phần II: Tổng quan, cụ Nguyễn Duy Cần có trích dẫn câu: "Dân chi khinh tử, dĩ kỳ cầu sinh chi hậu…" (民之輕死, 以其求生之厚…), và dịch là: "*dân mà coi thường cái chết, là vì quá trọng cầu cái sống*"). Còn bản của cụ Nguyễn Hiến Lê thì chép là: "Dân chi khinh tử, dĩ kì thượng cầu sinh chi hậu…" (民之輕死，以其上求生之厚...), và dịch là: "*Dân sở dĩ coi thường cái chết là vì nhà cần quyền tự phụng dưỡng quá hậu…*". Vì bản của cụ Nguyễn Hiến Lê có chữ "thượng"上, còn bản của cụ Nguyễn Duy Cần thì không, nên ý nghĩa câu đó khác nhau như vậy. Điều này cụ Nguyễn Hiến Lê có nêu ra trong cuốn *Lão tử – Đạo Đức kinh* (xem phần dịch *Đạo Đức kinh*, chương75).

- Một câu trích dẫn khác, cũng trong trong tiết C: “Dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn” (民多利器, 國家滋昏): “*Nhân dân nhiều lợi khí, thì nước nhà càng tối tăm*”. Tương ứng với chữ “dân” 民 trong câu đó, bản của cụ Nguyễn Hiến Lê chép là “triều” 朝: “Triều đa lợi khí, quốc gia tư hôn” (朝多利器, 國家滋昏): “*Triều đình càng nhiều “lợi khí” (tức quyền mưu) thì quốc gia càng hỗn loạn*” (Chương 57).

Hai ví dụ trên có một điểm chung là: theo bản của cụ Nguyễn Duy Cần thì người có lỗi đều là *dân*, còn theo bản của cụ Nguyễn Hiến Lê thì người có lỗi đều là *nhà cầm quyền*.

Trong cuốn *Đạo Đức kinh dễ hiểu*, Phan Ngọc cho biết: “Trong việc dịch này tôi cảm ơn các bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Hiến Lê, Thu Giang, Giáp Văn Cường mà tôi đều tham khảo với tinh thần “Hư tâm cầu học”. Đó đều là những bản dịch tốt, biểu hiện một trình độ Hán học sâu và một công phu khảo cứu hết sức nghiêm túc. So với nhiều bản dịch tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga thì nó dễ hiểu hơn. Tôi chỉ giới thiệu cách dịch dễ hiểu cho nên gọi nó là *Đạo Đức Kinh dễ hiểu*, còn *Đạo Đức Kinh chính nghĩa* là chuyện của các thế hệ sau”. Hai câu tương ứng với hai ví dụ nêu trên, Phan Ngọc phiên âm và dịch nghĩa như sau:

- “Dân chi khinh tử, dĩ kỳ thượng cầu sinh chi hậu…”: *Dân mà coi thường cái chết là vì người trên lo cái sống của họ quá nặng…*
- “*Dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn*”: *Khi dân có nhiều mánh khóe mưu lợi (/lợi khí/) thì nước nhà sẽ tối tăm.*

Như vậy, câu trước, bản của Phan Ngọc có chữ “thượng” giống như bản của cụ Nguyễn Hiến Lê; còn câu sau dùng chữ “dân” giống như bản của cụ Nguyễn Duy Cần[1].

Sách dày khoảng 250 trang (không kể phần sách tham khảo và mục lục mà tôi không chép lại) mà phần thứ hai gồm khoảng 170 trang, tức khoảng 70% tác phẩm, nên

phần tôi đánh máy không đáng kể so với phần tôi chép lại từ blogspot Chu Văn An. Xin chân thành cảm ơn người đã đăng phần hai tác phẩm *Lão Tử Tinh Hoa* và xin trân trọng giới thiệu cùng các bạn.

Goldfish

ĐẠI CƯƠNG TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC
LÃO TỬ TINH HOA

Kính tặng hương hồn thân phụ để nhớ lại những đêm dài mà Cha đã giảng cho con nghe về lẽ Đạo.

Con
N.D.C

(…) "*Ông chỉ viết có một quyển rất vắn tắt: ĐẠO ĐỨC KINH. Vài dòng chữ hợp thành quyển sách ấy chứa đựng tất cả sự khôn ngoan trên quả đất này*".

(Il n'écrivit qu'un livre très bref: le livre de la voie et de la vertu. Les quelques lignes qui le composent *contiennent toute la sagress de cette terre*)

RENE BERTRAND
(sagesse Perdu) p.306

"Lão Tử đâu phải chỉ sống cho nước Trung Hoa và thời đại của ông mà thôi; ông là một trong những bậc Thầy thuần tuý và sâu sắc của nhân loại.

(Lao Tsé n'est pas vécu seulement pour la Chine et pour son époque; il est un des maîtres *les plus purs et les plus profonds de l'Humanité*)

E.V. ZENKER
(Hist. de la Philos. Chinoise) p.108

Tri giả bất ngôn 知者不言
Ngôn giả bất tri 言者不知
Biết, thì không nói;
Nói, là không biết.

PHẦN THỨ NHẤT

I. LƯỢC SỬ LÃO TỬ

Nhân vật Lão Tử sanh vào thời nào, năm nào, thật là một điều rất khó thể biết được. Các học giả Trung Hoa, Nhật Bản và cả Âu Mỹ từ trước đến giờ chỉ bàn suông, chưa có một giả thuyết nào có thể tin là đích xác được về thân thế cũng như về sách vở của ông.

Theo sử gia đầu tiên của Trung Quốc là Tư Mã Thiên 司馬遷 thì Lão Tử là người nước Sở 楚, huyện Khổ 苦, làng Lệ 厲, xóm Khúc Nhân 曲仁, ở tỉnh Hồ Nam bây giờ. Ông tên Nhĩ 耳, họ Lý 李, tự là Bá Dương 伯陽; thuỵ là Đam 聃, làm quan giữ tàng thất sử nhà Châu 周.

"*Khổng Tử đến Châu, hỏi Lễ. Lão Tử nói: "Lời nói của ông là lời nói của những kẻ nay đã xương tàn cốt rụi. Vả, người quân tử đắc thời thì đi xe, không đắc thời thì tay vịn nón lá mà đi chơn. Ta nghe rằng: kẻ buôn giỏi khéo giữ của quý như không có gì, người quân tử đức thạnh, dung mạo dường như kẻ ngu. Họ rất khác với cái kiêu khí và đa dục của ông, thái sắc và đảm chí ấy không ích gì cho thân ông cả. Tôi sở dĩ bảo cho ông biết có bấy nhiêu thôi*".

"*Khổng Tử ra về bảo với đệ tử: "Chim, ta biết nó bay thế nào; cá, ta biết nó lội làm sao; thú, ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy, thì ta có lưới bắt nó; cá lội, thì ta có dây câu ví nó; chim bay, thì ta có bẫy gài nó. Chí như con Rồng, ta không biết nó theo mây theo gió mà bay liệng như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con Rồng!*"

"*Lão Tử tu giồi đạo đức, cái học của ông là vụ lấy sự "ẩn tích mai danh" làm gốc. Ở Châu lâu, sau thấy Châu suy, nên bỏ mà đi. Đến cửa ải, quan lệnh là Doãn Hỉ* 尹喜 *nói: "Ngài toan đi ẩn, xin gượng vì tôi để lại bộ sách*".

Lão Tử ở lại soạn ra bộ sách ý nói về Đạo Đức, phân làm hai thiên, gồm trên năm nghìn lời. Rồi bỏ đó mà đi, không

biết chung cuộc đời Ngài như thế nào".

Câu chuyện hỏi Lễ trên đây rất có thể là một câu chuyện ngụ ngôn, chứ không phải là sự thực như đã có nhiều học giả ngờ vực và bài bác. Nhưng thiết nghĩ, việc ấy đích xác hay không đích xác cũng không quan trọng gì cho lắm. Quan trọng nhất là cái ý nghĩa hàm súc của câu chuyện hỏi Lễ ấy: nó biểu diễn được một cách rất sâu sắc và ý vị lập trường *hữu vi* và *vô vi* của hai nhà đại tư tưởng đã thay nhau ngự trị và nhồi nắn tâm hồn người Trung Hoa trên mấy mươi thế kỷ.

Có kẻ lại cho rằng đồng thời với Khổng Tử cũng có người tên là Lão Lai Tử (老來子) người nước Sở 楚, có viết ra một bộ sách mười lăm thiên, chuyên nói về cái dụng của Đạo gia.

Sách *Lễ Ký* ở thiên "*Tăng Tử Vấn*" có câu "*tích ngô tùng Lão Đam*" (xưa ta theo Lão Đam), và trong sử nước Sở cũng có câu "*Lão Lai Tử giáo Khổng Tử*" (Lão Lai Tử dạy Khổng Tử) nên người sau có kẻ cho rằng Lão Lai Tử chính là Lão Đam hay Lão Tử vậy.

Vì chưng Lão Tử sống trên 160 năm (có kẻ lại bảo là trên 200 năm) nên người ta cho rằng ông nhờ tu dưỡng Đạo Đức mà được sống lâu và mạnh khoẻ như thế.

Trong *Sử Ký* cũng có chép rằng: "*129 năm sau khi Khổng Tử mất, Thái Sử nhà Châu* (周) *là Đảm* (儋) *gặp Tần Hiến Công* (秦獻公) *nói: "Bắt đầu nhà Tần và nhà Châu hợp với nhau, rồi lại tan. Tan rồi năm trăm năm lại hợp với nhau 70 năm thì Bá Vương ra đời vậy*". Cho nên có kẻ cho rằng "*ông Đảm* (儋) *đây tức là Lão Tử đó*". Nhưng có người cho rằng không phải thế, vì Lão Tử là một bậc "*quân tử ở ẩn*".

Học giả về sau phần nhiều cũng ngờ đoạn văn trên đây của *Sử Ký*. Nho gia đời Thanh là *Tất Nguyên* (畢元) trong bài tựa quyển *Lão Tử Đạo Đức Kinh Khảo Dị* (老子道德經考異)

biện minh rằng: “*đời xưa chữ* ĐAM (聃) *và chữ* ĐẢM (儋) *dùng lẫn nhau*”. Trong *Thuyết Văn Giải Tự* (說文解字) cũng có chữ Đam (聃) và giải nghĩa như vầy: Tai thòng xuống (耳曼也)[2]. Còn chữ Đảm (儋) thì cũng giải là: Tai dài (垂耳也)[3]. Ở phương Nam có nước tên là Đảm Nhĩ (瞻耳), nghĩa là nước mà người ta có tai dài thòng xuống. Trong sách *Đại Hoang Bắc Kinh Lữ Lãm* (大荒北經呂覽) thì chữ *Đam* Nhĩ 聃耳 cũng viết là *Đảm* 瞻. Lại nữa, cũng trong Lữ Lãm (呂覽) chữ Lão Đam 老聃, trong sách *Hoài Nam Vương* (淮南王) chữ *Đảm Nhĩ* 儋耳 đều viết là *Đam* 耽. Trong *Thuyết Văn Giải Tự* (說文解字) cũng có chữ 耽 (cũng đọc là Đam), cắt nghĩa là “tai lớn rủ xuống” (耳大垂也)[4]. Vì chưng ba chữ ấy ý nghĩa và giọng đọc tương đồng nên mới dùng lẫn với nhau. Trịnh Khang Thành (鄭康成) nói: “*Lão Đam là cái biệt hiệu của những kẻ sống lâu đời xưa*”. Nói như thế cũng thông. Như vậy thì Lão Tử cũng chỉ là danh hiệu một bậc “*Thầy Già*” và chỉ có thế thôi.

Qua thế kỷ thứ 19, các nhà bác học Trung Hoa cũng như những nhà thông thái Âu Tây áp dụng phương pháp khoa học về ngôn ngữ để nghiên cứu sách của Lão Tử, thực ra cũng chỉ đem lại thêm một vài tia sáng nhưng kết quả chưa có gì thiết thực.

Các học giả Trung Hoa phần đông lâu nay vẫn tin theo truyền thuyết rằng *Lão Tử* đồng thời với *Khổng Tử* và lớn hơn lối vài mươi tuổi. *Khổng Tử* sống vào khoảng 570 và 490 còn *Lão Tử* thì sống vào khoảng 570 và 479 trước Tây lịch kỷ nguyên, nghĩa là vào khoảng cuối thế kỷ thứ 6 và đầu thế kỷ thứ 5 trước Chúa Giáng Sinh[5], cùng thời với *Héraclite* (535-475) và *Pythagore* (570-496) ở Hy Lạp.

Những câu chuyện do sử gia *Tư Mã Thiên* thuật lại trong Sử Ký không thể tin được, là vì phần nhiều tài liệu, Tư Mã Thiên đều lấy theo sách *Trang Tử*. Mà sách *Trang Tử* thường có tánh cách nụ ngôn nên những câu chuyện kể trong ấy

không thể tin được. Huống chi phần nhiều câu chuyện có liên quan đến Lão Tử trong sách *Trang Tử* đều ở về phần Ngoại thiên, tức là thiên mà các nhà phê bình đều cho là nguỵ thơ. Những ý tưởng mà sách *Trang Tử* gán cho Lão Tử về Lễ lại nghịch rất xa với học thuyết Lão Tử trong Đạo Đức Kinh nơi chương 38: "*Lễ chỉ là cái vỏ mỏng của lòng trung tín mà cũng là đầu mối của hỗn loạn*" (Phù Lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ" (夫禮者, 忠信之薄, 而亂之首).

Trong tình trạng hiện thời, ta chưa thể biết được rõ ràng hơn nữa về con người lịch sử của Lão Tử, vậy ta cũng nên tạm thời, theo truyền thuyết mà cho Lão Tử là tác giả quyển *Đạo Đức Kinh* cũng không sao.

II. SÁCH CỦA LÃO TỬ: ĐẠO ĐỨC KINH

Sách của Lão Tử cũng theo truyền thuyết, *có lẽ viết ra lúc Khổng Tử còn sống*, là vì trong sách *Trang Tử* có thuật lại việc hỏi Lễ của Khổng Tử, và trong *Lễ Ký* ở thiên "Tăng Tử Vấn", nhất là trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên cũng đều có bàn qua về việc gặp gở giữa hai người. Lại còn một lẽ nữa là trong nhiều quyển sách "viết ra" trước hoặc sau ngày chết của Khổng Tử (479) như *Lễ Ký, Trang Tử, Lữ Thị Xuân Thu, Chiến Quốc Sách, Hàn Phi Tử, Hàn Phi Ngoại Truyện, Hài Nam Tử, Sử Ký*... và cả *Luận Ngữ* nữa[6], người ta thường thấy có trích trong nhiều đoạn văn trong Đạo Đức Kinh gồm 1745 lời. Như vậy, ta có thể cho rằng *quyển Đạo Đức Kinh viết ra vào khoảng cuối thế kỷ thứ năm*, trước Tây lịch kỷ nguyên.

Chống lại với thuyết trên, có người lại cho rằng Đạo Đức Kinh là một quyển sách tạp nhạp "phỏng theo thuyết Âm Dương, lượm lặt những chỗ hay của Khổng học và Mặc học để dung hoà với điều cốt yếu của Danh gia và Pháp gia" hoặc về sau phỏng theo sách của Trang Tử, các sách binh pháp và rút tỉa những tư tưởng về thuyết ngu dân cuối thế kỷ thứ 9 sau Chúa Giáng sinh mà thêm vào... Vì chính vì vay mượn cùng khắp bá gia chư tử mà sách ấy đưa ra nhiều ý tưởng mâu thuẫn. Nhưng nghiên cứu cho thật kỷ, ta sẽ thấy rằng Đạo Đức Kinh, về phương diện tư tưởng cũng như về văn chương, là một quyển sách do một người viết ra mới được nhất trí như thế và thành một hệ thống tư tưởng rất chặt chẽ. Về thuyết cho rằng sách ấy viết ra sau sách Trang Tử (335-375) thì là một việc khó tin được. Sách Trang Tử và Hàn Phi Tử là những sách giải thích cái học của Lão Tử rất là rõ ràng từng điểm một, huống chi lại cho nó rút tỉa tư tưởng các thuyết ngu dân cuối thế kỷ thứ 9 sau công nguyên thì rõ là phi lý.

Ngoài hai giả thuyết trên đây còn một giả thuyết thứ ba cho rằng Đạo Đức Kinh rất có thể viết vào khoảng giữa từ

Khổng Tử (551-475) và Mặc Tử (480-400) đến Trang Tử (355-275) và Mạnh Tử (327-280), nghĩa là khoảng 460 và 380, *cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 4*, trước công lịch kỷ nguyên. Là vì Khổng Tử và Mặc Tử không hề nói đến Lão Tử, còn Lão Tử, trong nhiều đoạn văn, lại chống hẳn với tư tưởng của hai nhà tư tưởng trên kia. Những danh từ như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín của Nho học đều bị Lão Tử chỉ trích chê bai, nhất là ở những chương 18, 19 và 38: "*Đại Đạo phế hữu Nhân Nghĩa*" (18), "*Tuyệt Thánh khí Trí... Tuyệt Nhân khí Nghĩa*" (19), "*Thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Lễ... Phù Lễ giả, Trung Tín chi bạc, nhi loạn chi thủ*" (38)... Cũng như trong sách của Mặc Tử đề cao thuyết "*thượng hiền*", thì Lão Tử trái lại bảo "*Bất thượng hiền*" ở chương thứ 3, dĩ nhiên không phải đó là nhắm vào thuyết "*thượng hiền*" của Mặc Tử mà công kích hay sao?

Vì vậy, giả thuyết cho rằng Đạo Đức Kinh viết vào thời Chiến Quốc, khoảng 460 và 380, nghĩa là cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 4 là có thể tin được hơn cả, nhưng vẫn còn là một giả thuyết, vì trong sách không thấy ghi một tên người hay một việc gì để có thể dùng làm đối chứng[7].

Như vậy, người "ẩn quân tử" với chủ trương "vi nhi bất thị", "thiện hành vô triệt tích" đã thắng được óc tò mò soi bói của hậu thế... Trong hoàn của hiện tại của ta không còn biết phải làm sao hơn được nữa khi chạy theo tông tích của bậc "ẩn quân tử" này, có lẽ ta cũng nên "khôn ngoan" hơn là tạm thời nhận theo thuyết mà cho rằng Lão Tử là tác giả bộ *Đạo Đức Kinh*.

A. Văn chương trong sách Lão Tử

Trong *Lão Trang Thân Hàn Liệt truyện* (老莊申韓列傳), Thái sử Công cho rằng sách Lão Tử thật là "thâm viễn", "vi diệu", "kỳ ảo" khó thể biết v.v... Đó là ông muốn nói về nội dung tư tưởng, chứ chưa phải muốn nói đến hình thức của văn từ.

Như trong bản dịch của Lão Tử, tôi đã nói, văn từ trong sách *Đạo Đức Kinh* là một lối thơ tự do, thường là một lối thơ ba chữ hay bốn chữ, và rất chú trong đến âm vận.

Tỉ như, nơi chương 3, ta thấy:

"*Hư kỳ tâm* 虛其心,
"*Thực kỳ phúc* 實其腹,
"*Nhược kỳ chí* 弱其志,
"*Cường kỳ cốt* 强其骨,

Chương thứ 4:

"*Toả kỳ nhuệ* 挫其銳,
"*Giải kỳ phân* 解其紛,
"*Hoà kỳ quang* 和其光,
"*Đồng kỳ trần* 同其塵,

Chương thứ 8:

"*Cư thiện địa* 居善地,
"*Tâm thiện uyên* 心善淵,
"*Dữ thiện nhân* 與善仁,
Ngôn thiện tín 言善信,
"*Chánh thiện trị* 正善治,
"*Sự thiện năng* 事善能,
"*Động thiện thời* 動善時

Có khi câu văn lại viết theo lối thơ 4 chữ:

Ở chương 21:

"*Khổng đức chi dung* 孔德之容,
"Duy Đạo thị tùng 惟道是從;

“*Đạo chi vi vật* 道之為物,
“*Duy hoảng duy hốt* 惟恍惟惚,
“*Hốt hề hoảng hề* 惚兮恍兮,
“*Kỳ trung hữu tượng* 其中有象.

v.v...

Ở chương 45:

“*Đại thành nhược khuyết*大成若缺,
“*Kỳ dụng bất tệ* 其用不弊;
“*Đại doanh nhược xung* 大盈若沖,
“*Kỳ dụng bất cùng* 其用不窮;
“*Đại trực nhược khuyết* 大直若屈,
“*Đại xảo nhược chuyết* 大巧若拙;
“*Đại biện nhược nột* 大辯若訥.

Có khi là thứ thơ 6 chữ:

Như ở chương 12:

“*Ngũ sắc lệnh nhơn mục manh* 五色令人目盲.
“*Ngũ âm lệnh nhơn nhĩ lung* 五音令人耳聾.
“*Ngũ vị lệnh nhơn khẩu sảng* 五味令人口爽.

Có khi giống như lối thơ 7 chữ:

Ở chương 10:

“*Địch trừ huyền lãm, năng vô tỳ* 滌除玄覽, 能無疵
“*Ái dân trị quốc, năng vô vi* 愛民治國, 能無為
“*Thiên môn khai hạp, năng vô thư* 乎天門開闔, 能無雌
“*Minh bạch tứ đạt, năng vô tri* 明白四達, 能無知

Các bản chép, phần nhiều đều có thêm chữ “hồ” (乎), bản của Hà Thượng Công lại không có chữ “hồ” 乎.

Lại cũng có khi, hành văn giống như là điệu của *Sở từ* 楚辭 [8], như câu này ở chương thứ 15:

“*Dự hề nhược đông thiệp xuyên,*
豫兮若冬涉川

“*Do hề nhược úy tứ lân.*
猶兮若畏四鄰
“*Nghiễm hề kỳ nhược khách,*
儼兮其若客
“*Hoán hề nhược băng chi tương thích.*
渙兮若冰之相釋
“*Đôn hề kỳ nhược phác,*
敦兮其若樸
“*Khoáng hề kỳ nhược cốc,*
曠[9]兮其若谷
“*Hỗn hề kỳ nhược trọc.*
混兮其若濁

Có khi lại viết theo lối *Ca hành* (歌行) như câu này ở chương 28:

“Tri kỳ hùng, 知其雄
“Thủ kỳ thư, 守其雌
“Vi thiên hạ khê; 為天下谿
“Vi thiên hạ khê, thường đức bất ly, 為天下谿, 常德不離
“Phục quy ư anh nhi.
復歸於嬰兒.
“Tri kỳ bạch,
知其白
“Thủ kỳ hắc,
守其黑
“Vi thiên hạ thức,
為天下式
“Vi thiên hạ thức, thường đức bất thắc,
為天下式, 常德不忒
“Phục quy ư vô cực,
復歸於無極
“Tri kỳ vinh,
知其榮

“Thủ kỳ nhục,
守其辱
“Vi thiên hạ cốc,
為天下谷
“Vi thiên hạ cốc, thường đức nãi túc,
為天下谷, 常德乃足
“Phục quy ư phác.
復歸於樸

Toàn quyển sách, Lão Tử phần nhiều rất thích dùng *âm vận*.

Ở chương 1:

“*Cố, thường vô dục, dĩ quan kỳ DIỆU;*
“*thường hữu dục, dĩ quan kỳ KIẾU.*

Chữ “*diệu*” âm với “*kiếu*”.

Ở chương 2:

“*Cố hữu vô tương SANH,*
“*Nan dị tương THÀNH,*
“*Trường đoản tương HÌNH,*
“*Cao hạ tương KHUYNH.*

Chữ “*sanh*” âm với “*thành*”; chữ “*hình*” âm với “*khuynh*”.

Lại có khi dùng đồng tự làm âm.

Như ở chương 1:

“*Đạo* khả *đạo*, phi thường *Đạo*;
“*Danh* khả *danh*, phi thường *Danh*.

Ba chữ “Đạo” âm với nhau, ba chữ “Danh” âm với nhau.

Tỉ như, ở chương 8 có câu:

“*Chánh thiện TRỊ,* 正善治
“Sự thiện NĂNG, 事善能
“*Động thiện THÌ,* 動善時

“*Phù duy bất TRANH,* 夫唯不爭
“*Cố vô VƯU.* 故無尤

Xét câu văn này, thì chỉ trừ hai chữ “trị” 治 và chữ “thì” 時 là âm với nhau thôi, các vận kia không hợp nhau, như 3 chữ “năng”, “tranh” 爭, “vưu” 尤. Không thể âm với nhau được là chiếu theo giọng đọc ngày nay, nhưng theo xưa, thì chữ “năng” 能 dùng lẫn với chữ “nhi” 而; chữ “tranh” 爭 thì đọc là “chỉ” 脂; chữ “vưu” 尤 thì đọc là “di” 移. Như vậy thì, các vận đều cùng âm với nhau cả: “*trị”, “thì”, “nhi”, “di”, “chỉ”, “di*” (theo giọng đọc của thời xưa).

Căn cứ vào âm vận, có khi nhờ đó mà ta đính lại được những chữ bị “tam sao thất bản”.

Tỉ dụ như câu này, ở chương 2:

“*Hữu vô tương SANH,*
“*Nan dị tương THÀNH,*
“*Trường đoản tương HÌNH,*
“*Cao hạ tương KHUYNH.*

Các bản ngày nay đều chép là hình 形; trừ ra các bản của Vương Bật và Lục Đức Minh (và sau này trong bản dịch của Nghiêm Toản cũng chép theo bản của Vương Bật) đều chép chữ *hình* ra chữ *giảo* 較. Đó là chép sai. Căn cứ vào âm vận, ta thấy chữ “hình” âm với chữ “khuynh”, chứ chữ “giảo” 較 không làm sao ứng với âm “khuynh” được. Vì vậy mà Tất Nguyên 畢元 cho Vương Bật chép sai cũng có lý.

B. Các nhà chú giải Lão Tử

Cũng như sách *Trang Tử*, kẻ hậu học giảng giải về *Lão Tử* rất nhiều, nhưng theo các học giả xưa nay thì chỉ có hai nhà có thể xem là cự phách: *Hà Án* và *Vương Bật*.

Hà Án 何晏 là một danh sĩ trong phái Huyền học đời Nguỵ, Tấn, Nam Bắc triều, tự là Bình Thúc 平叔, mẹ là Doãn Thị, vợ vua Thái Tổ[10]. Sách *Nguỵ Chí* cho rằng Hà Án "sinh trưởng trong cung điện, thuở nhỏ đã nổi tiếng là tài hoa, rất say mê cái học của Lão Trang, làm ra sách *Đạo Đức Luận* độ mười thiên".

Hà Án lại đem chỗ sở đắc ở cái học Lão Trang mà chú giải sách *Luận Ngữ* biến thành một hệ thống nhân sinh, không còn phải là một mớ hỗn tạp cách ngôn luân lý nữa.

Vương Bật 王弼, tự là Phụ Tự 輔[11]嗣, thuở mới mười tuổi đã thích cái học của Lão Tử và lại có tài biện luận rất linh hoạt. Hà Án lúc bấy giờ đã phải thán phục cái tài lạ lùng ấy. Ông nói: "*Thánh nhân nói rằng: kẻ hậu sinh đáng sợ! Phải chăng là người này?*". Thật vậy, chỉ trong một kiếp sống ngắn ngủi (hai mươi bốn tuổi) mà ông làm xong được công việc chú thích Châu Dịch và Lão Tử hết sức thâm viễn.

Vu Hữu Nhiệm 于右任, trong *Trung Quốc Học Thuật Tư Tưởng Đại Cương*, cho rằng "*Hà Án chú thích Luận Ngữ, Vương Bậc chú thích Châu Dịch đều lấy theo tôn chỉ của Đạo gia, mà giải thích những lời nói của Nho gia*". Vương Bật thì đem Lão học và Dịch học mà bổ túc và giảng giải lẫn nhau, còn Hà Án thì thiên hẳn về phương diện siêu hình của Lão học, lấy quan điểm của Lão Tử để chứng giải quan điểm Nho gia. Tóm lại, cả hai đều có công to làm phát huy được tư tưởng của Lão học ở thời Ngụy Tấn.

Tuy vậy, công việc làm của Hà Án không tránh khỏi chỗ khiên cưỡng, sao được như Hướng Tú, Quách Tượng đã làm cho Trang học càng thêm rực rỡ dồi dào! Lấy Lão mà giảng Dịch như Vương Bật thì còn có thể thuận được, chứ đem Đạo

học của Lão mà giải thích Nho học thì quả là khiên cưỡng, nếu không nói là sai lạc, bởi đó là hai cái học không thể dùng một tiêu chuẩn chung mà đánh giá, cũng không thể đem so sánh hơn thua cao thấp[12]. Tuy vậy, Hà Án cũng đã làm cho một số đông tín đồ Nho học bị lung lạc và đổ xô theo Huyền học không ít.

Về sau từ Đường, Tống, Minh, Thanh các nhà chú giải tiếp nhau xiển minh Lão Tử như *Lục Đức Minh, Tư Mã Quang, Tô Triệt, Tô thức, Thích Đức Thanh, Tất Nguyên, Nghiêm Phục, Tôn Di Nhượng, Vương Niệm tôn, Lưu Sư Bồi, Hồ Thích, Lương Khải Siêu* v.v… kể ra thật phong phú, nhưng phần đông lạc chạc mâu thuẫn, chưa nắm vững yếu chỉ của Lão học và quá vụ về hình thức, nhất là các nhà chú giải hiện đại như *Hồ Thích, Trần Trụ*… Bởi vậy có người cho rằng chú giải càng nhiều càng giết mau Lão Tử: âu cũng là một nhận xét đáng cho ta lưu ý mà đề phòng. Đọc Lão cần đọc bằng Tâm hơn bằng Trí.

PHẦN THỨ HAI. HỌC THUYẾT LÃO TỬ

I. PHẦN TỔNG QUAN

Đạo Đức Kinh, theo nhiều học giả Đông Phương cũng như Tây Phương, là một quyển sách thuộc về Tâm linh Đạo học, dành cho những người đi theo con đường Huyền Học và siêu thoát.

Nhưng theo một cách khách quan, ta phải nhìn nhận rằng *Đạo Đức Kinh*, trước hết, là một quyển sách dường như viết ra để kêu gọi các nhà cầm quyền và chánh khách dùng Đạo mà trị nước. Lão Tử thực ra là một hiền giả đã cố gắng đem Đạo học vào chánh trị, do những kinh nghiệm tâm linh của ông mà lập thành một hệ thống triết học. Lịch sử nhân loại cận đại, chỉ thấy có một Gandhi là người duy nhất đã cố gắng đem áp dụng đạo học vào chánh trị, nhưng tiếc thay, ông mất trong lúc công cuộc thực nghiệm chính sách "bất tranh nhi thiện thắng" đang thành công trong bước đường đầu.

Có kẻ cho rằng Lão Tử không siêu thoát bằng Trang Tử. Nói thế không đúng. Thực sự thì trong *Đạo Đức Kinh*, ta thấy Lão Tử ít nói về vấn đề siêu thoát, mà bàn rất nhiều về phương trị nước, tức là về phần chính trị. Sở dĩ Lão Tử *ít nói đến* phần tâm linh siêu thoát, chẳng phải vì ông không biết sự quan trọng của vấn đề ấy, mà vì ông muốn đem Đạo vào chánh trị, mục đích duy nhất của ông trong khi trước tác. Cho nên, có người khuyên ta nên đọc Trang trước Lão sau, thiết nghĩ cũng không phải là không có lý do chánh đáng. Người muốn áp dụng được phương pháp "*Vô vi nhi trị*" hay "*Dĩ bất trị, trị thiên hạ*" cần phải trước nhất thực hiện được *ít nhiều cái Đạo nơi mình*, nghĩa là cần phải là một bậc chân nhân "*vô kỷ, vô công, vô danh*" tức là người không còn tư tâm tư dục nữa. Đọc Trang trước Lão sau, tức là thực hiện Đạo theo từng giai đoạn: *tự giác nhi giác tha*. Hai học thuyết ấy bổ túc cho nhau. Trước phải "thoát tục" rồi sau mới "hoàn

tục” để mà cứu dân cứu nước. Dù là Thích Ca hay Jesus cũng không làm khác hơn.

A. Đạo là gì?

Có lẽ Lão Tử là người đầu tiên trong các triết gia Trung Quốc đã dùng chữ Đạo 道 để chỉ cái nguyên lý *tuyệt đối* của Vũ Trụ đã có từ trước khi khai thiên lập địa, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm. Đạo có thể quan niệm dưới hai phương diện: *Vô* 無 và *Hữu* 有. *Vô*, thì *Đạo* là nguyên lý của trời Đất, nguyên lý vô hình. *Hữu*, thì Đạo là nguyên lý hữu hình, là Mẹ sinh ra vạn vật: *Vô danh thiên Địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu* (無名天地之始, 有名萬物之母).

Đạo, là một nguyên lý hoàn toàn huyền diệu siêu hình và bất khả tư nghị. Người ta không thể định danh nó, cho nên gượng mà dùng đến danh từ ấy để tạm chỉ định. Hễ dùng đến danh từ để chỉ định, tức là vật được chỉ định đã bị hạn định, cho nên dùng đến danh, là chỉ để áp dụng cho những phần tử của Đạo bị "phá" ra mà thôi. Nghĩa là chỉ để ám chỉ một khía cạnh nào, một bề mặt hay bề trái nào của cái Đạo Một, cái Đạo "*không thể phân chia*".

Cho nên muốn *được* Đạo, không còn thể dùng đến Lý trí, hiểu biết bằng sự so sánh, mà chỉ có thể hiểu biết được khi nào chính mình thực hiện được nó nơi bản thân: "*Đạo mà nói ra được, không còn phải là Đạo "thường" nữa, Danh mà gọi ra được, không còn phải là Danh "thường" nữa*" (道可道非常道, 名可名非常名) (chương 1).

Như vậy, định cho Sự vật một cái tên (名) đó chỉ làm cho ta lìa xa với cái "chân diện mục" 真面目 của chúng, tức là cái Chân lý toàn diện của sự vật.

Trong giới sắc tướng, thấy đều biến động không dừng, không có sự vật nào mà không thay đổi hoặc mau hoặc chậm. Hay nói một cách khác, sự vật là *vô thường* 無常. Bởi vậy hạn định nó trong một danh từ "tịnh" là sai. Ở đây ta thấy Lão Tử chống lại với thuyết "chính danh" của Khổng Tử, và đề xướng thuyết "Vô danh". Nghĩa là Lão Tử quan niệm

sự vật trong đời theo sự "thực hiện" của sự vật, nghĩa là cái nhân sinh quan của ông là nhân sinh quan *động* (dynamique), không còn phải là nhân sinh quan *tịnh* (statique) nữa.

Không có một danh từ nào, không có một ý tưởng nào, cũng không có một sự phán đoán về giá trị nào mà có thể gọi là Tuyệt đối cả. Thảy đều tương đối, nghĩa là bao giờ cũng có phần đối đãi của nó, tốt và xấu, thiện và ác, thị và phi, dài và ngắn, cao và thấp...

"*Hữu vô tương sanh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thinh tương hòa, tiền hậu tương tùy*" (有無相生, 難易相成, 長短相形, 高下相傾, 音聲相和, 前後相隨) (chương 2)[13].

"*Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ*" (天下皆知美之為美, 斯惡已; 皆知善之為善, 斯不善已).

(*Thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi. Đều biết lành là lành, thì đã có cái chẳng lành rồi*).

Cặp tương đối ấy luôn luôn nằm sẵn trong mọi sự mọi vật, và bất cứ trong đời sống ta lúc nào cũng thấy nó hiện lên và thường gây cho lòng ta nhiều tranh chấp vì mâu thuẫn. Ta há không nhận thấy rằng lòng ta là cả một cái gì "mâu thuẫn" hay sao? Vừa thương mà cũng vừa không thương, vì trong thâm tâm ta cảm thấy mất tự do khi bắt đầu yêu ai một cách tha thiết. Biết bao lần khi lòng thì thuận, mà miệng thì chối từ, hoặc miệng thì "ừ", mà lòng không thuận! Cái gì đã khiến cho ta vừa cười vừa khóc, và tiếng khóc tiếng cười thường lại giống nhau?... Phải chăng vì cảm xúc của ta mà lên đến cực độ lại càng giống nhau không thể phân biệt, nhất là trong sự yêu ghét! "Thương nhau lắm, cắn nhau đau": tình yêu tha thiết thường lại dường như giống với sự oán thù! Cho nên mới nói: "ghét là cái bề trái của cái thương" và thương ghét, tựu trung là một. Đời sống nội tâm của con người khi Đạo bị chia lìa là một bầu "mâu thuẫn",

và vì thế "Sống là khổ", bởi "thương" là khổ mà "ghét" cũng khổ. Và chỉ khi nào lòng ta không còn chia rẽ nữa, trở về sống được trong cái Sống Một, thì mới mong giải quyết được vấn đề phân chia Nhĩ Ngã.

Cho nên, đó là cái học chạy theo thị phi, thiện ác, cái học chi li phân tán, cái học nhị nguyên, cái học mà người muốn trở về với Đạo phải "vứt bỏ". Chương 20 có viết: "*Tuyệt học vô ưu, duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà? Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà?*" (絕學無憂, 唯之與阿, 相去幾何? 善之與惡, 相去若何?)[14]. Lão Tử khuyên ta, nếu muốn được Đạo, đừng có nhìn sự vật bằng cập mắt nhị nguyên chia phân nhĩ ngã, mà phải nhìn thấy thẩy đều là Một. Con người mà càng chạy theo cái học phân tán sẽ bị tâm hồn rối loạn vì hay phân biệt và biện biệt.

Cũng vì nhìn đời với cập mắt nhị nguyên nên gặp phúc thì mừng, gập họa thì buồn, mà không hay rằng phúc đấy họa đấy cũng không chừng, hay họa đấy phúc đấy cũng biết đâu! "*Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề học chi sở phục)* (禍兮福之所倚, 福兮禍之所伏)[15] (Chương 58). Ôi! Phúc rồi họa, họa rồi phúc... sự vật bao giờ cũng *phản biến*. Nghĩa là hễ biến, thì biến thành cái đối đích của nó. Tục ngữ của dân gian có câu: "*Nay cười, mai khóc*". Và có nhận rõ được cái luật phản biến ấy của sự vật trên đời, thì *được* không nên vội mừng, *mất* không nên vội buồn... Nhờ vậy mà lòng mới bình tĩnh thản nhiên trước mọi biến cố của cuộc đời.

Cái mà Lão Tử chống đối là sự nhìn cuộc đời bằng Lý Trí, tức là nhìn cuộc đời bằng khối óc chia phân Thiện Ác, Vinh Nhục, Thị Phi, Cao Thấp... Cho nên, muốn được Đạo, muốn có hạnh phúc thật sự, phải bỏ cái óc chia phân sự vật, mà Lão Tử gọi là "*giải kỳ phân*" (解其分) để mà thấy được sự "huyền đồng" (玄同) của tất cả sự vật.

Cái lập trường chống Lý trí của Lão Tử, là do nơi kinh nghiệm thuần túy tâm linh của ông. Tri thức không bao giờ đạt đến cái lẽ Tuyệt đối. Nguyên lý cùng tột của Vũ trụ Vạn

Vật, tức là Đạo. Cho nên, những kẻ dùng đến Trí để mà hiểu Đạo là người Ngông. Đó là ông chống đối cái học la tập, cái học chủ Trí của người đời. Bậc Thánh nhân sở dĩ đạt đến trạng thái Tuyệt đối chỉ vì nhờ biết rõ mình là kẻ mắc cái "bệnh" nhị nguyên, cái "bệnh" phân tán, nên phòng ngừa mà tỉnh ngộ: "*Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh*"[16] (夫唯病病, 是以不病) (chương 71). Phương pháp giải thoát, theo Lão Tử, là phương pháp tiêu cực: đừng sa vào cái tập niệm nhị nguyên, tức là gần được với Đạo rồi đấy. Và như vậy, cái mà theo Lão Tử gọi là cái học cao nhất lại giống như sự ngu dốt. Chương 45 ông nói: "*Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột*" (大直若屈, 大巧若拙, 大辯若訥)[17]. Hai chữ "*dường như*" cần phải nên chú ý. Dùng lời nói danh từ của giới nhị nguyên để diễn tả cái mà ta không thể phân chia (là Đạo) thật là một việc rất khó. Bởi vậy, Lão Tử thường phải mượn lối nghịch thuyết để nói về chân lý. Như khi ông nói: "Hữu sinh ư Vô" 有生於無[18] hoặc "đại thành nhược khuyết" 大成若缺[19], "đại doanh nhược xung" 大盈若沖[20]. Và đây là lối mà các đại triết gia biện chứng Tây Phương cũng thường dùng để miêu tả cái chân lý "động" và "trở nên" không phút nào im lặng, như Heraclite (Hy Lạp), trong câu: "*Những cuộc đại thắng là những cuộc đại bại*"[21].

Câu "*đại doanh nhược xung*" (đầy tràn, lại dường như trống không) là chỗ mà Lão Tử muốn bảo Đạo trùm lấp Trời Đất Vũ Trụ, nhưng không làm sao thấy được, nên gần như "không có" gì cả. Để diễn tả cái chỗ "không không" đó và công dụng của nó, ở chương 11, ông ví nó như cái ổ trục" của bánh xe, cái khoảng "không" của chén bát, cái chỗ "trống" của buồng the: "*Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng. Duyên thực dĩ vi khí, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng. Tạc hộ dĩ vi thất, đương kỳ vô, hữu thất chi dụng...*" (三十輻, 共一轂, 當其無, 有車之用. 埏埴以

為器, 當其無, 有器之用. 鑿戶牖以為室, 當其無, 有室之用. 故有之以為利, 無之以為用).[22]

Đạo, thì hư vô, nhưng mà cái Đức của nó thì là nguồn gốc sinh ra trời đất vạn vật. Chữ *Đức* 德 ở đây có nghĩa là "mầm sống ngấm ngầm" theo nguyên nghĩa của nó, chứ không còn phải với cái nghĩa luân lý thông thường nữa. Thật vậy, ông nói: "*Khổng Đức chi dung, duy Đạo thị tùng*" (Dáng của Đức lớn, thì theo cùng với Đạo) 孔德之容, 惟道是從.[23]

Một chỗ khác, ông nói: "*Đạo sinh chi, Đức súc chi, trưởng chi dục chi, đình chi độc chi, dưỡng chi phúc chi...*" 道生之, 德畜之, 長之育之, 亭之毒之, 養之, 覆之...[24]

Đạo thì sinh mà Đức thì nuôi nấng và đùm bọc. Bởi vậy mới thường gọi là Huyền tẫn 玄牝 (mẹ nhiệm mầu).

B. Cái Động của Đạo

Trời đất vạn vật do Đạo mà ra, nhưng rồi đều trở về với Đạo.

Chương 40 ông nói: "*Phản giả đạo chi Động*" 反者道之動 (Trở lại là cái động của Đạo). Đó là con đường đi về. Còn con đường đi ra thì "*Đạo sinh Nhất, Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi bảo Dương. Xung khí dĩ vi hòa*" 道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物. 萬物負陰而抱陽, 沖氣以為和[25] (*Đạo sinh Một, Một sinh Hai, Hai sinh Ba, Ba sinh vạn vật. Trong vạn vật không vật nào mà không cõng Âm và bồng Dương. Nhân chỗ xung nhau mà hòa nhau*).

Nhất đây, là cái thể duy nhất của Đạo. *Nhị*, là trỏ vào hai khí âm dương, tức là hai nguyên lý mâu thuẫn nhau, nhưng bổ túc nhau đồng có ở trong mỗi vật, và vì thế mới có nói "*trong vạn vật không vật nào không cõng âm và bồng dương*". Giữa sự xô xát, xung đột nhau của hai nguyên lý mâu thuẫn ấy, lại có Một cái nắm giềng mối và làm cho nó phải sống chung và dung hòa với nhau mà không thủ tiêu nhau, cái đó là nguyên lý thứ ba; cái mà Lão Tử gọi là cái Dụng của Đạo. "*Xung khí dĩ vi hòa*" (沖氣以為和). Tức là cái nguyên lý làm cho cái khí xung đột giữa hai nguyên lý mâu thuẫn kia điều hòa với nhau. Đến khi được cái số Ba đó, thì vạn vật mới thành hình, nên mới gọi là "*Tam, sinh vạn vật*" (三, 生萬物).

Như vậy, ta thấy rằng Lão Tử có thể đã căn cứ vào Dịch học: "*Thái cực sinh lưỡng nghi*" để lập thành cái học "*Nhất sinh Nhị*" của ông. Nhưng ông chỉ mượn cái Đạo "*đi ra*" của Dịch, vì Dịch chủ trương Âm Dương để diễn tả cái Đạo biến đổi mà thôi. Lão Tử nhân đó, bàn về cái đạo "*trở về*" (phản phục), nghĩa là ông vượt cái học nhị nguyên của Dịch để chủ trương cái Đạo "quy Chân phản Phác" 歸真反樸. Theo Lão Tử, vạn vật đều động chuyển theo hai khuynh hướng nghịch nhau: *Đi Ra, rồi Trở Về*. Chương 16 ông nói: "*Vạn vật tịnh*

tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn..." 萬物並作, 吾以觀復. 夫物芸芸, 各復歸其根...

(Vạn vật cùng đều sinh ra, ta lại thấy nó trở về gốc; ôi, mọi vật trùng trùng, đều trở về cội rễ của nó). Mà trở về cội rễ, tức là trở về gốc Tịnh của nó (tức là trở về với Vô Vi): "*Quy căn viết Tịnh, thị vị viết Phục Mạng, Phục Mạng viết Thường*" 歸根曰靜, 是謂復命. 復命曰常. "*Trở về cội rễ, gọi là Tịnh, ấy gọi là Phục Mạng. Mà Phục Mạng gọi là Thường*". *Thường* 常 tức là *Đạo* 道 vậy.

Nhân quan niệm về chữ "*Thường*", tức là một cái gì bất di bất dịch nắm cả giềng mối Vạn Vật Vũ Trụ, nên Lão Tử mới nghĩ đến một cái gì như là một thứ Định Mạng trong sắc giới: "*Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất*" 天網恢恢, 疏而不失 [26]. Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà chẳng lọt. "Lưới trời", tức là cái luật tự nhiên mà không vật nào trong Vũ Trụ thoát khỏi. "Thiên Đạo vô thân" 天道無親 Đạo trời không thân ai cả (Chương 79).

Trong tất cả các luật của Tạo Hóa, thì cái luật lớn nhất và quan trọng nhất là luật "*Phản Phục*" 反復: hễ: "Vật cùng tắc phản", "Vật cực tắc biến"...

Chương 25 nói: "*Thệ viết viễn, viễn viết phản*" (逝曰遠, 遠曰反). Nghĩa là mỗi vật, khi mà đi đến cực độ thì phải biến; mà biến, thì lại biến trở về cái đối đích của nó. Phải biến Quấy, Nên biến Hư, Sống biến Chết, Lạnh biến Nóng, Vinh biến Nhục, Thiện biến Ác... hoặc trái ngược lại.

Đó là một cái luật "*Thường*" 常, bất di bất dịch của Tạo Hóa: Cái gì lên cao, thì xuống thấp. Cho nên "hòng muốn thu rút, là sắp mở rộng đó ra, hòng muốn làm yếu đó, là sắp làm đó mạnh lên, hòng muốn vứt bỏ đó, là sắp làm hưng khởi đó, hòng muốn cướp đoạt đó, là sắp ban thêm cho đó. Ấy là ánh sáng huyền vi, mềm yếu thắng cứng mạnh" 將欲歙之, 必固張之. 將欲弱之. 必固強之. 將欲廢之, 必固興之. 將欲奪之, 必固與之. 是謂微明. 柔弱勝剛強 (*Tương dục hấp chi,*

tất cố trương chi. Tương dục nhược chi, tất cố cường chi. Tương dục phế chi, tất cố hưng chi. Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi. Thị vị vi minh, nhu nhược thắng cương cường) (chương 36).

Tóm lại, những câu như: "*Ít thì lại được, nhiều thì lại mê*" 少則得, 多則惑 (thiểu tắc đắc, đa tắc hoặc) (Chương 22); "*Gió lốc không thổi suốt một buổi mai. Mưa dào, không mưa suốt một ngày trường..*" 飄風不終朝, 驟雨不終日 (Phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật) (Chương 23); "*Cái rất mềm của thiên hạ, thắng cái rất cứng trong thiên hạ*" 天下之至柔馳騁天下之至堅 (Thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên). (Chương 43); "Bớt là thêm, thêm là bớt" 損之而益, 益之而損 (Tổn chi nhi ích, ích chi nhi tổn) (chương 42)… đều là do cái luật *Phản Phục* 反復 mà ra cả! Nhưng đối với người thường, thì lại thấy rất là trái ngược, mâu thuẫn! Bởi vậy, ở chương 41, Lão Tử mới nói: "*Hạ sĩ văn Đạo, đại tiếu chi*" 下士聞道大笑之. Kẻ sĩ bậc thấp mà nghe nói đến Đạo, sẽ cả cười mà bỏ qua!

Tuy vậy, nếu bảo rằng "*vật cực tắc phản*" thì chữ cực 極 đây phải hiểu như thế nào? Đâu là chỗ cùng cực của mỗi vật? Không thấy Lão Tử bày giải chỗ nào cả. Không nói ra, có lẽ là vì Lão Tử hiểu rằng mọi vật, vật nào cũng có cái cùng tận của nó, không có một mực độ cùng tận nào có thể làm mực độ chung cho vạn sự vạn vật trong đời. Cho nên ông mới nói: "*Tri túc chi túc thường túc hĩ*" 知足之足常足矣 [27]. Biết đủ trong cái đủ, thì luôn luôn đủ. Cái gọi là đủ, không thể giống nhau đối với mọi người. Có khi cái mà người này thấy đủ, lại không đủ với người kia: hoàn cảnh, địa vị, sức khỏe, lớn nhỏ, thời buổi… đều khác nhau, không sao đưa ra một số lượng nào gọi là số lượng mẫu và đầy đủ cho cho tất cả mọi người mọi vật. Cái đủ của người mạnh không giống với cái đủ của người yếu. Cái vừa đủ đối với người khỏe, không còn là cái vừa đủ nữa đối với người đau, và ngay đối với chính bản thân của mình cũng vậy, cái mà hôm

nay cho là đủ, ngày mai sẽ là thiếu không chừng! Lấy ngay trong việc ăn uống cũng đủ thấy rõ: cái mà ta thường gọi là món ăn vừa đủ cũng phải tùy… tùy tuổi tác, tùy sức khỏe, tùy chất bổ nhiều ít của món ăn, không sao nhất luật đặng.

Đó là những cái mà Lão Tử gọi là “Thường” 常, nghĩa là bất biến, và luôn luôn đúng với tất cả vạn vật. Cho nên người sáng suốt phải là người thông suốt những cái luật ấy mà tuân theo: “*Tri thường viết minh*” 知常曰明 (Kẻ nào biết những luật “Thường” ấy là người sáng suốt).

Và trái lại, kẻ nào không biết đến nó, sẽ bị tai họa suốt đời: “*Bất tri thường, vọng tác hung*” 不知常, 妄作凶. Không biết Đạo “thường” ấy, là gây hung họa (cho mình). Cho nên ai mà được Đạo “thường” ấy, suốt đời không nguy: “*một thân bất đãi*” 没身不殆 (Chương 16).

C. Huyền Đồng 玄同

Trong khi nói Đạo là mẹ nuôi của muôn loài: "*Hữu danh vạn vật chi mẫu*" 有名萬物之母, ta thấy hình ảnh của một Bà Mẹ là đầu mối của học thuyết Lão Tử, và Lão Học là là cái học chú trọng về phần Âm. "Thiên hạ có nguồn gốc, dùng làm Mẹ của thiên hạ. Hễ giữ được Mẹ, thì biết được con. Đã biết được con, trở về với Mẹ: thân đến chết không nguy" 天下有始, 以為天下母. 即[28]得其母. 以知其子, 即知其子, 復守其母, 沒身不殆 (Thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu. Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử. Ký tri kỳ tử, phục thủ ký mẫu. Một thân bất đãi) (Chương 52).

"*Đã biết được con, trở về với Mẹ*", là nghĩa làm sao? "Con" đây là ám chỉ vạn vật. Sau khi cái học của mình về cái học trục vật mà đi đến cùng tột rồi thì con người lại "trở về với Đạo" (復守其母). Cũng như văn minh vật chất mà đến mức tột cùngt rồi, bèn sẽ xoay về tinh thần. Bởi vậy mới có người bảo rằng cái học nguyên tử ngày nay của Tây Phương "trở lại" gặp gỡ với Huyền học của Đông phương. Vấn đề đồng nhất của Tâm và Vật, Vật chất và Tinh thần... trước những phát minh về nguyên tử lực không còn phải là một vấn đề siêu hình nan giải nữa[29].

Cái số kiếp con người, cũng như của vạn vật là sớm muộn phải "trở về với Đạo": "*các phục quy kỳ căn*" 各復歸其根 (mọi vật trùng trùng, đều trở về với cội rễ của nó cả). Trở về được với Đạo, thì người ta mới được" trường cửu", hay nói một cách khác, người ta mới thực hiện được cái Chân Tánh của mình, tức là cái mà Lão Tử gọi "*Tử nhi bất vong*" 死而不亡 (Ch.33).

Nhưng làm sao thực hiện được sự Huyền Đồng ấy với Đạo? Phải "kiến tố, bảo phác", và "thiểu tư, quả dục", nghĩa là trở về với đời sống giản dị tự nhiên, ít tư riêng, ít tham dục. Công việc này chỉ là bước đường đầu: con đường "tâm trai", gột sạch lòng vị kỷ đủ mọi phương diện: "Vi Đạo nhật tổn,

tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư Vô Vi” 為道日損, 損之又損, 以至於無為 (48) (Theo Đạo, càng ngày ngày càng bớt. Bớt rồi lại bớt, đến mức vô vi). Vô Vi đây là vô dục vậy. Phải dứt bỏ: dứt bỏ cả lề lối suy tư theo “la tập” nhị nguyên, dứt bỏ cả lòng ham muốn riêng tư, dứt bỏ cả cái học trục vật, chạy theo danh lợi bên ngoài… Dứt bỏ cả cái lòng đèo bòng tham muốn theo những tánh phận bên ngoài… Tóm lại, phải dứt bỏ cái “ta” nhân tạo, giả dối để trở về với cái “ta” đồng nhất với Đạo, trở về “thanh tĩnh” và “vô vi”.

Khi mà giai đoạn đầu này được thực hiện đầy đủ, thì mới bước qua giai đoạn” ngộ Đạo”. Hễ “*trí hư cực, thủ tĩnh đốc*” 致虛極, 守靜篤[30]. Bấy giờ mới có thể “*hoát nhiên đại ngộ*” 豁然大悟!

Lão Tử không thấy nói về giai đoạn này, vì ông cho rằng “*tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*” 知者不言，言者不知 nhưng ông chỉ cho ta biết rằng trong cái trạng thái “huyền đồng” ấy, tất cả mọi sự mọi vật đều hòa lẫn nhau không còn thấy riêng tư, phân biệt nữa. Trước con mắt của người đã thực hiện được sự huyền đồng, thì tất cả đều là Một. “*Giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần – thị vị Huyền Đồng”* 解其紛，和其光，同其塵．是謂玄同 [31] (Bỏ chia phân, hòa ánh sáng, đồng bụi bậm, ấy gọi là Huyền Đồng). Trong những câu như: “*Đại phương vô ngung, đại khí vãn thành,đại âm hi thanh, đại tượng vô hình*” 大方無隅, 大器晚成, 大音希聲; 大象無形 (Vuông lớn, không góc; chậu lớn muộn thành; âm lớn, ít tiếng; tượng lớn, không hình) (Ch.41); hoặc: “kỳ thượng bất kiểu, kỳ hạ bất muội”[32]… “vô vật chi tượng, thị vị hốt hoảng”[33]… “nghinh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu”[34]… vân vân… đều là những chân lý mà ông gượng miêu tả trong những khi huyền hóa, tức là những lúc ông “*kiến độc*” và “*tiêu triệt*”.

Sự “huyền đồng” với Đạo mưu cho con người được một sự yên tĩnh và khoan khoái tâm hồn mà không còn có một

khoái lạc nào khác trên đời so sánh kịp… Không phải là một thứ vui sướng, nhưng là một cái gì nhẹ nhàng lâng lâng khác thường mà chỉ có ai đã “nếm” qua mới ý thức được đôi phần. “*Đạo chi xuất khẩu… đạm hồ ký vô vị. Thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn, dụng chi bất túc ký*” 道之出口, 淡乎其無味, 視之不足見, 聽之不足聞, 用之不足既 (Đạo ra cửa miệng, lạt lẽo vô vị, nhìn không đủ thấy, lắng không đủ nghe, nhưng mà dùng nó không hết) (Ch.35). Mùi vị của Đạo, đối với những khoái lạc nồng nhiệt trong đời, thì thấy như là lạt lẽo vô vị, “*nhìn không đủ thấy, lắng không đủ nghe*”, nghĩa là không thể nào tả được.

Sự “huyền đồng” với Đạo có đem lại cho con người quyền lực nào chăng? Có làm cho người được pháp lực phi thường nào không? Đó là thắc mắc của số đông người học Lão Trang tự hỏi. Bởi vậy, về sau để trả lời câu hỏi ấy, nhóm Đạo gia mới bày ra những câu chuyện Thần Tiên, trong đó Lão Tử được tôn làm Thái Thượng Lão Quân, và Trang Tử được tôn làm Nam Hoa Đại Lão Chân Tiên.

Thực ra vấn đề này không thấy Lão Tử bàn đến, người ta chỉ biết Lão Tử đặt kẻ “đắc” đạo như một “đứa anh nhi” tuy không làm gì cả mà “*độc trùng không cắn được, thú dữ không ăn được, ác điểu không xớt được*” 含德之厚, 比於赤子. 毒蟲不螫, 猛獸不據, 攫鳥不搏 (Ch.55). Toàn là những lời nói bóng mà ta phải hiểu như thế này: người đã được Đạo, giống cái đức của trẻ sơ sinh *“kẻ mà đức dày giống như con nhỏ*” 含德之厚 比於赤子. Chữ “xích tử” đây là ám chỉ cái tâm trạng của đứa trẻ sơ sinh, không dục vọng, bình thản đối với ngoại vật, nên ngoại vật không động được tâm và làm thương sinh. Cho nên mới nói “*độc trùng không cắn được*”…

Những danh từ hư ảo, mập mờ ấy khiến người ta hiểu lầm và cho là “quyền phép lạ lùng”, nhân đó mới có việc tin tưởng bâng quơ sau này của phái “thần tiên”… Tuy vậy, kẻ “huyền đồng” được với Đạo, dù không biết được họ có quyền lực gì khác người chăng, song chắc chắn họ sẽ không

giống người đời, từ tư tưởng, tình cảm và hành vi. Và chắc chắn họ là người không còn đau khổ nữa, vì chỉ có Bản Ngã mới là nguồn gốc của đau khổ mà thôi. Mà kẻ *huyền đồng* với Đạo là người không còn sống cho mình nữa!

Làm cách nào để nhận biết một người đã bắt chước Đạo? Đã theo con đường của Đạo? Lão Tử nói: "*Lời nói của ta rất dễ hiểu, rất dễ làm. Thế mà, thiên hạ không ai hiểu, không ai làm*" 吾言甚易知, 甚易行. 天下莫能知, 莫能行[35] (Ch.70).

Tại sao *dễ hiểu, dễ làm* – mà thiên hạ phần đông lại *không chịu hiểu, không chịu làm?* Phải chăng vì làm theo Đạo, thì lại chạm đến lòng vị kỷ của mình, nên không ai muốn làm?

Theo Đạo thì phải biết "*dừng*", biết "*đủ*", mà lòng vị kỷ thì không biết sao "dừng" được dù Lão Tử thường căn dặn "*họa mạc đại ư bất tri túc*"! 禍莫大於不知足![36] Cho nên theo Đạo, khó!

Theo Đạo thì phải biết" làm mà không cậy công, công thành rồi không nên ở lại, không để cho ai thấy cái tài hiền của mình". (Vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử, bất dục kiến hiền). Mà tình đời thì làm ít lại muốn hưởng nhiều, chỉ sợ người khác không biết ân, cho nên làm 1 mà kể công 10, công thành rồi thì ở mà hưởng, hưởng đến đời con, đời cháu cũng chưa vừa lòng, suốt đời chỉ lo sợ không ai biết đến tài hay trí cả của mình! Cho nên theo Đạo càng khó!

Theo Đạo thì phải "*như cây cung mà giương lên: chỗ cao thì ép xuống, chỗ thấp thì nâng lên (có dư thì bớt đi, không đủ thì bù vào). Bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu*". 天之道其猶張弓與: 高者抑之, 下者舉之. 有餘者損之, 不足者補之. 天之道損有餘而補不足[37] (Ch.77). Nhưng mà lòng của nhân thế thì sao? "*Đạo của người thì không vậy, bớt chỗ thiếu, bù chỗ dư!*" (人之道則不然, 損不足以奉有餘[38]). Thường hay vị thân, vị kỷ, kết phe với kẻ đắc thời, cầu thân với người đắc thế… để dựa vào đó mà bóc lột, lợi dụng những kẻ vô cô, bất hạnh! Cho nên theo Đạo rất khó!

Theo Đạo, thì phải hạ mình, làm kẻ thấp, sống trong bóng tối, “*không tự xem mình là sáng… không tự cho mình là phải… không tự hào và khoe khoang*” 不自見… 不自是… 不自伐… 不自矜…[39] (Ch.22), như vậy, thì cái lòng “hiếu danh” chỉ suốt đời nơm nớp sợ không ai biết đến tên tuổi của mình và mong mỏi được “lưu danh ư hậu thế”, muốn cho ai ai cũng phải thờ kính và phục tùng theo cái lẽ phải của mình vì “đời đục cả, một mình ta trong”, “đời say cả, một mình ta tỉnh”… phải dựa vào đâu mà tồn tại? Cho nên theo Đạo thật là vô cùng khó vậy!

Lại nữa, theo Đạo phải biết “dĩ đức báo oán” 以德報怨 (Ch.63), và phải biết “với kẻ lành, thì lấy lành mà ở, với kẻ chẳng lành, cũng lấy lành mà ở, với kẻ thành tín, thì lấy thành tín mà ở, với kẻ không thành tín, thì cũng lấy thành tín mà ở 善者吾善之, 不善者吾亦善之 (…) 信者吾信之, 不信者吾亦信之[40] (Ch.49) – như vậy, thì làm sao mà hả được cái lòng căm thù của mình, và ít ra, nếu người ta “móc mình một con mắt” thì mình cũng phải biết “nằm gai nếm mật” để “ân” thì đền, mà “oán” phải trả, “móc họ lại một con mắt” mới hợp Công Bình chứ! Vậy thì, theo Đạo, quả là không thể nào làm được, đừng nói là khó làm!

Tóm lại, Đạo của Lão Tử không có gì là khó hiểu, khó làm… Người ta sở dĩ không chịu hiểu, không chịu làm, là vì tâm hồn con người quá hẹp hòi ích kỷ. Và vì vậy mà từ xưa đến nay, tiếng nói của ông, tuy xét theo Lý thì rất xác đáng, mà theo Tình thì không mấy ai chịu làm theo! Cho nên Thích Ca mới bảo: “Đời là bể khổ!”, mà Lão Tử cũng đã phải than:

Người đời vui vẻ,
Như hưởng thái lao,
Như lên xuân đài,
Riêng ta im lặng,
Chẳng dấu vết chi,
Như trẻ sơ sinh,
Chưa biết tươi cười,

Rũ rượi mà đi,
Đi không chỗ về,
Người đời có dư,
Riêng ta thiếu thốn,
Lòng ta ngu dốt vậy thay,
Mỏi mệt chừ![41]
Người đời phân biện,
Riêng ta hỗn độn,
Điềm tĩnh dường tối tăm,
Vùn vụt dường không lặng,
Người đời đều có chỗ dùng,
Riêng ta ngu dốt, thô lậu,
Ta riêng khác người đời...
(Chương 20)

D. Chính trị

Như đã nói trước đây, *Đạo Đức Kinh* sở dĩ viết ra là để cho những nhà trị nước, hay những kẻ sắp ra cầm quyền trị nước. Có lẽ vì mục kích hỗn trạng cực kỳ thê thảm thời Xuân Thu, Chiến Quốc mà Lão Tử, cũng như Khổng Tử, Mặc Tử cùng các Pháp gia thời ấy, cố ý đưa ra một giải pháp an bang tế thế. Thật vậy, ông nói: "*dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi; dân chi kkinh tử, dĩ kỳ cầu sinh chi hậu*" (民之飢, 以其上食稅之多, 民之難治, 以其上之有為, 民之輕死, 以其求生之厚) (Ch.75). Dân mà đói, là vì trên bắt thuế nhiều…, dân mà khó trị, là vì trên dùng đạo hữu vi…, dân mà coi thường cái chết, vì quá trọng cầu cái sống). Bởi vậy, dù có đem cái chết mà dọa dân chúng, cũng không ích gì cả, trong khi dồn họ vào nơi tuyệt vọng… (民不畏死, 奈何以死懼之?) "*dân chi úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi*". (Dân không sợ chết, làm sao lấy chết dọa đó!) (Ch.74).

Như vậy, ta thấy trị nước, Lão Tử chống lại với những hình phạt tru lục của Pháp gia thời đó. Ham sống, sợ chết là thiên tính của loài người. Nhưng làm cho dân không sợ chết nữa, là vì đã quá dùng cái chết mà sát phạt nó. Đó là một chân lý, dù mới xem dường như là trái ngược với lẽ thường.

Trong những chế độ hà khắc bạo ngược, hay dùng đến cực hình, dân chúng hàng ngày thường sống trong cảnh không có ngày mai… Thét rồi, họ không còn sợ chết nữa. Dân mà không còn sợ chết nữa, thì dùng cái chết mà dọa chúng có ích gì? Các nhà xã hội học ngày nay cũng chứng nhận rằng: cực hình càng tăng, số tội ác càng thêm!

Thời Chiến Quốc, giặc giã liên miên, người ta chết, thây nằm chật đất, bởi vậy, không có tai họa nào lớn trong đời bằng cái họa chiến tranh. Cho nên ông khuyên: "*Kẻ lấy Đạo thờ vua không nên dùng đến binh mà bức thiên hạ*" 以道佐人主者, 不以兵強天下[42] (Ch.30)

Đối với những tai họa đã kể trên, người trị nước phải làm cách nào? Đồng ý với Khổng Tử, Lão Tử cũng chủ trương cần phải có một bậc *Hiền* để cầm quyền thiên hạ. Nhưng người cầm quyền trị nước, theo Khổng thì có khác với người cầm quyền trị nước theo Lão. Trong khi theo Khổng thì người trị nước phải hành theo Đạo hữu vi, nghĩa là chế Lễ, tác Nhạc và "*làm*" rất nhiều... còn bậc trị nước theo Lão, trái lại, càng làm ít càng hay, và không làm gì cả lại càng tốt hơn! Là vì, theo Lão Tử: việc đời mà đa đoan, việc người mà rối rắm, chẳng phải vì những việc người ta đã lo cho đời quá ít, mà chính vì những việc mà người ta đã lo cho đời quá nhiều.

Ông nói: "*thiên hạ đa kỵ húy, nhi dân di bần. Dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn. Nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi. Pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu*" (天下多忌諱而民彌貧, 民多利器 國家滋昏. 人多伎巧, 其物滋起; 法令滋彰, 盜賊多有) *(Thiên hạ mà nhiều kiêng kỵ, thì dân chúng càng nghèo. Nhân dân nhiều lợi khí, thì nước nhà càng tối tăm. Người người nhiều tài khéo, vật lạ càng nẩy sinh. Pháp lệnh càng rõ rệt, trộm cướp càng sinh nhiều)* (Ch.57).

Cho nên bậc Thánh nhân trị nước phải lo "đứt thánh bỏ trí, dân lợi trăm phần. Dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại thảo lành. Dứt xảo bỏ lợi, trộm cướp không có" (絕聖棄智, 民利百倍. 絕仁棄義, 民復孝慈. 絕巧棄利, 盜賊無有[43]).

"*Một nơi khác ông cũng nói: "không tôn bậc hiền tài, khiến cho dân không tranh, không quý của khó đặng, khiến cho dân không trộm cướp, không phô điều muốn, khiến lòng dân không loạn. Vì vậy, cái trị của Thánh nhân là làm cho dân hư lòng, no dạ, an (yếu) chí, mạnh xương. Thường khiến cho dân không biết, không ham, khiến cho kẻ trí không dám dùng đến cái khôn của mình. Làm theo Vô Vi, ắt không có gì là không trị được*" 不尚賢, 使民不爭. 不貴難得之貨, 使民不為盜. 不見可欲, 使 民心不亂. 是以聖人之治, 虛其心, 實其腹, 弱其志, 強其骨. 常使民無知無欲, 使夫智者不敢為也, 為無為, 則無不治 *(Bất thượng hiền, xử dân bất tranh. Bất quý nan*

đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo. Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn. Thị dĩ Thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi dã. Vi vô vi, tắc vô bất trị) (Chương 3).

Đó là dùng phương pháp *tiêu cực*, thủ tiêu mọi nguyên nhân gây lòng tham dục của con người trước hết, thì nó lấy đâu mà bùng cháy? "*Bậc hiền tài*" cũng như "*của khó đặng*", là những cái mồi làm cho lòng dân sanh loạn. Nó có khác nào những chất củi khô làm bổi cho ngọn lửa tham dục dấy lên. Cho nên "*trị loạn" sao bằng "phòng loạn", rút củi ra thì lửa tắt đi.*

Trẻ con, lòng ít tham dục, nên đời sống của nó còn tự nhiên chất phác, giản dị… Cho nên Lão Tử mới nói: "*hàm đức chi hậu, tỉ ư xích tử*" 含德之厚, 比於赤子, nghĩa là đem "*kẻ đức dầy*" mà ví với "*đứa con đỏ*" (Ch.55). Bậc thánh nhân trị nước, vì vậy, xem dân như đứa trẻ: "*thánh nhân giai hài chi*" 聖人皆孩之 (Ch49), và không làm cho nó "sáng", mà làm cho nó "ngu": "*Cổ chi thiện vi Đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi*" (古之善為道者, 非以明民, 將以愚之) (Bậc Thánh nhân trị nước mà khéo thi hành Đạo, thì không làm cho dân sáng mà làm cho dân Ngu). Chữ "*minh dân*" và "*ngu dân*" ở đây không còn có cái nghĩa thông thường của nó nữa. "*Minh dân*" không có cái nghĩa là mở rộng óc thông minh, "*ngu dân*" cũng không có nghĩa là làm cho đầu óc con người trở nên ngu đần. Chữ "*minh*" đây, là "*đa kiến xảo trá*", và chữ "ngu" đây là "*thuần hậu thật thà*".

Cái đạo trị nước hay nhất để đem lại hạnh phúc cho nhân dân là đưa họ trở về 1 đời sống thật thà và giản dị.

II. PHẦN PHÂN TÍCH

ĐẠO 道

A. Về bản thể

Trong các chương 1, 4, 14, 21, 25, 34, 42, 51, 79, Lão Tử ròng luận về *Bản thể của Đạo*. Chỗ mà ông gọi là *Đạo*, tức là chỗ ông ám chỉ cái *Nguồn gốc của Vũ Trụ* (宇宙之本原[44])

Nguồn gốc của Vũ Trụ (Đạo 道) là một Lẽ tuyệt Đối, không chi đối đãi với nó cả, vì vậy, không thể lấy một danh từ gì để chỉ định. Là vì, phàm cái gì có thể lấy lời nói mà định danh là đã sa vào chỗ đối đãi rồi. Như nói Đạo tức là đã mặc nhiên hàm cái ý có một cái "không phải Đạo" ẩn trong danh từ ấy, và như thế thì Đạo không còn là một lẽ Tuyệt đối nữa. Tuyệt đối là độc nhất vô nhị, cho nên dùng danh từ của giới nhị nguyên (dualist) đối đãi mà gọi tên, là không thể được. Bởi vậy mới nói: "*Đạo khả đạo, phi thường Đạo; Danh khả danh, phi thường Danh*" (Đạo mà ta có thể gọi được, không còn phải là Đạo "thường"; Danh mà ta có thể gọi được, không còn phải là Danh "thường") (Chương 1) 道可,非常道; 名可名, 非常名.

Thế thì, sở dĩ lại gọi nó là Đạo, là bất đắc dĩ gượng mà kêu tên đó thôi: "*Ngô bất tri kỳ Danh, cưỡng tự chi viết Đạo, cưỡng vị chi danh viết Đại*" (Ta không biết tên, gượng gọi đó là Đạo, gượng cho đó là lớn) (Chương 25) 吾不知其名, 強字之曰道, 強為之名曰大.

Việc quan trọng nhất của triết học phải chăng, không có gì cần thiết hơn mà cũng không có gì khó khăn hơn là vấn đề *giải thích Vũ Trụ?* Lấy Vũ Trụ làm căn nguyên cho tất cả Vạn vật thì học thuật mới có chỗ cứu cánh, và trí thức loài người mới mong đầy đủ được.

Nếu lấy ngay hình hài và kiếp sống trăm năm là hạn của con người mà sánh với cái vô cùng vô tận của không gian và thời gian, thì tuy thấy là có mà hình như không có gì cả. Cho

nên, bàn về cách đo lường tinh xác Vũ Trụ đã đến đâu, và sự học thức của người để hiểu biết Vũ Trụ ấy đã tiến đến bực nào, thiết tưởng cũng không cần cho lắm. Là vì muốn giải quyết cứu cánh Vũ Trụ, rốt cuộc lại hình như không bao giờ có thể giải quyết được. Tại sao thế?

Giả sử mà công việc giải thích ấy có thể được thì Vũ Trụ này sẽ là một Vật hữu tận, chứ không còn là vô tận nữa. Và ngoài cái Vũ Trụ này ra cũng có thể còn có một Vũ Trụ khác, và cứ như thế mãi đến không cùng. Vậy thì cái Vũ Trụ vô cùng đó, đâu phải chỗ mà chúng ta có thể giải quyết được. Theo các nhà thiên văn ngày nay thì Thái Dương ở giữa trung bộ của đại vũ trụ. Cách trung tâm đại vũ trụ ước mấy trăm trăm triệu lý, ngoài ra thì ngôi sao phân bố bốn phương như dầy dặt trên một cái vòng tròn. Cái bề cao của nguyên khôi tinh tú ấy từ đầu này sang đầu kia, nếu tính theo sức mau lẹ của ánh sáng 186.000 anh lý trong một ly đồng hồ, thì cũng phải đến 50.000 năm mới có thể đi tới đặng. Đó là cái đại vũ trụ của loài người chúng ta ở... Nhưng ngoài cái Vũ Trụ này há lại chẳng còn có cái đại vũ trụ nào khác nữa hay sao?

Nhà thiên văn lại cũng có nói: “Cái Vũ Trụ lớn mà loài người chúng ta ở đây là một vùng xoáy của tinh vân: hình nó mỏng và bằng, bề mặt hai bên nó lồi lên. Từ trung tâm thẳng đến bên cạnh thiên hà, có trên vạn vạn triệu lý. Từ trung tâm đến khoảng hai trục ấy, lại chỉ có một phần ba con số ấy mà thôi. Nếu cho rằng mỗi một đoàn tinh vân là một cái đại vũ trụ độc lập, thì lớn hay nhỏ, nó sẽ giống nhau như đại vũ trụ mà chúng ta đang ở. Mà cái số của đoàn tinh vân ấy có trên mười vạn...

Nhưng mà đó cũng chỉ chẳng qua là ngày nay chúng ta mới thấy được bấy nhiêu mà thôi, và biết đâu sau này, chỗ biết ấy lại không hơn bây giờ gấp trăm nghìn lần! Vậy thì Vũ Trụ tức là Không gian và Thời gian há có thể là vấn đề có thể bàn đến được không, và ta có thể nào lấy lời nói mà hình dung được cái chỗ Vô cùng Vô tận của nó chăng? Như vậy,

đến ngày nay mà khoa học đã đến chỗ gần như cùng độ, thế mà đối với vấn đề Vũ Trụ, dường như cũng phải nhận là một vấn đề bất khả tư nghị và hình dung được. (Trần Trụ).

Trong thời đại Lão Tử, quan niệm về Vũ Trụ hãy còn hết sức là ấu trĩ, cho nên phần đông con người khó tránh sa vào thần bí. Chỉ có một mình Lão Tử là không phải như thế. Mặc dù ông không có đủ khí cụ cùng phương tiện đo lường tinh xác như ngày nay, ông vẫn cũng biết được một cách rất thâm sâu rằng: Vũ Trụ không thể nào dùng tư tưởng mà suy nghĩ được, không thể nào dùng lời nói mà luận bàn được. Và vì thế ông cưỡng đặt cho nó tên là *Đạo*.

Ở chương thứ nhất sách *Đạo Đức Kinh* có nói: "*Đạo mà có thể nói ra được, không còn phải là Đạo thường nữa; Danh mà có thể nói ra được, không còn phải là Danh thường nữa*".

Trang Tử ở Thiên *Trí Bắc Du* 知北遊 giải câu nói trên đây của Lão Tử rất rõ ràng:

"*Đạo chẳng có thể nghe được, nghe được không còn phải là Nó nữa; Đạo chẳng có thể thấy được, thấy được không phải là Nó nữa; Đạo chẳng có thể nói được, nói được không phải là Nó nữa. Có thể nào lấy cái Trí mà hiểu được cái hình dung của cái không hình dung được chăng? Vậy thì, không nên đặt tên cho Đạo*" (道不可聞, 聞而非也; 道不可見, 見而非也; 道不可言, 言而非也. 知形之不形乎! 道不當名)[45]. Ông lại nói thêm: "*Kẻ hỏi Đạo cũng như kẻ đáp lại, đều là những người không hiểu Đạo cả*" (有問道而應之者, 不知道也)[46], vì "*biết thì không nói, mà nói thì không biết*" (知者不言, 言者不知)[47].

Hàn Phi Tử 韓非子 ở thiên *Giải Lão* 解老 cũng có bàn rộng về cái nghĩa "bất khả Đạo" 不可道 trên đây như sau đây: "Phàm cái Lý ấy, nếu đem ra mà phân chia thành ra vuông, tròn, dài, ngắn, xấu, đẹp, cứng, mềm… thì cái Lý ấy đã bị hạn định rồi vậy (…) Vật mà đã định rồi thì mới có còn mất, sống chết, thịnh suy. Ôi! vật mà khi còn, khi mất, thoạt

sống, thoạt chết, trước thịnh sau suy, thì không thể gọi là "thường" được (...) Cho nên không thể gọi đó là Đạo được (凡理者方園短長粗靡堅脆之分也 (...) 故定理有存亡, 有死生, 有盛衰. 夫物之一存一亡. 乍死乍死, 初盛而後衰者, 不可謂常 (...) 是以不可道也)[48].

Chương 67 *Đạo Đức Kinh* có câu:

"*Thiên hạ giai vị ngã Đạo đại tự bất tiếu. Phù duy đại, cố tự bất tiếu; nhược tiếu cữu hĩ, kỳ tế dã phù!*" 天下皆謂我道大似不肖 . 夫惟大, 故似不肖 . 若肖久矣, 其細也夫!
(*Thiên hạ đều gọi Đạo ta là lớn mà dường như không giống chi cả. Bởi nó Lớn, nên Nó không giống chi cả. Nhược bằng Nó giống vật chi, thì Nó đã nhỏ lâu rồi!*).

Đạo mà nói ra đặng, mà có thể gọi tên đặng, là vì nó có chỗ *giống* (để mà so sánh). Có chỗ giống, mới có thể dùng lời nói mà hình dung, như vậy thì Đạo đã có chỗ cùng. Mà đã có chỗ cùng, thì sao có gọi là Lớn, lớn một cách tuyệt đối. Thật vậy, mỗi khi ta nói đến Lớn, thì óc ta liên tưởng đến một cái gì nhỏ hơn, nghĩa là lớn hơn cái nhỏ, nhỏ hơn cái lớn... Và như thế, thì trong đời không có cái gì thật lớn, cũng không có cái gì thật nhỏ.

Chương 15 sách Đạo Đức Kinh:

"*Cổ chi thiện vi sĩ giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức. Phù duy bất khả thức, cố cưỡng chi vi dung*" 古之善為士者, 微妙玄通, 深不可識. 夫唯不可識, 故強為之容.
(*Bậc toàn thiện xưa, tinh tế nhiệm mầu, siêu huyền thông suốt, sâu chẳng khá dò. Bởi chẳng khá dò, tạm hình dung đó*).

Nghiêm Phục[49] 嚴復 nói: "*Vật có hình khí thời không thể không đối đãi được. Cái mà chẳng thể đối đãi được, thời chẳng thể nào tư tưởng mà suy nghĩ, lấy lời nói mà nghị luận*". 形氣之物, 無非對待; 非對待則不可思議 (Hình khí chi vật, vô phi đối đãi; phi đối đãi tắc bất khả tư nghị).

Trở lên, là bàn về *Bản thể* của Đạo.

Bản thể của Đạo, tức là Nguồn gốc của Vũ Trụ, nên mới nói: "*Hữu vật hỗn thành, tiên Thiên Địa sinh. Tịch hề, liêu hề, độc lập bất cải, châu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu*" (有物混成, 先天地生. 寂兮, 寥兮, 獨立而不改, 周行而不殆, 可以為天下母) (Chương 25) (Có vật hỗn độn mà nên, sanh trước Trời Đất. Yên lặng, trống không. Đứng riêng mà không đổi, đi khắp mà không mỏi, có thể là Mẹ thiên hạ). Gọi là "thiên hạ mẫu" (天下母) là muốn bảo: Đạo là Nguồn gốc của Vũ Trụ, Mẹ sinh ra vạn vật dưới trời, mà cũng là nguồn gốc của Vô Vi, của một cái Có tuyệt đối, một cái Lớn tuyệt đối mà không có đối đãi. Vì nó là một cái gì Lớn tuyệt đối nên mới nói: "*nghinh chi nhi bất kiến kỳ thủ, tùy chi nhi bất kiến kỳ hậu*" 迎之不見其首, 隨之不見其後 (Chương 14) (Đón nó thì không thấy đầu, theo nó thì không thấy đuôi). Tức là "vô thủy vô chung" 無始無終 vậy. Lại cũng vì Nó là một cái Có tuyệt đối, một cái gì Lớn tuyệt đối nên mắt xem không thể thấy, tai lóng không thể nghe, tay rờ không thể đụng, nên mới nói: "*Thị chi nhi bất kiến, danh viết Di; thính chi nhi bất văn, danh viết Hi; bác chi bất đắc, danh viết Vi*" 視之而不見名曰夷; 聽之不聞名曰希; 搏之不得名曰微 (Chương 14) (Xem mà không thấy nên tên gọi là Di, Lóng mà không nghe nên tên gọi là Hi; Bắt mà không nắm được, nên tên gọi là Vi).

Như vậy Đạo là một cái gì gần như không có vật gì cả, nên mới nói: "*thằng thằng bất khả danh, phục quy ư vô vật, thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng*" 繩繩不可名, 復歸於無物. 是謂無狀之狀, 無物之象 (Chương 14) (Dài dằng dặc mà không có tên, rồi lại trở về chỗ không có; ấy gọi là hình trạng không hình trạng, cái hình trạng của cái không có vật).

Nhưng thực sự thì không phải vậy, bởi nó là Nguồn gốc sanh ra Vạn Vật, thì bảo là không có gì cả sao đặng. Nên mới nói: "*Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt; hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng. Hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật.*

Yểu hề minh hề, kỳ trung hữu tinh" (Chương 21) (道之為物, 惟恍惟惚; 惚兮恍兮, 其中有象. 恍兮惚兮, 其中有物. 窈兮冥兮, 其中有精) (Đạo sanh ra Vật, Thấp thoáng mập mờ. Thấp thoáng mập mờ, trong đó có hình; mập mờ thấp thoáng, trong đó có Vật. Sâu xa tăm tối, trong đó có tinh).

Vì Đạo là nguồn gốc của Vũ Trụ, hay nói 1 cách khác, Đạo là nguồn gốc của Vạn Vật, nên mới nói: "*Đạo sanh Nhất, Nhất sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh Vạn Vật*" (道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物) (Chương 42) (Đạo sanh Một, Một sanh Hai, Hai sanh Ba, Ba sanh ra Vạn Vật). Lại nói: "*Đạo sanh chi, Đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi*" (道生之, 德畜之, 物形之, 勢成之) (Ch.51) (Đạo sanh đó, Đức nuôi đó, chủng loại tạo hình đó, hoàn cảnh kết liễu đó).

Bao nhiêu điều nói trên, đều là để bày giải cái lý sinh thành của Vạn Vật.

Đạo là nguồn gốc của Vạn Vật, là cái chỗ tự sinh (生) của muôn loài mà không biết tại sao mà sinh ra. Nó là cái vật che chở và nuôi dưỡng vạn vật mà không tự cho mình là chủ muôn vật, và bởi thế mới có nói: "*Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất từ. Công thành bất danh hữu, y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ*" 萬物恃之而生而不辭. 功成而名有. 衣養萬物而不為主 (Chương 34) (Vạn vật nhờ Nó mà sinh ra, mà không vật nào bị nó khước từ. Xong việc rồi, không để tên; che chở, nuôi nấng muôn loài mà không làm chủ). Lời nói này, chủ ý muốn nói Đạo sinh ra vạn vật, tuồng như không có làm gì cả mà kỳ thật, không có gì là không làm (似無為而實無不為也)[50].

Chỗ nguồn gốc phát xuất triết học chánh trị vô vi của Lão Tử là căn cứ nơi chỗ này vậy.

B. Về nhân sự

Những chương 8, 9, 14, 15, 16, 18, 23, 25, 30, 31, 32, 37, 38, 41, 46, 47, 48, 53, 59, 77, 79, 81, Lão Tử bàn đến cái Đạo về nhân sự. Nhưng, thiết yếu nhất là chương: "*Nhân*

pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên" (人法地, 地法天, 天法道, 道法自 然)[51] (Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự Nhiên). Bấy nhiêu lời nói ấy, đủ chỉ cho ta thấy rằng Lão Tử đối với vấn đề nhân sinh, chủ trương con người phải bắt chước theo Trời, bắt chước theo Đạo. Bởi vậy, ông thường khuyên ta: "*Đạo thường Vô vi, nhi vô bất vi. Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa*" (道常無為而無不為, 侯王若能守之, 萬物將自 化) (Đạo thường không làm, nhưng không gì không làm. Bậc hầu vương giữ được nó, thì vạn vật sẽ tự thay đổi) (Ch.37).

Câu "*độc lập bất cải, châu hành bất đãi*" (獨立而不改, 周行而不殆) (Đứng riêng mà không đổi, đi khắp mà không mỏi) là muốn ám chỉ cái luật mâu thuẫn của Đạo: Đạo thì *chí tịnh* (至静), "bất cải" mà cũng là *chí động* (至動) "bất đãi". Như khoa học vật lý ngày nay đã chứng minh, ta thấy rằng trong cái *chí tịnh* của hạt nguyên tử, mà giác quan ta không thể nhận thức khác hơn được, kỳ thực là một cái *chí động* (động cùng cực). Rộng lớn hơn, là quả địa cầu ta ở: cái chuyển của quả địa cầu thật là *chí động*, thế mà ta không dè là có động. Lớn hơn nữa là ngôi Thái dương, *chí tịnh* đối với các hành tinh trong thái dương hệ, mà *chí động* đối với các ngôi thái dương khác. Cho hay cái chí động lại dường như cái chí tịnh, cái "không làm" gì cả mà kỳ thực là "cái làm" hiệu quả nhất.

Bản thể của Đạo thì thấy là "không làm" gì cả: chí tịnh; mà kỳ thực *không có gì là không do cái làm của nó mà ra* (無為而無不為): chí động. Do đó mới có cái hành động Vô Vi là "bất tranh" (不爭), mà không có cái gì tranh được với nó, hay thắng được nó. Hành động Vô vi, là hành động "*bất tranh nhi thiện thắng*", ta phải bắt chước theo hành động ấy của Đạo mà "hành" cái Đạo "không tranh". Ông lấy nước để ví với Đạo.

“*Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố. Cố cơ ư Đạo. Cư thiện địa, tâm thiện uyên, dữ thiện nhân, ngôn thiện tín, chánh thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời. Phù duy bất tranh, cố vô vưu*” (上善若水. 水善利萬物而不爭, 處眾人之所惡, 故幾於道. 居善地, 心善淵, 與善仁, 言善信, 正善治, 事善能, 動善時. 夫唯不爭, 故無尤) (Bậc “thượng thiện”, giống như nước, nước thì ưa làm lợi cho vạn vật mà không tranh. Ở thì hay lựa chỗ thấp, lòng thì chịu chỗ thâm sâu, xử thế thì thích lòng nhân, nói ra thì trung thành không sai chạy, sửa trị thì chịu làm cho thái bình. Làm việc thì hợp với tài năng, cử động thì hợp với thời buổi. Ôi vì không làm nên không sao lầm lỗi) (Ch.8).

Nhân nguyên tắc “*bất tranh nhi thiện thắng*” mới có sanh ra những thuyết xử thế: “*công toại thân thoái*”[52] (功遂身退) (Ch.9), “*nhược úy tứ lân*”[53] (若畏四鄰) (Ch.15), và do đó nẩy ra những điều răn mình như “*tự căng tự phạt*” (自矜自伐) ở chương 24: “*tự phạt giả vô công, tự căng giả bất trưởng...*” (tự xem là có công thì không công, tự kiêu căng thì không đứng đầu...) hay là “*bất dĩ binh cưỡng thiên hạ*” (Ch.30) (đừng dùng binh mà bức thiên hạ)... Phải chăng đó đều là do cái nghĩa của hai chữ “bất tranh” để gìn giữ cho thân mạng của mình được lâu dài... mà nẩy sinh ra không?

Tôn chỉ của Lão Tử, chỗ khấn yếu nhất là câu: “thượng Đức bất Đức” (上德不德) ở chương 38.

Đoạn văn này cần phải để ý đến hai chữ “thượng” và “hạ”. Thượng, là chỉ sự gần với Đạo; hạ, là chỉ sự xa với Đạo. Cái đức của Đạo, không phải những đức tính như người đời thường nhận như Nhân, Nghĩa, Lễ... nên mới nói: “thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức, hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức”. (Đức mà cao là không có đức, bởi vậy mới có Đức. Đức mà thấp, là có đức, nên không có đức).

Ta thấy rằng chỗ mà Lão Tử gọi là Đạo, bao giờ cũng có hai nghĩa: cái Đạo của Bản thể và cái Đạo của Nhân sự. Chữ

Đức cũng có hai nghĩa: cái đức của Đạo và cái đức của cái không phải Đạo như Nhân, Nghĩa, Lễ... Và vì thế Lão Tử trọng Đạo Đức mà khinh Nhân, Nghĩa, Lễ v.v...

Khinh Nhân, Nghĩa... không phải là bỏ Nhân, Nghĩa, mà thực ra là cho nó *chưa đủ để thực hiện được cái Đạo nơi lòng mình*. Còn nói đến Nhân, Nghĩa... là còn phân nhĩ ngã... còn thấy có người có ta. Đạo mà cao, hay nói một cách khác, người mà thực hiện được cái Đạo nơi mình rồi, không cần nói đến Nhân, đến Nghĩa... mà vẫn có Nhân, có Nghĩa một cách hoàn toàn đầy đủ, không miễn cưỡng... Không cần phải thi hành cái đạo Nhân, đạo Nghĩa mà tự nhiên được Nhân được Nghĩa là vì kẻ đã thực hiện được cái đạo nơi mình, không còn thấy có người, có ta... mà thấy người là ta, ta là người; cũng không còn thấy có nội, có ngoại gì nữa mà cả thẩy đều là một. Còn nói đến Nhân, Nghĩa, Lễ là còn thấy có ta và người khác nhau. Lời nói này của Trần Trụ cũng đáng để cho ta để ý: "*Lão Tử, vì muốn khôi phục cái chánh trị đạo đức đại đồng, nên mới cho Nhân, Nghĩa, Lễ là chưa đủ... Nếu chưa rõ được chỗ chánh trị đạo đức đại đồng mà lại chê bướng Nhân, Nghĩa, Lễ... đó là kẻ tội nhân của Lão Tử...*". Hay nói một cách khác "*Đại đạo phế, hữu Nhân Nghĩa...*" 大道廢, 有仁義 (Ch.18). Đạo nơi ta đã mất rồi, ta mới nhận thấy có người có ta nên mới có bày ra Nhân Nghĩa để nối lại cái Sống Một đã bị chia lìa. Còn thấy nhĩ ngã, nội ngoại là còn sống trong nhận định sai lầm của Tư Ngã (本我)[54] của nhãn kiến Nhị nguyên. Trang Tử, ở chương *Thiên Vận* (天運) giải thích vấn đề này có nói: "*Thương đại tể là Đảng hỏi Trang Tử cái nghĩa của chữ Nhân. Trang Tử nói: "Ấy là đức của hổ lang". Đảng hỏi: "sao vậy?". Đảng hỏi: "Còn chí nhân thì sao?" Trang Tử nói: "Chí nhân không thân ai hết." Đảng hỏi: "Tôi nghe nói không thân thì không thương, không thương thì không hiếu. Gọi người chí nhân là không có hiếu được không?" Trang Tử nói: "Không phải vậy. Chí nhân cao lắm. Hiếu không đủ để nói đến họ*".

Như vậy, ta thấy kẻ mà khuyên ta “*thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi; tín giả, ngô tín chi, bất tín giả, ngô diệc tín chi*” lại bị người đời cho là vô luân lý chẳng phải là oan lắm ru! Đối với kẻ phải với ta, ta ở thành tín với họ, thì đó là lẽ thường rồi! Nhưng, đối với kẻ ở quấy với ta, đối với kẻ bội phản ta, thế mà ta vẫn cứ một mực ở phải với họ, thành tín chung thủy với họ, thì có cần phải đem Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín mà bàn với ta nữa không? Ta là kẻ đã đứng trên loài người: đạo đức luân lý thông thường như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín đều là qua nhỏ bé đối với ta vậy!

Khác với Nho, Lão Tử khuyên ta “*dĩ đức báo oán*”, và dùng chữ Từ… để đối xử với tất cả mọi người, bất phân kẻ thiện người ác, thì chữ Từ ấy phảng phất với chữ Bác ái và Bát nhã bình đẳng của Nhà Phật. Những kẻ vịn lẽ Lão không phân Thiện Ác, và cho ông chủ trương vô luân lý là hiểu sai! Phải nói rằng luân lý của Lão là một thứ siêu đẳng luân lý mới đúng hơn.

ĐỨC 德

A. Đức (德)

Như trên đã nói, chỗ mà Lão Tử gọi bằng danh từ Đạo, bao giờ cũng dùng với hai nghĩa: cái Đạo của bản thể và cái Đạo của nhân sự. Chữ Đức 德 cũng vậy, vẫn dùng với hai nghĩa: cái Đức của Đạo, và cái Đức của cái không phải Đạo, tức là cái Đức của sự đã mất Đạo, như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín…

"*Đại Đạo phế, hữu Nhân Nghĩa*" (大道廢, 有仁義) (Ch.18) (Đạo lớn mất, mới có sanh Nhân, Nghĩa). Ông lại nói: "*Thất đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Nghĩa, thất Nghĩa nhi hậu Lễ…Phù Lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ…*" 失道而後德, 失德而後仁, 失仁而後義, 失義而後禮… 夫禮者, 忠信之薄, 而亂之首 (Ch.38) (Mất đạo rồi mới có Đức, mất Đức rồi mới có Nhân, mất Nhân rồi mới có Nghĩa, mất Nghĩa rồi mới có Lễ… Lễ chỉ là cái vỏ mỏng che ngoài của lòng Trung Tín và là cái đầu mối của hỗn loạn…). Lão Tử sở dĩ trọng Đạo Đức mà khinh Nhân, Nghĩa, Lễ… là khinh cái Đức của sự đã mất Đạo. *Mất đạo rồi mới có Đức*, chữ *Đức* này là "nhân sự chi đức" (人事之德) chứ không phải là cái Đức của Đạo (本體之德)[55]. Cũng như trong câu "*thượng đức bất đức*" (上德不德) thì chữ "*thượng đức*" là ám chỉ cái Đức của Đạo, còn chữ "bất đức" (不德) ám chỉ cái Đức của nhân sự, cái Đức của sự "mất Đạo Đức".

Đức, thuộc về cái Đức của bản thể (本體之德) là để dùng ám chỉ cái Động hữu hình của Đạo, bắt nguồn nơi Đạo, tức là cái nguyên lý tối cao tối đại và tuyệt đối, nguồn gốc của vạn vật, luôn luôn "thường tồn bất biến". Cái Đức của nó sanh ra Vạn Vật Trời Đất. Trong những câu mà ông dùng đến chữ "*thượng*" như trên đây đã nói: "*Thượng đức bất đức*"… hoặc "*bất tranh chi đạo, nhược xưng thượng đức*"; "*kỳ đạo nãi chân… thị vị bất tranh chi Đức*" (Ch.68) v.v…, đó là ông dùng chữ Đức của Đạo, cái Đức của vua "Vô Vi", của "*bất ngôn chi giáo*", của "*bất tranh nhi thiện thắng*", tức là cái

Đức theo Đạo Trời, theo Đại Đạo, cái Đức của “Bản thể”, duy cái nghĩa thì tùy chỗ dùng mà có sâu cạn khác nhau thôi. Còn như khi ông bảo: “*dĩ đức báo oán*”, thì *đức* đây là chỉ về “nhân sự chi đạo” gần với những đức Nhân, Nghĩa thông thường (xem các chương 21, 23, 28, 38, 41, 54, 59, 60, 63, 68). Dù sao chữ Đức của Lão Tử dùng cũng nặng về siêu hình hơn.

B. Huyền Đức (玄德)

Chương thứ 10 có câu: "*Sanh chi súc chi, sanh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể, thị vị Huyền Đức*" 生之畜之, 生而不有, 為而不恃, 長而不宰, 是謂玄德 (Ch.10) (Sanh đó nuôi đó, sanh mà không chiếm cho mình, làm mà không cậy công, làm việc lớn mà không làm chủ, đó gọi là Huyền Đức). Chương 51 cũng có bàn đến hai chữ Huyền Đức:

Huyền Đức là *cái đức Huyền của Đạo*: Đạo thì không phân thiện ác, thị phi, vinh nhục, nên đặt tên là Huyền nghĩa là hỗn độn, đen tối, sâu kín, hòa lẫn một màu, không thể phân biệt giữa cái vô và cái hữu, cái nội và cái ngoại, cái tịnh và cái động, cái Vô danh và cái Hữu danh: "*Đồng vị chi Huyền*" (同謂之玄)

Chữ Đức 德 ở trên đây đều chỉ về cái Đạo bản thể (本體之道). Qua chương 65, thì chữ Huyền Đức lại dùng để chỉ sự phải *bắt chước theo cái Đạo bản thể để mà trị nước* (法本體之道以治國者也)[56] tức là bàn về cái Dụng của Huyền đức.

VÔ 無

A. Vô tuyệt đối

Cũng cần phân biệt hai nghĩa khác nhau khi Lão Tử dùng đến chữ Vô (là không). Có một cái Vô tuyệt đối và một cái Vô tương đối, hay đối đãi.

Chương 14 có câu:

"*Thị chi bất kiến, danh viết Di. Thính chi bất văn, danh viết Hi. Bác chi bất đắc, danh viết Vi. Thử tam giả bất khả trí cật, cố hỗn nhi vi Nhất. Kỳ thượng bất kiểu, kỳ hạ bất muội, thằng thằng bất khả danh, phục quy ư vô vật. Thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng, thị vị hốt hoảng. Nghinh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu*" (視之不見名曰夷; 聽之不聞名曰希; 搏之不得名曰微. 此三者不可致詰, 故混而為一.其上不皦, 其下不昧, 繩繩不可名, 復歸於無物. 是謂無狀之狀, 無物之象, 是謂惚恍. 迎之不見其首, 隨之不見其後) *Xem mà không thấy nên gọi là Di. Lóng mà không nghe, nên gọi là Hi. Bắt mà không nắm được, nên gọi là Vi. Ba cái ấy không thể phân ra được, vì nó hỗn hợp làm Một. Trên nó không sáng, dưới nó không tối, dài dằng dặc mà không có tên, rồi lại trở về chỗ không có. Ấy gọi là cái hình trạng không hình trạng. Cái hình trạng của cái không có vật. Ấy gọi là hốt hoảng, đón nó thì không thấy đầu, theo nó thì không thấy đuôi* (Ch.14) Ba chữ Di, Hi,Vi dùng để miêu tả sự *vô đắc, vô thanh, vô hình* của Đạo.

Đó là cái Vô không có đối đãi. Vì không có đối đãi nên mới nói "*không thể thấy, không thể nghe, không thể nắm, không thể kêu tên*".

Tuy vậy, cứu cánh của nó, đâu phải là thật không, cho nên mới nói: "*vô trạng chi trạng, vô tượng chi vật*" (Ch.14). Nếu quả thật nó là không, một cái không tuyệt đối, thì sao gọi là có hình trạng, có hình tượng? Và chỉ vì nó không phải là thật không, nên Nó mới có thể sanh ra cái Có trên thế gian này: "*Thiên hạ vạn vật sanh ư hữu, hữu sanh ư vô*" (天下萬物生於

有, 有生於無). Nhược bằng nó thật là "chân vô" thì nó làm sao sanh ra Vạn vật? Những chữ Di, Hi, Vi đều đâu phải muốn nói hoàn toàn *Vô sắc, Vô thinh, Vô hình*, nhưng vì nhìn mà không thấy, lóng mà không nghe, rờ mà không đụng nên tạm gọi là "*Vô vật*" mà thôi vậy. Những câu nói trên giống như là câu: "*Đại phương vô ngung, đại tượng vô hình*" (大方無隅, 大象無形) (Vuông lớn không thấy góc, tượng lớn không thấy hình) (Ch.41). Đó đều là cái Vô không đối đãi. Văn nghĩa của những câu này rất giống nhau.

B. Vô đối đãi

Chương 2 có câu: "*Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thinh tương hòa, tiền hậu tương tùy*" (故有無相生, 難易相成, 長短相形, 高下相傾, 音聲相和, 前後相隨) (Có với Không cùng sanh, Khó và Dễ cùng thành, Ngắn và Dài cùng sánh, Cao và Thấp cùng chiều, Giọng và Tiếng cùng họa, Trước và Sau cùng theo).

Chương 11 nói: "*Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng... Cố, hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng*" (三十輻, 共一轂, 當其無, 有車之用... 故有之以為利, 無之以為用) (Ba chục căm hợp lại một bầu, nhưng nhờ chỗ không, mới có chỗ dùng của xe... Bởi vậy, lấy cái "Có" để làm cái lợi, lại lấy cái "Không" đó để làm cái dụng).

Chữ Vô dùng trên đây là cái Vô đối đãi với một cái Có, tức là chữ Vô mà người của chúng ta thường dùng. Trong sách Lão Tử chữ Vô dùng theo nghĩa ấy (nghĩa đối đãi) thật rất nhiều, không cần đơn cử ra đây làm gì.

Tóm lại, như khi dùng các chữ Đạo Đức, Lão Tử dùng chữ Vô cũng có 2 nghĩa. Một nghĩa tuyệt đối khi ông dùng chữ Vô để chỉ Đạo, cái đạo của Bản thể như khi ông nói: "*Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô*" (Ch.40), nghĩa là thay vì nói: "vạn vật sanh ư Đạo". – ông nói "vạn vật sanh ư Vô". Còn cái nghĩa tương đối của nó để dùng với cái Hữu đối đãi,

tức là ông dùng theo lối thông thường. Vì Lão Tử thấy thế nhân hay tranh dành xu phụ theo cái Có đến thái quá, nên muốn lập lại quân bình, ông khuyên ta đứng vào chỗ *Không*. Hai câu chót ở chương 11 nói rất rõ: "*Hữu chi dĩ vi lợi, Vô chi dĩ vi dụng*". Như vậy ta thấy rằng học thuyết của Lão Tử đâu phải cực đoan phản đối cái "hữu", bất quá là vì người đời phần đông chỉ biết có cái lợi của cái *hữu* mà đổ xô xu phụ. Nên mới đề xướng ra sự dùng đến trọng nhiệm của cái *không* để cứu vớt sự chênh lệch nghiêng ngửa của xã hội. Đó là cách "*bổ bất túc*", "*tổn hữu dư*", để giữ lại mức quân bình của Đạo mà thôi. Ta có thể nói rằng: dùng Cương hay Nhu, dùng cái Có hay cái Không, không phải luôn luôn nhất luật, mà phải tùy theo sự bất cập hay thái quá để mà ứng dụng cho được thích ứng. Cũng như ông cực lực phản đối sự dùng đến bạo lực, nhưng ông còn nói hờ: "*Nếu bất đắc dĩ mà phải dùng đến bạo lực, thì nên bình tĩnh điềm đạm*" (Ch.31)

Cái công dụng của cái Vô trong một xã hội náo loạn gần như đến cực điểm của thời Xuân Thu Chiến Quốc, dĩ nhiên phải có bậc thức giả đề xướng nó ra để giữ quân bình. Nhưng thiên hạ bất cứ đời nào cũng thiên về cái đạo hữu vi, nên đem cái đạo Vô vi mà đề xướng ra bất cứ ở thời điểm nào, vẫn cũng là cần thiết cả. Cho nên ta thường nghe nói cái vô dụng bao giờ cũng có chỗ đại dụng của nó, như về sau học thuyết của Trang Tử phần nhiều chứng minh "*cái dụng của vô dụng*" 無用之用 nơi thiên *Tiêu Diêu Du*. "Vì không hiểu rõ công dụng của cái Vô mà người đời cho việc làm của Y Doãn là tích cực, lấy cái trong sạch của Bá Di làm tiêu cực, và cho rằng tiêu cực là vô dụng, ấy là điều lầm to vậy". Trong lời nói phải chăng cái Ý là cái Vô của lời nói. Lời nói là cái hữu, nhưng mà cái thực dụng của nó nơi cái Ý tức là cái Vô... của nó. "*Ý tại ngôn ngoại*"... Đó là chưa nói đến cái dụng của chữ Vô trong văn chương và nghệ thuật.

Như vậy, ta thấy chỗ mà triết học Lão Tử gọi là “hữu”, “vô”, đều không giống với cái nghĩa một chiều theo nhị nguyên mà thiên hạ thường dùng: Vô là tuyệt đối không có gì cả! “Đạo ẩn mà chưa lộ hình, đó gọi là Vô vậy”[57].

Bàn về *công dụng thiết thực của chữ Vô*, ở chương XI Lão Tử nói: “*Ba chục căm, hợp lại một bầu, nhưng nhờ chỗ không mới có cái dùng của xe. Nhồi đất để làm chén bát, nhờ chỗ không mới có cái dụng của chén bát. Khoét cửa nẻo, làm buồng the, nhờ chỗ không mới có cái dụng của buồng the. Bởi vậy, lấy cái “có” đó để làm cái lợi. Lấy cái”không” đó để làm cái dụng*” 三十輻, 共一轂, 當其無, 有車之用. 埏埴以為器, 當其無, 有器之用. 鑿戶牖以為室, 當其無, 有室之用. 故有之以為利, 無之以為用.[58]

Bánh xe, nhờ chỗ “trống không” ở giữa mới để được cái trục, nhờ thế mà xe mới lăn được. Nên mới nói: “*lấy cái không để làm chỗ dùng*”!

Nhân bàn về câu nói trên đây của Lão Tử văn hào Romain Rolland có viết: “Khi đọc đến cái tư tưởng sâu sắc trên đây của Lão Tử – tôi nghĩ ngay đến những giả thuyết mới đây của khoa thiên văn, thấy rằng cái trung tâm *của bao nhiêu thế giới, chính là những khoảng trống không thăm thẳm của Vũ trụ... Các bạn sẽ bảo: đó cũng chỉ là những giả thuyết thôi! Thì cũng chẳng hơn chẳng kém gì những giả thuyết vững chắc nhất và công hiệu nhất của khoa học các anh ngày xưa. Vả lại, giả thuyết ấy cũng xác nhận hợp lý lắm vì nó thỏa hợp được với sự tiết kiệm của các luật tự nhiên trong Vũ Trụ và nó cũng ăn với sự điều hòa tự nhiên của các luật ấy*”[59].

Và đó cũng là chỗ mà Lão Tử bảo: “*Hữu, sinh ư Vô*” (有生於無) vậy.

Còn về vấn đề sinh vật trong vũ trụ có ý chí hay không có ý chí, thì trái lại với người đồng thời, Lão Tử chủ trương rằng

sinh vật trong vũ trụ tuyệt không có ý chí, nghĩa là sống ý cách tự nhiên không cố cưỡng.

Chương thứ 5 ông nói: "*Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu*" (天地不仁, 以萬物為芻狗) (trời đất không có lòng nhân, xem vạn vật như loài chó rơm).

Vương Bật giải câu này đại khái nói: "*Đất, không phải vì con thú mà sinh ra rơm, nhưng con thú lại ăn rơm; không phải vì con người mà sinh ra chó, nhưng người lại ăn chó...*" Thật là một sự giải thích sai lầm to tát của họ Vương. Vậy mà Nghiêm Phục 嚴復 lại hết sức thán thưởng cho rằng đó là đã quát tận thâm ý của Darwin. Kỳ thật "sô cẩu" là một thứ đồ cúng làm bằng rơm, bóng hình chó. Khi chưa cúng thì người ta trọng nó lắm, nhưng sau khi cúng xong thì lại đem vứt nó ra ngoài đường. Trang Tử ở thiên *Thiên Vận* 天運 có viết: "*Ôi sô cẩu, lúc chưa dùng thì đựng trong giỏ, đội cho nó bằng gấm vóc, lại còn phải trai giới mà xem nó. Đến khi đã dùng xong, thì kẻ đi đường đạp lên xương sống nó mà đi, kẻ kiếm củi, lượm nó về mà nhúm lửa*". Như vậy, thì nói đến "sô cẩu" là muốn ám chỉ vật thay nhau mà tàn tạ giống như bông hoa của loài thảo mộc, xuân thì nở, thu thì rụng, rồi đến mùa xuân tới, lại trổ hoa, nhưng không còn phải là cái bông ngày hôm nay nữa. Cũng như cái hay cái phải của ngày trước, nay không còn dùng được nữa, thì bỏ đi... để cho theo kịp với cuộc sống đang chuyển của tạo hóa. Trong cái khoảng thời gian biến chuyển giữa cái sinh cái tử kia của sự vật, thì Trời Đất vốn cũng không ân gì cho riêng ai, cũng không dụng tâm mà làm gì cả (無思無為)[60], đó chính là chỗ mà ông bảo "*thiên địa bất nhân*", tức là cái luật biến hóa vô thường và lạnh lùng của Tạo hoá vậy.

Chỗ mà Lão Tử cho rằng Vạn vật sinh ra là vô ý chí, lại càng rõ rệt hơn nữa ở chương 34: "*Đạo lớn tràn lấp, bên phải bên trái. Vạn vật nhờ nó mà sinh ra, mà không một vật nào bị nó khước từ. Xong việc rồi, không để lại tên. Che chở, nuôi nấng muôn loài, mà không làm chủ. Thường không*

ham muốn, nên có thể gọi tên là Nhỏ, nhưng, được muôn vật theo về mà không tự xem là chủ, nên có thể gọi tên là Lớn" (大道氾兮, 其可左右. 萬物恃之而生而不辭, 功成而不有. 衣養萬物而不主. 常無欲, 可名於小; 萬物歸焉而不主, 可名為大. 以其終不自為大, 故能成其大).[61]

Tóm lại, cái học của Lão Tử đều gồm vào một chữ Vô 無, ở Vũ trụ thì gọi là *Vô danh* 無名; ở Chánh trị và xử thế thì gọi là *Vô vi* 無為. Nhất thiết đều không ngoài chữ Vô.

TỰ NHIÊN 自然

Chương 17: “*Công thành sự toại, bách tánh giai vị ngã Tự Nhiên*” (功成事遂, 百姓皆謂我自然) Làm xong công việc cho dân, mà dân cứ tưởng tự nhiên tự mình làm.

Chương 23: “*Hi ngôn Tự Nhiên*” (希言自然) Ít nói, để tự nhiên.

Chương 25: “*Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên*” (人法地, 地法天, 天法道, 道法自然) Người bắt chước đất, đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự Nhiên.

Chương 64: “*Học bất học, phục chúng nhân chi sở quá, dĩ phụ vạn vật chi Tự Nhiên, nhi bất cảm vi*” (學不學, 復眾人之所過, 以輔萬物之自然, 而不敢為) Học cái không học, giúp chúng nhơn hối mà trở về. Giúp vạn vật sống theo Tự nhiên, mà không dám mó tay vào. “Bất học” ở đây đồng nghĩa với chữ “Tự nhiên”, tức là Đạo.

Trở lên bốn khoản bàn về hai chữ “tự nhiên”. Nhưng chương 25 và 64 là nói về Tự Nhiên thuộc “bản thể chi đạo” (本體之道). Còn chương 17 và 23 thì bàn về “nhân sự chi đạo” (人事之道). Hay nói một cách khác, chữ Tự Nhiên dùng nơi hai chương 17 và 23 là dùng theo nghĩa thông thường. – trái lại Tự Nhiên dùng ở chương 25 và 64 là ám chỉ về đạo. “Đạo pháp Tự Thiên”, chữ Tự Nhiên ở đây đồng một nghĩa với Bản Thể của Đạo, thường được gọi là Đạo Thể (道體).

Hùng Lý Liêm 熊李廉 nói: “*Pháp giả hữu sở phạm vi nhi bất khả quá chi vị*” (法者有所範圍而不可過之謂). Bắt chước, tức là có chỗ ranh hạn không thể vượt qua được. Theo đó, ta thấy rằng Trời không thể vượt ra khỏi Đạo. Đạo không thể vượt ra ngoài Tự Nhiên. Hay nói một cách khác: Tự Nhiên sinh ra Đạo, Đạo sinh vũ trụ. Như thế ta thấy rằng bàn về nguyên lai của Vũ Trụ, Lão Tử chủ trương Vô Thần luận (無神論).

Câu "pháp Tự Nhiên" (法自 然) người đời thường hiểu rất là sai lạc: cho rằng *không làm gì, để mặc tới đâu hay đó* và cho đó là bắt chước Tự Nhiên.

Theo Lão Tử, Tự nhiên cũng được tượng trưng trong những cái mà ta gọi là "*luật tự nhiên*" của sự sống mà bất cứ một vật nào trên đời không thể vượt qua, mà sống đặng. Có sanh rồi có tử, đó là Tự nhiên. Đói thì ăn, khát thì uống, đó là Tự nhiên. Nhưng ăn uống có chừng, uống cũng có mực. Vượt qua chừng mực, là vượt quá Tự nhiên, không thể còn gọi là Tự nhiên được nữa. Bất cập hay thái quá trong việc uống ăn, cũng như trong tất cả mọi hành vi đều là sái với Tự nhiên cả. Đang cần ăn mà không ăn, đang cần không nên ăn mà ăn, đang cần phải ngủ mà không ngủ, đang cần không nên ngủ mà ngủ. Tất cả những gì sái thời lỗi tiết đều là trái với Tự nhiên, đều là những nguyên nhân làm cho thương sinh đau khổ cả.

Người đời thường hiểu "Tự Nhiên" là cứ để y nguyên sự việc muốn xẩy ra thế nào thì hay thế đấy, phải cũng như quấy, lành cũng như dữ, tự do bành trướng ra sao cũng mặc, không cần can thiệp đến, sống mai danh ẩn tích, nghêu ngao vui thú yên hà… nghĩa là họ hiểu *tự nhiên* tức là *không làm gì cả*… Phải chăng đó là vu oan cho Lão Tử, người đã chủ trương "*khứ thậm, khứ xa, khứ thái*", nghĩa là trừ khử những gí thái quá, đồng thời nâng đỡ những gì bất cập, để lập lại thế quân bình của Đạo, vì *Tự Nhiên*, đồng với luật *quân bình*… Bắt chước nó, thì phải lập lại *quân bình* tức là "*tổn hữu dư, bổ bất túc*", đó há không phải là những việc làm của những nhà Đại Cách Mạng từ xưa đến nay trong lịch sử để lập lại công bình, hay nói đúng hơn, lập lại quân bình trong xã hội sao!

Hành động Tự Nhiên theo Lão Tử lại cũng có nghĩa là hốt nhiên mà làm, không cố gắng, không miễn cưỡng, không cân nhắc, nghĩa là hành động đã đến mức vô tâm… không

còn lệ thuộc đến một nguyên tắc hay phạm vi nhất định nào của luân lý đạo đức hay giáo lý nào bên ngoài nữa cả.

Tự nhiên đây, tóm lại, là *vô tâm, vô vi*: làm mà không cần để ý đến việc mình làm nữa, như người lội mà không cần để ý tranh đấu với nước, không còn để ý đến việc lội của mình nữa. Đó là *hành động đến mức hoàn thiện* rồi vậy. Người đời khi hành động bao giờ cũng kể đến lợi hại, phải quấy, cố gắng theo một quy củ nào, miễn cưỡng tránh những nguyên tắc nào, để cho đúng theo một khuôn mẫu bắt buộc nào… Họ là người làm mà còn để ý đến việc làm của mình.

Làm cho người mà làm vì cân nhắc lợi hại, vì thương riêng, vì nhân đạo, vì tôn giáo bắt buộc, giáo lý cưỡng ép, làm để được tiếng khen, tránh tiếng chê… thì không còn phải là tự nhiên nữa. Hành động tự nhiên theo Đạo không phải thế, là hành động "Vô Vi" của cành hoa nở vì nở, và không thể không nở đặng, bởi đã đến thời kỳ phải nở. Tự Nhiên đây, là "*bất đắc bất nhiên*" (không vậy không đặng).

Mọi vật đều có cái "*đức*" của nó. Cái "đức" của mỗi vật tức là cái tánh "*tự nhiên*" của nó, cái bất đắc dĩ mà nó phải làm vì không thể không làm cho đặng. Vì vậy, Lão Tử cực lực phản đối những gì trở ngại sự phát triển tự nhiên ấy dù là luân lý, chế độ, tôn giáo hay giáo dục, không hợp với bản tánh tự nhiên của con người, nghĩa là Lão Tử đề cao vấn đề " tự do" của cá nhân.Và cũng vì thế mà có người cho chủ nghĩa Lão Trang là "*chủ nghĩa cá nhân ích kỷ*"!

Trang Tử trong *Nam Hoa Kinh*, có dành riêng một chương *Tiêu Diêu Du* để giải thích cái nghĩa của *Tự nhiên* tức là *Tự Do* sống theo bản tính hết sức rõ ràng[62]. Vạn vật dưới trời, vật nào cũng có cái tính tự nhiên của nó. Phải biết chịu chỗ đó, tức là ta phải nhận sự "*bất đồng đẳng*" tự nhiên ấy của sự vật. Biết nhận sự "*bất đồng đẳng*" giữa vạn vật, thì ta phải biết kính trọng cái chỗ riêng biệt của mỗi vật, tức là cái tính tự nhiên của mỗi vật mà không xen vào làm trở ngại hay hư hoại sự phát triển tự nhiên của nó. Không xen vào làm trở ngại hay hư hoại cái tính tự nhiên của mỗi vật là để

cho mỗi vật được sống tự do cái sống của nó, nghĩa là được tự do phát triển cái tính của nó.

Cái mà ta gọi là văn minh, phần nhiều phải chăng là những khuôn khổ cần thiết đặt ra để hạn chế ngăn ngừa những hành động cá nhân ích kỷ quá khích của con người. Dĩ nhiên, tới mực nào, nó có chỗ hay của nó, là tránh cho con người những sự dẫm lên tự do cá nhân của kẻ khác, nhưng nếu quá mức, nó sẽ trở thành những cưỡng ép bó buộc làm đau khổ cho con người. Một nhà văn Tây Phương ngày nay có nói: "*Une même loi pour le lion et pour le boeuf, c'est l'oppression*" (W. Blake) *(Một cái luật thiết lập chung cho cả loài sư tử và trâu bò, đó là áp chế).*

Chương 19 Lão Tử nói: "*Kiến Tố, bảo Phác, thiểu tư quả dục*"[63] (見素, 抱樸, 少思寡欲) (*Tỏ lòng đơn giản, giữ tính tự nhiên, ít riêng tây, ít tham dục*). Đó cũng là bảo phải trở về với *Tự nhiên*. "*Kiến Tố, bảo Phác*" là gì? "*Phác*" 樸, là gỗ mà còn tự nhiên, chưa đẽo gọt, chưa cưa dùng. Theo Lão Tử, thì chữ "*Phác*" dùng để ám chỉ Đạo, cái thể "thuần phác lúc ban đầu", cái trạng thái bản nguyên của tâm hồn (état primordial), chưa bị ảnh hưởng của xã hội làm sai lệch. Hay nói một cách khác, chưa bị luân lý, học thuyết, tập quán mà ta gọi chung là văn hóa hay văn minh làm sai lạc... bản tính. "Phác" 樸 ở đây cũng đồng nghĩa với Tự nhiên...

Nhận thức được cái Bản tính đơn thuần (Tố) rồi, và mãi ôm giữ cái Bản tính tự nhiên ấy... đó là mục đích cuối cùng của người học Đạo; và nhờ vậy mà lòng trở nên "*ít riêng tây, ít tham dục*", mới "bảo phác" (mới giữ được cái tính thuấn phác tự nhiên), mới "*kiến tố*", nghĩa là mới nhận thấy được tấm lòng trong trắng đơn thuần chưa bị ngoại giới nhuộm thêm màu sắc, hay sửa đổi thể chất, tức là Bản tính. Chữ "*Tố*" 素 đây, nghĩa đen là một thứ tơ thuần chất trong trắng, dùng để ám chỉ lòng đơn thuần chưa bị ngoại cảnh tập nhiễm. Bởi vậy mới nói: "*Tuyệt thánh khí trí... Tuyệt nhân khí nghĩa... Tuyệt xảo khí lợi... Thử tam giả dĩ vi văn bất*

túc”(XXI) (絕聖棄智… 絕仁棄義… 絕巧棄利… 此三者以為文不足). Tại sao gọi rằng tuyệt ba điều đó là chưa đủ? Là vì làm được ba điều đó, bất quá là những hành động tiêu cực, chỉ trị được cái ngọn mà không trị được cái gốc, tức là dứt được cái nguồn khêu gợi mà chưa dứt được cái lòng tham dục do sự mê chấp nhị nguyên gây nên. Tóm lại, cố ôm giữ được Đạo thì mới nhận thấy được lòng trong trắng đơn thuần và nhân thế mới bớt được sự riêng tây, bớt lòng tham dục.

Xã hội Trung Hoa cổ được xây dựng trên hai hệ thống tư tưởng truyền thống *nghịch nhau, nhưng bổ túc nhau*, là những hệ thống tư tưởng của Khổng học và Lão học.

Khổng học thì gồm nắm tất cả mọi ước lệ xã hội, hay nói một cách khác, Khổng học chuyên về sự đào tạo mọi trí thức ước lệ giả tạo. Từ trẻ đến già đều được giáo dục theo một khuôn khổ luân lý nhất định với mục đích là ức chế những khuynh hướng ngông cuồng và lãng mạn, phóng túng và ích kỷ cá nhân để thích nghi với “cái giường của chàng Procuste”, tức là chế độ xã hội và chánh trị. Giá trị của cá nhân là ở nơi vai trò của các nhân ấy đối với xã hội ấy.

Trái lại, Lão học là cái học của những kẻ đã rời bỏ cái sống giả tạo ước lệ của xã hội để trở về với đời sống thành thực của nội tâm. Sự từ bỏ những hoạt động xã hội là một cách giải thoát nội tâm khỏi những gông cùm của những ước lệ giả tạo của chế độ và xã hội, của những lề lối suy tư miễn cưỡng và cư xử không tự nhiên. Lão học vì vậy, là một cái học đeo đuổi theo Tự nhiên, chống với nhân tạo, căn cứ trên sự hiểu biết trực chỉ vào lòng mình (直止人心)**[64]**. Trực tiếp với cái sống mà không cần phải trải qua một môi giới nào, hay phải theo một học thuyết hay giáo lý nào của con người bày ra cả. Chương 22 Lão Tử nói: “*Hi ngôn, tự nhiên*” (希言, 自然) (Ít nói, để cho tự nhiên). Nói lên câu ấy, có lẽ Lão Tử muốn khuyên ta đừng dụng tâm giáo thuyết, nhồi sọ con

người với những ý tưởng cá nhân, mà bắt buộc mọi người cùng theo. Đó là cách giúp con người trở về với tính thuần phác tự nhiên của mình.

Khổng học nhắm vào việc uốn nắn con người theo một thể thức nhất định, theo những quy tắc hẹp hòi và cứng rắn của xã hội, và công việc ấy dĩ nhiên không sao tránh khỏi những va chạm vào đời sống cá nhân, gây tranh chấp và đau khổ cho cá nhân, gây nơi tâm hồn họ nhiều mặc cảm tai hại, làm cho con người sống trong những xã hội văn minh giả tạo ấy mất cả tính thành thực hồn nhiên và ngây thơ của con trẻ (亦子人心)[65] mà chỉ có những bậc thánh, bậc hiền mới tìm lại được mà thôi. Vai trò của Lão học, trái lại, là tìm cách để phục hồi cái tâm trạng hồn nhiên "*kiến tố bảo phác*" ấy của con người, chẳng những bằng sự chữa trị những thái quá của sự buộc ràng về lễ giáo gây thành những "*mặc cảm tội lỗi*" có khi làm tăm tối cả cuộc đời, nó lại còn có sứ mạng phát huy cái đức hồn nhiên, thực thà thường gọi là "tự nhiên", nghĩa là trở lại với cái người thật của mình. Nhiều tâm hồn quá nhạy cảm không sao chịu nổi sự đàn áp của chế độ quá khắt khe của luân lý và xã hội nên khi gặp phải những dồn ép quá nặng nề mãnh liệt biến thành những tình trạng thác loạn gây nên nhiều tội ác hết sức đau thương. Phải chăng đó là một hậu quả mà ta phải trả để bù vào những lợi ích không thể chối cãi của những xã hội có tổ chức rất quy mô theo Khổng học? Âu đó cũng là một chân lý mà Lão Tử thường nhắc nhở: không có một cái hay nào mà không có cái dở của nó kèm bên.

Tóm lại, muốn thực hiện cái Đạo nơi ta, đầu tiên phải hết sức thành thực đối với mình và đối với người. Điều trở ngại lớn nhất trên con đường giải thoát là cái sống giả dối, sống theo người mà không dám sống theo mình: phải có can đảm trở về với con người thật của mình, con người tự nhiên của mình, đừng có vì một lẽ gì mà che giấu sự thật. Nghĩa là bất cứ gặp trường hợp nào đừng ham khen, đừng sợ chê, đừng

để dư luận chi phối đến đỗi không bao giờ dám sống thành thật với mình.Trong khi giao thiệp với đời, cần phải dứt tuyệt cái thói mang những mặt nạ của kẻ khác, của học thuyết này, học thuyết nọ, của giáo lý này, giáo lý kia... để mà đối xử với người.

Nên nhớ: bảo cần phải trở về với *Con Người Thật* của mình, là bảo phải "kiến Tố, bảo Phác" nghĩa là trở về với con người vô kỷ, trở về với Chân Tánh, chứ không phải trở về sống theo cái con người ích kỷ của mình, tức là cái "con thú" hết sức vị thân vị kỷ và tham dục không bờ bến của mình (bản ngã).

Người đời thường cho kẻ sống trong giả dối là người khéo ở, dễ được lòng người và thành công trên con đường xử thế[66]. Trái lại, người theo con đường Giải thoát cần phải lánh xa cái thuật xử thế theo lối ấy, mà phải dám sống thành thật và hết sức giản dị, không cần cân nhắc lợi hại, không vụ thành công, không sợ thất bại, thản nhiên ở, thản nhiên đi, nghĩa là người không tham danh, không tham lợi (vô kỷ, vô công, vô danh). Tóm lại, muốn thực hiện được *Con Người Thật* của mình, phải dám sống *thành thật* xem thường khen chê của dư luận, phải có một tinh thần *bất úy*[67], nghĩa là không còn biết Sợ bất cứ một cái gì cả trên đời.

Bất khả đắc nhi thân,
Bất khả đắc nhi sơ,
Bất khả đắc nhi lợi,
Bất khả đắc nhi hại,
Bất khả đắc nhi quý,
Bất khả đắc nhi tiện...
(chương 56)[68]

Người Giải thoát là người đã đạt đến trạng thái điềm đạm chi cực, nghĩa là không còn có thể lấy sự "thân", "sơ", "lợi", "hại", "quý", "tiện"... mà dụ dỗ hay dọa nạt được nữa, tức là người không còn có một thế lực ngoại giới nào làm chuyển động tâm hồn được nữa[69].

Tuy nhiên, ta không nên xem Lão học là cái học chống báng xã hội, phá rối trật tự đã an bài của xã hội, xúi giục những cuộc cách mạng bạo động, mà phải hiểu rằng nó là một phương pháp giải thoát tinh thần cá nhân trước hết, một phương pháp *cách mạng nhãn quan* về vấn đề Vũ trụ và Nhân sinh. Ta cũng nên biết rằng cách mạng xã hội mà dùng đến bạo động là sái rất xa vời chủ trương "*bất tranh*" dùng "*nhu nhược thắng cương cường*" của Lão Tử, vì theo ông, "*cường lương giả, bất đắc kỳ tử*" (Ch.42): dùng bạo động, chết bạo tàn. Cách mạng bạo động để chống độc tài và lắm khi còn đem lại cho nhân dân một thứ độc tài tàn nhẫn hơn cái chế độ độc tài mà mình mong muốn hủy diệt nữa. Giải thoát con người khỏi những gông cùm của ước lệ giả tạo xã hội đâu có nghĩa là khinh thường hay bất chấp những ước lệ ấy, mà thực sự, là *không để cho mình bị lụy vì nó mà làm sai Thiên Chân, mất Thiên Tánh*, mà biết dùng nó làm phương tiện, chứ không vô tâm để nó sai sử như một con cờ, bị nó xem mình như một món đồ chơi[70].

Vì khuynh hướng của Lão học là thiên về Tự Nhiên, cho nên người ta thấy phần đông các nhà Đạo học đều là những người thích sống trong cảnh Thiên Nhiên hơn là sống giữa đời sống giả tạo của con người và tránh xa phiền lụy của những buộc ràng của Nghi Lễ... Giữa tạo vật thiên nhiên người ta cảm thấy tâm hồn thư thái, cởi mở... Dù văn minh nhân tạo có hùng vĩ đến đâu cũng không sao hùng vĩ bằng cái hùng vĩ của Thiên Nhiên, và những người gần với cái học của Lão-Trang phần nhiều là những thi sĩ và nghệ sĩ có một tâm trạng Huyền Đồng cùng tạo vật.

NHÂN NGHĨA THÁNH TRÍ 仁義聖智

Chương 19 Lão Tử viết: "*Tuyệt Thánh, khí Trí, dân lợi bách bội; Tuyệt Nhân, khí Nghĩa, dân phục hiếu từ...*" (絕聖棄智, 民利百倍; 絕仁棄義, 民復孝慈) Dứt Thánh bỏ Trí, dân lợi trăm phần; dứt Nhân bỏ Nghĩa, dân lại thảo lành.

Chương 38 ông lại nói: "*Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức. Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức... Cố thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Nghĩa, thất Nghĩa nhi hậu Lễ. Phù Lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ*" 上德不德, 是以有德. 下德不失德, 是以無德... 故失道而後德, 失德而後仁, 失仁而後義, 失義而後禮. 夫禮者, 忠信之薄, 而亂之首. Đức mà cao là không có đức, bởi vậy mới có Đức. Đức mà thấp là không mất đức, nên không có Đức... Vì vậy mất Đạo rồi mới có Đức, mất Đức rồi mới có Nhân, mất Nhân rồi mới có Nghĩa, mất Nghĩa rồi mới có Lễ. Lễ chỉ là cái vỏ mỏng của lòng trung tín, mà cũng là đầu mối của hỗn loạn...

Tại sao Lão Tử bảo phải "*dứt Thánh bỏ Trí", "dứt Nhân bỏ Nghĩa*"? Ông sở dĩ khinh Nhân Nghĩa, là vì ông trọng Đạo Đức, nên mới xem Nhân Nghĩa Thánh Trí là không đủ để thực hiện cái Đạo nơi lòng. Theo ông, *Đại Đạo phế, hữu Nhân Nghĩa, Huệ Trí xuất, hữu Đại Ngụy. Lục thân bất hòa hữu hiếu từ. Quốc gia hôn loạn hữu trung thần*" (Ch.18) (大道廢, 有仁義; 慧智出, 有大僞; 六親不和, 有孝慈; 國家昏亂, 有忠臣) Đạo lớn mất mới có Nhân Nghĩa, Trí Huệ sanh, mới có dối trá, lục thân chẳng hòa, mới có hiếu từ, nước nhà rối loạn, mới có tôi ngay.

Dùng đến Nhân Nghĩa là khi Đạo nơi người đã mất, con người đã sống trong chia rẽ của nội tâm và ngoại giới. Bấy giớ mới có dùng đến Nhân Nghĩa để mà vá víu những cái sống riêng tư lầm lạc của tư ngã. Bấy giờ mới dùng đến trí mưu mà trị nước: "*Dĩ Trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc*" (Ch.65) (以智治國, 國之賊, 不以智治

國, 國之福) Lấy trí mà trị nước, là cái vạ của nước, không lấy trí mà trị nước, là cái phúc của nước.

Chữ Trí 智 ở đây, là do câu "*dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa*" (Ch.65) dùng làm đối chứng, và có nghĩa là "*đa mưu túc trí",* mưu mẹo khôn xảo, chứ không phải là ám chỉ sự sáng suốt thực thà theo nghĩa thông thường.

Những cái mà ta thường gọi là *Nhân, Nghĩa,Thánh, Trí*... đều là những đức tính của kẻ đã làm mất Đạo... nên Lão Tử *chê nó là không đủ* cho bậc Chí Nhân (至仁), vì bậc Chí Nhân là kẻ "*pháp Thiên, pháp Đạo, pháp Tự nhiên*". Tức là kẻ sống theo Đạo, theo Tự nhiên[71].

Hơn nữa, Đạo là cái Sống Một, người "*bắt chước theo Đạo*" (法道) sẽ không còn phân nhĩ ngã, nội ngoại cho nên không còn thấy có Ta có Người, mà thấy Ta là Người, Người là Ta. Còn lấy Nhân lấy Nghĩa mà xử với nhau, là vì còn thấy Đó không phải Đây, Đây không phải Đó, nghĩa là còn thấy chia lìa nhau, đó là nhãn kiến nhị nguyên, chưa phải nhận thức của con người hòa hợp cùng với Đạo Thể (本體之道). Người mà còn dùng đến Nhân Nghĩa là người đã sống xa lìa với Đạo rồi vậy: "*Thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Nghĩa, thất Nghĩa nhi hậu lễ...*" (Ch.38) 失道而後德, 失德而後仁, 失仁而後義, 失義而後禮...

Ở chương 5, Lão Tử bảo: "*Thiên Địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu; Thánh Nhân bất Nhân, dĩ bách tánh vi số cẩu*" (天地不仁, 以萬物為芻狗; 聖人不仁, 以百姓為芻狗) Trời đất không có Nhân, coi vạn vật như loài chó rơm. Thánh Nhân không có Nhân, coi trăm họ như loài chó rơm.

Chữ "*bất Nhân*" ở đây là ám chỉ lòng vô tư, không thiên vị của Trời đất; luật của Tự nhiên, không riêng cho vật nào cả, không vì kẻ rét mà dẹp mùa đông.

Luận về Sô Cẩu, Trang Tử viết: "Con chó rơm lúc chưa bày ra để cúng tế, thì được cất kỹ trong rương bọc bằng gấm

vóc; thầy cúng chay tịnh rồi mới dám đem nó ra. Kịp khi bày ra và cúng tế xong thì lại đem quăng nó ra ngoài đường cho kẻ đi đường đạp lên trên lưng nó, kẻ lượm củi hốt về mà chụm, thế thôi! Nếu lại còn lượm nó mà đem cất giữ trong rương, mặc cho gấm vóc, thì nếu nó không làm cho ta bị chiêm bao, cũng đến làm cho ta bị bóng đè" (...) "cho nên pháp độ, lễ chế của Tam Hoàng, Ngũ Đế không cần ở chỗ giống nhau mà cần ở chỗ trị được thiên hạ, như cam, lê, bưởi, quít, tuy mùi vị khác nhau, nhưng đều ăn ngon cả. Bởi vậy, Lễ Nghĩa pháp độ là cái mà ta phải biết tùy thời mà thay đổi cho thích hợp. Nay lấy ngay như vượn khỉ mà cho mặc áo của ông Châu ắt nó cắn rứt, cào xé, vứt bỏ hết, thế mới vừa lòng cho. Xã hội chế độ xưa và nay khác nhau xa (cố mà đem cái xưa tròng vào cái nay) thì cũng như khỉ vượn mặc áo ông Châu vậy. Cho nên Tây Thi đau tim, nhăn mặt mà thiên hạ cho là đẹp. Có người đàn bà rất xấu kia, thấy thế, về bắt chước ôm tim mà nhăn mặt, những kẻ giàu trong làng thì đóng chặt cửa không dám ra, kẻ nghèo thấy nó dẫn vợ con bỏ chạy..." (*Thiên Vận*)

Bình giảng câu "*Thiên Địa bất nhân*", Trần Trụ viết: "*Trời đất sinh vạn vật, như sinh cây cỏ. Xuân thì đâm chồi, thu thì rụng lá. Đang sinh thì quý, đang rụng thì bỏ đi. Xuân tới sinh lại, nhưng không còn là cây cỏ ngày xưa. Thánh nhân đối với trăm họ cũng thế. Trăm họ, tức là trăm quan lãnh phần thi hành chánh giáo. Trăm quan ngày nay không còn là trăm quan ngày xưa thì chánh giáo ngày xưa cũng không dùng cho ngày nay được nữa... Như thế, ta thấy Lão Tử phản đối thuyết phục cổ, như Trang Tử thường bài bác Nho Gia nói Nhân Nghĩa để tâng bốc tiên vương...*".

HỌC 學

Cũng như về Nhân, Nghĩa, Thánh, Trí, Lão Tử chủ trương "Tuyệt học vô ưu" (絕學無憂 dứt học, không lo) là tại sao?

Có kẻ cho rằng Lão Tử chủ trương *ngu dân*... thực sự thì như thế nào?

Cái "học" mà ông bảo nên "dứt" đi, tức là cái học nhị nguyên, cái học chi ly vụn vặt theo đuổi sự vật bên ngoài mà không biết trở về gốc, tức là cái Đạo nơi lòng mình. Cái học của con người thường thiên về hướng ngoại, biện phân Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục... đó là cái học xa với Đạo. Bởi vậy ông mới nói:

Dứt học, không lo; dạ với ơi, khác nhau chỗ nào? Lành với dữ, khác nhau ở đâu? (絕學無憂. 唯之與阿, 相去幾何? 善之與惡, 相去若何?)[72] (Tuyệt học vô ưu, duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà? Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà?). Được người ta "dạ" đâu phải là vinh, bị người ta "ơi" đâu phải là nhục... Thực ra hai chữ "dạ" và "ơi" đủ đâu phân vinh nhục. Cũng như "thiện" và "ác", khác nhau chỗ nào? Chẳng qua là bề mặt bề trái của bất cứ mọi sự vật nào trên đời... Còn chia phân Thiện Ác, Vinh Nhục... là còn sống trong cái sống chia lìa của "tư ngã" xa lìa với cái *Sống Một*, thì tránh sao khỏi lo lự viển vông.

Bởi vậy, ở chương 48 ông lại nói thêm: "*Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn...*" (為學日益, 為道日損) Theo học càng ngày càng tăng, theo Đạo càng ngày càng giảm. Tăng cái gì, tăng sự phiền phức rườm rà chi li vụn vặt. Trái lại, kẻ theo cái học về Đạo, thì trở về nguồn gốc, nên càng ngày càng tiết giảm những cái vụn vặt chi li vô cùng phiền phức, và đồng thời dục vọng càng ngày càng giảm thêm... đến mức Vô Vi...

Đó là cái học cần phải dứt đi, để trở về với Đạo Một, và cái học cần thiết cho người là cái học trở về nguồn, tức là phải "học bất học". Chương 64 ông nói: "*Học bất học, phục chúng nhân chi sở quá*" (學不學, 復眾人之所過) Học cái

không thể học được, giúp cho chúng nhân hối mà trở về. Chữ “học” là chỉ sự học hành theo nghĩa thường, chữ “bất học” là ám chỉ “cái không thể học”, vì Đạo là cái bất khả ngôn luận, bất khả tư nghị… “*Đạo khả đạo phi thường Đạo*”. Cho nên mới nói: Bực Thánh nhân mà biết học về Đạo, thì khiến được lòng dân hối trở về với nguồn gốc. Câu: “*Thị dĩ Thánh nhân, dục bất dục, bất quý nan đắc chi hóa, học bất học, phục chúng nhân chi sở quá*”, cần phải dịch như thế này mới nhất trí hơn: “*Bởi vậy bậc Thánh nhân, muốn cái không thể muốn, không quý của khó được, học cái không thể học, giúp chúng nhân hối mà trở về*”.

Tóm lại, về chữ Học, Lão Tử chủ trương:

1. Không nên theo đuổi cái học la tập của Nhị Nguyên, chia lìa cái *Sống Một* làm hai, tức là cái học biện phân Nhĩ Ngã, Nội Ngoại, Thị Phi, Vinh Nhục, Thiện Ác v.v…
2. Mà cần phải học cái không thể học, tức là học cái “*bất khả tri”, “bất khả đạo”, “bất khả danh*”, nghĩa là học về cái “*trở về nguồn gốc*”, tức là Đạo.

PHẢN VÀ PHỤC 反復

Hai chữ *Phản* và *Phục* có thể xem là nòng cốt của học thuyết Lão Tử.

Chương 40 ông nói: "*Phản giả, Đạo chi động*" (反者道之動) *Cái động của Đạo là trở ngược lại.*

Nhưng từ cái Một biến qua Vạn hữu, từ Vạn hữu trở lại cái Một, Lão Tử quan niệm như thế nào?

Chương 42 ông nói: "Đạo sinh Nhất, Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh Vạn Vật. Vạn Vật phụ Âm nhi bảo Dương, Xung khí dĩ vi hòa" (道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物. 萬物負陰而抱陽, 沖氣以為和) (*Đạo sinh Một, Một sinh Hai, Hai sinh Ba, Ba sinh Vạn Vật. Trong Vạn Vật không vật nào mà không cõng Âm và bồng Dương. Nhân chỗ xung nhau mà hòa với nhau*). *Nhất* đây là nói về *Bản Thể của Đạo*; *Nhị* là trỏ vào *Âm và Dương*; tức là hai nguyên lý mâu thuẫn đồng có trong mọi vật, vì trong Vạn Vật, không vật nào là không cõng Âm và bồng Dương. Giữa sự xô xát, xung đột của hai nguyên lý ấy, có một cái gì nắm giềng mối và làm cho chúng dung hòa nhau: đó là nguyên lý thứ Ba, cái *Dụng* của Đạo, chỗ mà Lão Tử gọi "*xung khí dĩ vi hòa*". Điều mà ta nên để ý là "*xung nhau*" để mà "*hòa nhau", chứ không phải xung nhau để mà thủ tiêu lẫn nhau*.

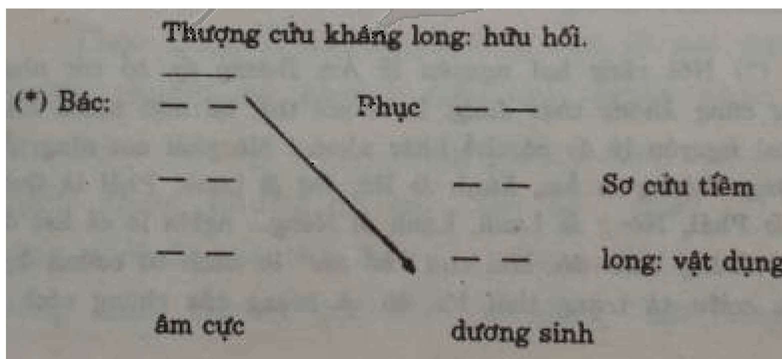
Nếu không có sự đun đẩy của hai nguyên lý Âm Dương thì không có Động, mà nếu không có sự có mặt cái "thứ ba" kia, mà Lão Tử gọi là "*xung khí dĩ vi hòa*" thì không có một sự vật nào thành được. Cho nên mới nói: "*Tam sinh Vạn Vật*".

Có người bảo rằng cái học của Lão Tử thoát thai nơi Kinh Dịch. Lời nói ấy không phải là không có lý do. Xét kỹ thì sách của Lão Tử có sau Kinh Dịch, mà xét rõ triết lý của Kinh Dịch, nhất là ở quẻ Phục 復, thì lại thấy rõ ràng có nhiều chỗ tương đồng.

Theo Dịch Kinh thì Dương Âm là hai nguyên lý mâu thuẫn, có những đặc tính riêng khác biệt nhau, như cương nhu, nóng lạnh, sáng tối… Tuy nghịch nhau, nhưng để mà "*bổ túc*" nhau[73], chứ không phải để mà thủ tiêu lẫn nhau. Hễ Âm cực thì Dương sinh, Dương cực thì Âm sinh, "*vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản*", nhưng khi phản biến, thì lại *biến thành đối đích của nó*. Lạnh biến ra nóng, nóng biến ra lạnh, tối biến ra sáng, sáng biến ra tối.

Tại sao Âm lại biến ra Dương, Dương lại biến ra Âm, lật qua lật lại (反復) như thế? Là vì trong Âm có ẩn phần Dương, trong Dương có ẩn phần Âm, chứ thực ra không bao giờ có một cái gì thuần Âm hay thuần Dương cả: "*âm trung chi dương, dương trung chi âm*". Luật mâu thuẫn là luật đầu tiên của Kinh Dịch. Nhưng chỉ đợi lúc nào Âm hay Dương phát triển đến mức cùng cực của nó thì phần đối đích, mâu thuẫn chứa trong lòng nó mới phát sinh ra được mà thôi. Đó cũng là nhận xét chung của các nhà tư tưởng biện chứng Âu Tây như Heraclite và Hégel: "*Mỗi vật đều có chứa mâu thuẫn của nó*".

Nho gia là Trình Di bàn về quẻ Phục, cò những nhận xét sau đây là xác đáng: "*Vật bất khả dĩ chung tận… Vật vô bác tận chi lý… Âm cực tắc dương sinh; dương bác cực ư thượng nhi phục ư hạ, cùng thượng nhi phản hạ dã*" (Vật, không thể đến mức cùng tận được… Vật mà bị tiêu hủy đến cùng tận là điều phi lý vậy. Âm mà lên đến cực điểm thì là dọn đường cho dương sinh. Dương mà bị đẽo ở trên cùng tột, thì lại phản sanh ra ở dưới).



Quẻ *Phục* ở liền tiếp với quẻ *Bác*[74]. Quẻ Bác tượng trưng năm hào âm ở dưới và một hào dương trên cùng tột (hào thượng cửu). Dương hào ở hào thượng cửu, nơi quẻ Kiền có nói: "*thượng cửu, kháng long hữu hối*" (上九亢龍有悔). Dương mà lên đến cực độ, thì sẽ bị biến dịch, cho nên mới nói: "*có ăn năn*" (hữu hối). Trình Di bàn về quẻ Phục có câu: "vật, không trọn hết sự *đẽo* (bác) mà đến chỗ cùng tận của nó ở trên quẻ Bác, thì quay trở về dưới… Vật, không vật nào có thể đẽo hết được, cho nên sự đẽo mà đến cùng cực thì phải trở lại (phục).

Nghiên cứu tường tận quẻ *Phục* ở Kinh Dịch, ta có thể nhận thấy rõ *Lẽ Trời*: "*Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ*" (*Do quẻ Phục mà ta có thể thấy được cái Tâm của Trời Đất*) (*Hệ từ truyện hạ*).

Rất có thể Lão Tử nhân đó mà nghĩ ra học thuyết của ông lấy chữ Vô 無, tức là lấy Âm cực làm căn bản: "*Trí hư cực, thủ tịnh đốc*" (致虛極, 守靜篤). Kẻ nào đạt đến chỗ "cùng cực của Hư Không" (Chân Không) là kẻ đã đứng vững trong cái Tịnh. Hễ Âm cực thì Dương sinh, Tịnh cực thì Động sinh. Vạn sự vạn vật đều *hễ phát đạt đến cực độ thì lại phản phúc biến thiên, chuyển thành đối đích của nó*. Bởi vậy, ta không lạ gì chủ trương xử thế của ông luôn luôn giữ phần tiêu cực. Hào Dương của quẻ Chấn, mới thật là Dương trưởng (Trưởng nam), còn hào Dương ở quẻ Cấn, là Dương tiêu[75], nghĩa là hào Dương đã suy nhược đến cùng. Sự cương cường của hào Dương ở quẻ Chấn, là nguồn gốc sinh ra Vạn Vật, nên mới nói: "*Vạn Vật xuất hồ Chấn*" (萬物出乎震) (*Quái truyện*). Lấy đấy mà suy, ta thấy dụng ý Lão Tử toàn dùng phép tiêu cực là để gây được nguồn Động cường tráng nhất, cho nên ở quẻ Phục mới nói: "*Phục hanh, cương phản, động nhi dĩ thuận hành*…" (復亨, 剛反, 動而以順行) (Hanh là hanh thông, Phục là cương đã trở lại cường Kiện… nên Phục được gọi là hanh thông, vì cái động của hào Dương này là con đường thuận của Trời Đất. "*Phản phục kỳ Đạo, thất nhật lai*

Phục, thiên hành dã” (反復其道,七日 來復天行也). Con đường thuận, là con đường từ dưới lên trên. Dương hào ở hào đầu tức là thuận đạo, càng ngày càng lớn lên. Nho gia là Chu Hy cũng nhận thấy: “Nội Chấn, ngoại Khôn, đó là cái tượng Dương động ở dưới mà theo đường “thuận” đi lên (…) Phục là Dương phục sinh ở dưới, Dương khí đã bị đẽo hết thì là quẻ thuần *Khôn*, tức là quẻ thuộc về tháng 10, mà khí Dương đã sinh ở dưới hàm chưa hơn tháng thì cái thể của một phần dương khí mới thành mà trở lại, cho nên tháng 11 thuộc về quẻ Phục. Khí dương đã trở lại, nên có Đạo hanh thông. Tại sao lại gọi “*thất nhật lai phục*”? Là vì qua tháng 5 là quẻ Cấn, một phần Âm mới sinh, và sinh sinh đến quẻ Phục là 7 hào.

Hiểu được cái cương cường của quẻ Phục, mới rõ được thâm ý dùng phương pháp thuần tiêu cực của Lão, mới hiểu được những chủ thuyết “*nhu nhược thắng cương cường*”, “*bất tranh nhi thiện thắng*”, “*vô vi nhi vô bất vi*”, tuy Tịnh mà Động, nghĩa là mới hiểu rằng Vô Vi của Lão Tử đâu phải là im lìm bất động, mà là cốt dùng Tịnh cực để cho Động sinh, một cái Động cương cường của hào Dương của quẻ Chấn. Quẻ nội Chấn, nhất dương sinh, tức là tiếng sấm do âm dương xô xát nhau mà thành, nhưng đương lúc khí Dương còn nhỏ, chưa thể phát ra. Quẻ Phục, trên là Khôn, dưới là Chấn, gọi là quẻ Địa Lôi Phục, nghĩa là sấm ở trong lòng đất. Khí Dương mới sinh ở dưới mà còn rất nhỏ, nên cần yên lặng mà sau nó mới lớn lên được… Ở bản thân, sau khi: “*trí hư cực, thủ tịnh đốc*”, thì cũng nên yên lặng để mà nuôi dưỡng khí Dương. Bởi vậy ta mới thấy chủ trương của Lão Tử là *thanh tĩnh Vô vi*.

Thanh tĩnh Vô vi là điều kiện cần thiết để phục hồi khí Dương và cũng là để nuôi khí Dương sắp sửa phát huy dương lực, chứ không phải ẩn dật để mà hưởng thú an nhàn cực lạc trong sự lười biếng ích kỷ. Trong trời đất, bất cứ một cuộc biến động lớn lao nào đều đi sau một sự cực kỳ yên lặng. Các bậc vĩ nhân trước khi khởi công làm một “*đại sự*”

gì luôn luôn lẫn trốn một thời gian trong cô tịch. Đó là yên lặng để nuôi khí Dương như Thích ca, Jésus chẳng hạn…

Xem đó, ta có thể nhận rằng Lão Tử rất có thể nhân quẻ Phục ở Dịch Kinh mà suy ra cái thuyết Vô Vi của ông, thể theo cái đầu mối của sự sinh hóa trong Trời đất bắt đầu ở chỗ cực âm, động thành quẻ Phục, sinh lực bắt đầu manh nha trong lòng Đất.

Để giải nghĩa câu "*Phản Phục kỳ Đạo… thiên hành dã*" (反復其道… 天行也), ở *Hệ từ truyện hạ* có câu: "*Nhật vãng tắc nguyệt lai, nguyệt vãng tắc nhật lai, nhật nguyệt tương thôi nhi minh sanh yên. Hàn vãng tắc thử lai, thử vãng tắc hàn lai, hàn thử tương thôi nhi tuế thành yên*" (日往則月來, 月往則日來, 日月相推而明生焉. 寒往則暑來, 暑往則寒來, 寒暑相推而歲成焉) (*Mặt trời qua thì mặt trăng lại, mặt trăng qua thì mặt trời lại, mặt trời mặt trăng cùng xô đẩy nhau mà có sáng. Lạnh qua thì nóng lại, nóng qua thì lạnh lai, lạnh nóng cùng xô đẩy nhau mà năm mới thành vậy*).

Vật dưới trời đều "*phản phục*" bất thường… Ở quẻ Phục trong Kinh Dịch, Nho gia là Chu Hy cũng nói: "*Hễ Tĩnh cực thì Động sinh, Ác cực thì Thiện sinh*".

Hễ có sanh, thì có tử, mà có tử mới có sanh, lên rồi xuống, xuống rồi lên, phản phúc biến động không ngừng. Và, để phòng sự phản phúc biến thiên vì đã để cho sự vật phát đạt đến cực điểm, mà Lão Tử khuyên ta: "*Biết đủ*" (tri túc), "*biết dừng*" (tri chỉ), "*biết để thân ra sau*" (hậu kỳ thân), "*biết để thân ra ngoài*" (ngoại kỳ thân), "*biết lấy cái tiện làm gốc, lấy cái thấp làm nền*" (dĩ tiện vi bổn, dĩ hạ vi cơ)… Cũng để biểu diễn cái luật cốt yếu của cái đạo biến hóa ấy, ở chương 25 ông nói: "*Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản*" (大曰逝, 逝曰遠, 遠曰反) Lớn là tràn phắp, tràn khắp là đi xa, đi xa là trở về. Câu này có nghĩa là bất cứ sự vật nào trên đời, hễ phát đạt bành trướng đến cực điểm sẽ bị đại biến: *Vật cùng tắc biến*, nghĩa là biến trở lại cái mâu thuẫn trước kia của

nó. Nó là một luật "*thường*" của tạo hóa. Vì vậy, ông mới nói: "*Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục, thục tri kỳ cực*" (禍兮福之所倚, 福兮禍之所伏. 孰知其極) *Họa là chỗ dựa của Phúc, Phúc là chỗ núp của Họa. Ai biết được đâu là chỗ cùng cực của nó?* Biết đâu Phúc đó mà Họa đó, mà Họa đó lại Phúc đó? Phúc rồi Họa, Họa rồi Phúc xen lẫn tiếp tục nhau không biết đâu là dứt. Hay nói một cách khác, không bao giờ có Phúc mà không có một cái Họa ẩn trong, cũng như không bao giờ có Họa mà lại không có cái Phúc ẩn trong. Đó là bề mặt bề trái của sự đời, cũng như có Thiện thì có Ác, có Thị ắt có Phi, có Vinh ắt có Nhục... Bởi vậy gặp May, phải phòng cái Rủi do cái May ấy đưa đến! Và gặp Rủi, biết đâu nó lại không phải là cái May sắp đến cho mình!

Chương 22, Lão Tử viết: "*Khúc tắc toàn, uổng tắc trực, oa tắc doanh, tệ tắc tân, thiểu tắc đắc, đa tắc hoặc. Thị dĩ Thánh nhân bảo Nhất...*" (曲則全, 枉則直, 窪則盈, 敝則新, 少則得, 多則惑... 是以聖人抱一) Đạo là quân bình, không cho có cái gì thái quá. Thái quá ở đây, thì bất cập ở kia. Bất cập ở đây, thì thái quá ở kia. Cho nên cái gì khuyết, thì Đạo sẽ bù vào cho đủ lại, vẹn toàn lại... Cái gì cong, thì Đạo sẽ làm cho ngay lại. Cái gì sâu, thì Đạo sẽ lấp lại cho đầy. Cái gì cũ, thì Đạo sẽ làm cho mới lại... Ít thì lại được, nhiều thì lại mê... Chương 23, ông nói thêm: "*Phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật*" (飄風不終朝, 驟雨不終日) Gió lốc không thổi suốt một buổi mai, mưa dào không mưa suốt một ngày trường. Đạo rất ghét những gì thái quá, cho nên ông khuyên ta, nếu cần phải làm thì hãy "*khứ thậm, khứ xa, khứ thái*" (去甚, 去奢, 去泰), nghĩa là hãy trừ khử những gì thái quá, vì "*Xí giả bất lập, khóa giả bất hành*" 企者不立, 跨者不行 (Ch.24) (Nhón gót lên thì không đứng vững, xoạc chân ra thì không bước được): *cái thái quá sẽ làm mất thăng bằng*.

Để minh chứng cái định luật "*phản phục*", không chương nào nói rõ ràng bằng chương 36: "*Tương dục hấp chi, tất cố*

trương chi. Tương dục nhược chi, tất cố cường chi. Tương dục phế chi, tất cố hưng chi. Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi" (將欲歙之, 必固張之. 將欲弱之. 必固强之. 將欲廢之, 必固舉之. 將欲奪之, 必固與之) Hễ hòng muốn thu hút đó lại, là sắp mở rộng cho đó ra. Hòng muốn làm yếu đó, là sắp làm đó mạnh lên. Hòng muốn vứt bỏ đó, là sắp làm hưng khởi đó. Hòng muốn cướp đoạt đó, là sắp ban thêm cho đó. Tóm lại, hễ làm cho Âm cực, là dọn đường cho Dương sinh. Chứ không bao giờ dùng Âm mà thủ tiêu Dương, hay dùng Dương mà thủ tiêu Âm. Cho nên kẻ sáng suốt, bao giờ cũng chịu đứng sau để được đứng trước, đứng dưới thấp để được ngôi cao, và lâu dài…

Cũng cùng một ý đó, nơi chương 42 ông nói: "*tổn chi nhi ích, ích chi nhi tổn*" (bớt là thêm, thêm là bớt) (損之而益, 或益之而損). Tại sao vậy?

Cái nhìn của người theo Đạo là cái nhìn bao trùm, thấy nhân loại như một cơ thể chung, thấy mỗi sự mỗi vật là một cái Toàn thể (un Tout). Và xem mọi sự mọi vật là những phần tử của một cái *Sống chung* cũng như trong nhân loại người theo Đạo không phân chia màu da, dân tộc. Vì vậy ông không có những quan niệm rời rạc cá nhân, hay quốc gia, dân tộc. Ai có trồng cây mới thấy rõ cái nghĩa thâm sâu của câu "*bớt là thêm, thêm là bớt*". Nếu đứng về phương diện rời rạc của từng bộ phận của cái cây, thì ta thấy "bớt là bớt", cũng như "mất là mất", chứ không thấy được cái chỗ "bớt là thêm, thêm là bớt". Nhưng nếu đứng trong phương diện toàn diện của cái cây mà xem thì "bớt là thêm", "thêm là bớt" có thể quan niệm dễ dàng được. Những công việc tỉa nhánh bẻ lá của nhà trồng nho không phải là công việc "bớt là thêm" hay sao? Những cây nho được người ta tỉa nhánh sẽ là những cây nho có trái sai; sinh lực của nó ở các lá nhánh bị tỉa bớt kia sẽ đổ dồn vào thân cây để giúp sức cho hoa trái.

“*Tổn chi nhi ích, ích chi nhi tổn*” như câu “*tương dục hấp chi, tất cố trương chi*”, đều là công dụng của luật Quân Bình của Đạo. Bớt là bớt cái có dư để thêm vào chỗ bất cập, theo cái nghĩa “*Thiên chi Đạo tổn hữu dư nhi bổ bất túc*” ở chương 77 (天之道損有餘而補不足).

Đoạn văn trên đây: “*tương dục hấp chi, tất cố trương chi..*” có một giá trị hết sức quan trọng trong thuyết *Phản và Phục* của Lão Tử. Đại ý của đoạn này là muốn bảo rằng: phàm muốn một việc gì thái quá, trái lại phải gặt lấy những kết quả ngược với lòng mong muốn của ta. Lão Tử cũng có nói: “không có cái lầm lẫn to tát nào bằng lòng ham muốn đạt cho kỳ được cái kết quả tích cực của một việc mà mình quá mong ước” (*Cữu mạc đại ư dục đắc*) 咎莫大於欲得 (Ch.46). *Bất cứ một tình dục nào cũng đều có ba giai đoạn: khao khát, chiếm đoạt và chê chán.*

Không đâu biểu diễn luật Quân Bình của đạo rõ ràng bằng ở đoạn văn trên đây. Những cặp mâu thuẫn “*hấp” “trương”, “cường” “nhược”, “hưng” “phế*”, luôn đi đôi với nhau. Xin nhắc lại: Người ta quên rằng hễ *âm cực* là dọn đường cho *dương sinh*, và trái ngược lại hay sao? Cho nên đối với bản thân, cũng như đối với kẻ khác, người thông hiểu Đạo một cách sâu xa, không bao giờ chịu để cho một việc thái quá nào có thể xẩy ra: “*vật bất chí giả, tắc bất phản*”[76] (物不至者則不反).

Đối với bản thân, không bao giờ nên để có *sự dư thừa* mà lại cần phải có sự bớt đi. Tự mình phế bỏ, để mà tự mình được *hưng* lên. Trái lại nếu muốn quá *tự hưng* tức lại là mình *tự phế* đấy! Người trị nước cần phải có một nếp sống *khắc khổ* để tinh thần được lên cao. Cái công dụng của *sự thiếu thốn* trong đời người, làm cho con người trở nên thanh cao hơn là sự *quá đủ, quá thừa*. “*Kỳ tại Đạo dã, viết dư thực chuế hành, vật hoặc ố chi*” (Theo Đạo mà nói, thì: đồ ăn dư, việc làm thừa, ai cũng oán ghét) (Ch.24).

Áp dụng nguyên lý trên đây trong phép xử kỷ tiếp vật, trong việc quốc gia xã hội, tâm lý hay xã hội, đều thấy ứng nghiệm. Đối với việc tu thân thì tiết chế tư dục hay hơn là thỏa mãn tư dục. Nếp sống khắc khổ của các vị tu sĩ đâu phải là không có lý do sâu sắc. Kẻ tự phụ kiêu căng thì tự mình làm hạ nhân cách và mất nhân tâm. Kẻ biết khiêm cung từ tốn lại là kẻ khéo nuôi dưỡng và làm hưng khởi lòng đạo đức của mình và được người đời mến chuộng. Cho nên mới nói "đứng sau mà thành ra đứng trước", "ở dưới thấp mà được ngồi trên cao". Về phương diện tâm lý thì "*phàm sự nan cầu giai tuyệt mỹ, cập năng như nguyện hựu thường tình*". Phàm sự khó cầu mong được thì bao giờ cũng tốt đẹp, đến khi chiếm được rồi thì việc ấy lại trở thành tầm thường. Là tại sao? Đói khát thì ăn uống ngon lành, ăn no thì hết ngon, no quá sẽ sinh ra chán ghét. Có đau yếu mới nếm được cái thú của sự khang kiện. Vợ chưa cưới quý hơn người vợ đã cưới; vợ người đẹp hơn vợ mình: đó là thông bệnh của con người: *thiếu thì mong, được thì chán*.

Người bị nhục dễ được vinh quang, nước bị nhục dễ vượt lên địa vị cường thịnh. Cho nên có thể nói: *Nhục* là điều kiện của *Vinh*, *Nghèo* là điều kiện của *Giàu*, *Tối* là điều kiện của *Sáng*, *Quấy* là điều kiện của *Phải*, *Hư* là điều kiện của *Nên*, thất bại là mẹ của thành công, và Đau khổ là điều kiện của Hạnh Phúc.

Biết rõ định luật ấy, phần đông các nhà quyền mưu thời Chiến Quốc áp dụng câu nói trên đây của Lão Tử để làm chính trị và tôn ông làm bậc Thầy, và nhân đó bị hậu thế gán cho ông là nhà mưu thuật, há không phải là oan lắm hay sao?

Heraclite cũng đồng một ý nghĩ như Lão Tử khi ông nói: "*Những trận đại thắng là những trận đại bại*" (Les plus grandes victoires sont les plus grandes défaites). Những nước cường thịnh là những nước bắt đầu đi xuống, những văn minh cực thịnh là những văn minh bắt đầu suy vi. Những suy tàn đều nằm sẵn trong cái thịnh vượng. Cho nên

phép xử thế hay nhất trong đời là phải biết: “*tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục*” để mà tránh “*cái họa nằm trong cái phúc*”.

Tóm lại, hễ Âm cực là dọn đường cho Dương sinh chứ không bao giờ có sự thủ tiêu lẫn nhau giữa hai nguyên lý mâu thuẫn ấy. Vì vậy, kẻ sáng suốt bao giờ cũng chịu “đứng sau” để được “đứng trước”, chịu “ngồi dưới thấp” để được nâng lên cao. Tiêu cực là điều kiện của tích cực, nên mới nói “hòng thu rút lại là sắp mở rộng cho đó ra, hòng muốn làm yếu đó là sắp làm cho đó mạnh lên; hòng muốn vứt bỏ đó là sắp làm hưng khởi đó; hòng muốn cướp đoạt đó là sắp ban thêm cho đó”.

Cùng một ý như trên, Lão Tử nói: “*Thiên hạ chi chí nhu... trì sính thiên hạ chi chí kiên*” (天下之至柔馳騁天下之至堅) *Cái rất mềm trong thiên hạ, thắng cái rất cứng trong thiên hạ*.

Những lý thuyết mâu thuẫn trên đây, sẽ không thấy gì là mâu thuẫn nữa cả nếu ta nhận thấy rõ cái luật *phản, phục* của Tạo hóa. Nhưng, trái lại, đối với kẻ tầm thường chưa thông hiểu được cái định luật quan trọng này, họ sẽ thấy toàn là mâu thuẫn. Vì vậy, ông mới nói: “*Chánh ngôn nhược phản*” (正言若反) (Ch.78) Lời nói đúng với chánh lý thì dường như những lời trái ngược với í thức thông thường. Và, “*kẻ sĩ bậc thấp, nghe nói đến Đạo thì cười to lên. Không cười, sao đủ gọi đó là Đạo*” (Ch.41). Đạo là bao trùm, kẻ “hạ sĩ” làm gì thấy được hiểu được mà không cười nhạo!

Bởi người ta phần đông không biết suy tư theo biện chứng, nên không nhận rõ luật mâu thuẫn, luật “*Phản phục*” như đã nói trên, nên không sao hiểu được những lời nói mà ông gọi là “*chánh ngôn nhược phản*” ấy.

Trong quyển *La Revolution Mondiale*, danh sĩ Hermann de Keyserling có đưa cái định luật “Phản phục” trên đây ra làm đề tài chứng minh cho quyển sách của ông rất là rõ ràng: “*Chaque mouvement donné suscite automatiquement sont*

contre mouvement, de sorte que le radicalisme donne naissance au convervatisme, la douceur à la dureté, et bien au mal et vie versa. Mais, à la fin de chaque processus de ce gence, un rythme qui embrasse tout se trouve consitué où les oppositions précédentes ne sont pas supprimées, mais harmonisées en contrepoint. Il en est ainsi dans la nature. Il devrait en être de même dans l'histoire humain (…) Plus un mouvement unilatéral est puissant, plus il renforce par ce fait même le forces opposées" (p.157-161). (*Mỗi một cái động đều tự nhiên gây thành một cái động nghịch lại, vì thế mà cấp tiến sanh ra bảo thủ, dịu hiền sanh ra tàn bạo, thiện sanh ra ác, hoặc trái ngược lại… Nhưng rồi sau cùng, sau một cuộc xô đẩy cọ sát nhau, những cặp mâu thuẫn trước đây, không bị thủ tiêu, vứt bỏ lẫn nhau, mà lại được hợp thành một nhịp điệu điều hòa từng điểm một. Trong giới thiên nhiên là như thế, mà trong lịch sử loài người cũng một thế. Một hành động một chiều mà càng mạnh bao nhiêu, lại chỉ càng làm cho những lực lượng đối phương càng mạnh thêm bấy nhiêu*).

Người đời phần đông không cho thế là đúng, nên thường có cái ảo vọng là nhiệt liệt đem một cái Phải nào để *trừ tuyệt* một cái Quấy nào… Họ suy tưởng theo luận lý hình thức (logique formelle), nên cho rằng có là có. không là không, phải là phải, quấy là quấy… và luôn luôn như vậy. Họ chỉ nhìn thấy cái tịnh của sự vật mà không để ý đến cái động của nó. Thời gian diễn biến từ Có qua Không, từ Không qua Có, từ Phải qua Quấy, từ Quấy qua Phải. Hoặc mau lẹ như một cái nháy, một cái chớp… hoặc trì trệ từ giờ, từ ngày, từ tháng, từ năm hay từ thế kỷ, trước sau gì cũng phải có. Nhưng khi *biến thể* thì đột ngột lắm, như nước biến ra hơi, thì lúc biến không thể nhận thấy kịp… Bởi vậy mới có những câu rất mâu thuẫn như "*có là không*", "*sống là chết*", "*phải là quấy*", "*động là tịnh*" v.v…

Luật "*phản, phục*" là những định luật bất di bất dịch chi phối tất cả mọi biến thiên trên đời. Lão Tử gọi nó là

"*Thường*", nghĩa là những cái gì không bao giờ biến đổi.

Chữ *Phản* và *Phục*, cũng có nghĩa là trở về *Bản Tính*, trở về cái Đạo nơi mình.

Chương 16 có viết: "*Đến chỗ cùng cực hư không là giữ vững được trong cái Tịnh Vạn vật cùng đều sinh ra. Ta lại thấy nó trở về gốc. Ôi! Mọi vật trùng trùng, đều trở về cội rễ của nó. Trở về cội rễ gọi là Tịnh. Ấy gọi là Phục Mạng. Phục mạng gọi là Thường*" (致虛極, 守靜篤, 萬物並作, 吾以觀復. 夫物芸芸, 各復歸其根. 歸根曰靜, 是謂復命. 復命曰常 ...) (Trí hư cực, thủ tĩnh đốc, vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn. Quy căn viết Tịnh, thị vị viết Phục Mạng. Phục Mạng viết Thường).

Cội rễ của Vạn Vật, tức là Đạo thì Tịnh. Nhưng tịnh cực thì dương sinh, đó là đầu mối của Đạo vậy. Các vật sau khi phóng ra... đều rồi *trở về nguồn gốc của nó* cả, đó là cái "*Động của Đạo*" (反者道之動).

Trở về (Phục) là "*trở về cội rễ*". Chữ *Mạng* 命 trong *Phục Mạng* có nghĩa là "*cái mà ta không thể cãi được*" tức là Đạo. Chữ "*Thường*" ở đây có nghĩa là Đạo "*Thường*", tức là những nguyên lý bất di bất dịch mà bất cứ vật nào, người nào làm sai với con đường thiên diễn của nó sẽ đem tai họa lại cho mình và cho cả xã hội chung quanh mình.

Tóm lại, biết rõ cái luật "*phản, phục*" ấy, thì không ai dám đi làm cái việc triệt để theo một cái Phải nào để trừ tuyệt cái Quấy tương đương của nó. Mà phải để ý coi chừng cái luật quân bình, luật "*phản, phục*" nó không tha thứ một cái gì thái quá. Huống chi là mong mỏi thủ tiêu luôn cả phần đối đích của các cặp mâu thuẫn ấy. Bởi vậy, bậc trị nước mà không hiểu hoặc không đếm xỉa đến cái luật "*phản, phục*" trên đây, thường phải gặt lấy những kết quả tai hại trái với lòng mong ước của mình. Đừng mong đem cái Âm mà trừ tuyệt cái Dương, hay đem cái Dương mà trừ tuyệt cái Âm, dồn sự vật vào tình trạng "*âm cô dương tuyệt*" hay "*dương*

cô âm tuyệt” mà gây tai họa cho con người. Nếu khinh thường luật “*phản, phục*” tức là luật quân bình, thì không khéo ta lại vô tình *cố mà đè nén một việc gì lại sắp làm cho việc ấy chổi dậy mạnh hơn, cố mà làm cho một việc gì yếu đi, lại sắp làm cho việc ấy hưng lên...*” như Lão Tử đã nói trước đây ở chương 36. Và phải chăng, ta thường thấy ở những nơi đã mất tự do là những chỗ mà lòng người tha thiết ham muốn tự do hơn đâu tất cả. Như ta đã thấy sức dồn ép càng mạnh theo một chiều nào, là xui cho sức chống cự đối phương càng thêm mãnh liệt: “*Vật cực tắc phản*” (物極則反).

Nhà tâm lý học Carl G. Jung cho rằng: “*(...) ces opposée ne sont rien d’autre que les conflits humains... Ceci correspond à l’expérience psychologique, formulée aussi dans le Tao-Te King de Lao-Tseu, qu’il n’existe aucune position sans sa négation. Là où il y a la foi, il y a de doute. Là où il y a la doute, il y a la crédulité; là où il y a moralité, il y a tentation – seuls les saints ont des visions diaboliques, et les tyrans sont les esclaves de leurs valets de chambre. En examinant avec soin notre propre caractère nous trouverons inévitablement ce que Lao-Tseu dit: “le haut repose sur le bas” ce qui signifie que les opposés se conditionment l’un l’autre, qu’ils sont réellement une seul et même chose. Ceci se voit aisément chez les personnes ayant un complexe d’infériorité (...) La philosophie chinoise les proclame donc principes cosmiques et les appelle yang et yin. Leur pouvoir s’accroit d’autant plus que l’on essaie de les séparer. “Lorqu’un arbre pousse jusqu’au ciel, dit Nietzche, ses racines atteignent l’enfer... Cependant, au-dessus comme au-dessous, c’est le même arbre*”[77]. (Những cặp mâu thuẫn ấy chỉ ròng là những cuộc tranh chấp trong vòng nhân thế mà thôi... Nó ăn khớp với một cuộc thực nghiệm tâm linh đã nêu trong quyển Đạo Đức Kinh của Lão Tử rằng không có một cái Phải nào mà không có cái Quấy của nó. Hễ đâu có tín ngưỡng là có hoài nghi,

mà hễ có hoài nghi là có tín ngưỡng; hễ đâu có đạo đức luân lý thì có sự cám dỗ sa ngã. Riêng chỉ có những bậc Thánh mới có những cái nhìn đời quỷ quái tinh ma, và chỉ có những kẻ độc tài mới là những tên nô lệ của những tên "bồi phòng" của họ. Khi xem xét kỹ tánh tình của chính ta đây, ta sẽ thấy không sao tránh khỏi được điều mà Lão Tử đã nói: "*cao dĩ hạ vi cơ",* nghĩa là những cặp mâu thuẫn hạn chế lẫn nhau, và thật sự chúng chỉ là Một. Ta rất dễ thấy sự kiện này nơi những kẻ bị mặc cảm tự ti (...) Triết học Trung Hoa có đưa những cặp mâu thuẫn ấy lên hàng những nguyên lý Vũ trụ và gọi chúng là Âm và Dương. Hễ cố mà chia rẽ chúng ra chừng nào thì thế lực của chúng lại càng tăng thêm lên chừng ấy. Nietzche nói: "Khi mà một cội cây mọc cao đụng đến thiên đình, thì gốc nó cũng ăn luồng đến địa phủ". Thế nhưng, dù ở trên hay ở dưới, cũng đều cùng ở một cội cây).

TỔN HỮU DƯ – BỔ BẤT TÚC 損有餘 – 補不足

Dịch Kinh bàn về quẻ *Khiêm* 謙, nơi lời Thoán 彖 có nói: "*Khiêm hanh, thiên đạo hạ tế nhi quang minh, địa đạo ty nhi thượng hành, thiên đạo khuy doanh nhi ích Khiêm. Địa Đạo biến doanh nhi lưu Khiêm. Quỉ thần hại doanh nhi phúc Khiêm. Nhân đạo ố doanh nhi hiếu Khiêm. Khiêm tốn nhi quang, ty nhi bất khả du, quân tử chi chung dã*" (彖曰謙亨, 天道下濟而光明, 地道卑而上行, *天道*虧盈而益謙. 地道變盈而流謙, 鬼神害盈而福謙. 人道惡盈而好謙. 謙尊*而光,* 卑而不可踰, 君 子之終也) (Khiêm thì hanh thông, đạo Trời giúp xuống mà làm cho sáng sủa, đạo Đất thấp mà lên cao, đạo Trời làm vơi chỗ đầy mà thêm chỗ khiêm, đạo Đất làm nghiêng đổ chỗ đầy mà tụ vào chỗ khiêm, quỷ thần làm hại chỗ đầy mà làm ưa thích chỗ khiêm. Khiêm thì cao mà sáng, thấp nhưng không thể vượt qua, đó là chỗ sau chót của người quân tử.)

Khiêm, có nghĩa là nhún nhường, từ tốn, tự hạ mình, thấy mình thấp kém, thiếu thốn v.v…

Dù là Thiên đạo, Địa đạo, Nhân đạo hay Quỷ Thần… cũng đều ghét "*đầy*" (doanh) và ưa thích cái "*vơi*" cái "*thiếu*" (khiêm). Cho nên lời Tượng 象 cũng nói: "*Địa trung hữu sơn, Khiêm: quân tử dĩ suy đa ích quả, xứng vật bình thi*" (地中有山, 謙君子以裒多益寡. 稱物平施) (Trong đất có núi là quẻ Khiêm: người quân tử coi đó mà *rút bớt chỗ nhiều, thêm vào chỗ ít*, cân lường các vật, làm cho sự ban bố được thăng bằng). Trình Tử giải như thế này: "… núi mà lại ở dưới thấp, đó là *cao thì hạ xuống, thấp thì nâng lên*, thấy rõ cái nghĩa *nén chỗ cao, bù chỗ thấp, bớt chỗ thái quá, thêm vào chỗ bất cập*. Đem ra mà thi thố công việc, thì bớt của chỗ nhiều, tăng thêm cho chỗ ít, cân nhắc sự nhiều ít của các vật mà làm cho sự ban bố cho được đồng đều, khiến cho mọi việc được thăng bằng".

Như thế, ta thấy rằng quẻ Khiêm dùng để diễn đạt luật quân bình của Trời Đất[78].

Chương 77, Đạo Đức Kinh Lão Tử cũng nói: “Thiên chi đạo, kỳ du trương cung dư? Cao giả ức chi, hạ giả cử chi; hữu dư giả tổn chi; bất túc giả bổ chi. Thiên chi Đạo: Tổn hữu dư bổ bất túc. Nhơn chi đạo, tắc bất nhiên: tổn bất túc dĩ phụng hữu dư...” (天之道其猶張弓與? 高者抑之, 下者擧之; 有餘者損之; 不足者補之. 天之道: 損有餘而補不足. 人之道則不然: 損不足以奉有餘) (Đạo Trời ư? Khác nào cây cung giương lên: chỗ cao thì ép xuống, chỗ thấp thì nâng lên. Có dư thì bớt đi, hụt thì bù vào. Đạo của Trời: bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu.Đạo của người thì không vậy: bớt chỗ thiếu, bù chỗ dư...). Nhìn kỹ hiện tượng tự nhiên trong Trời Đất sẽ thấy rõ ràng luật ấy.

Do cái luật bớt đi bù lại giữa cái dư cái thiếu để lập lại quân bình mới có sự động biến trong Vũ Trụ, bằng không vạn vật sẽ rơi vào chỗ tịch nhiên yên lặng. Khoa học ngày nay cũng không nói khác hơn: “Il y a, dans l’univers, des corps chauds et des corps froids (...) Les étoiles se refroidissent sans cesse, c’est-à-dire qu’elles cèdent deà la chaleur aux particules claisemées qui peuplent çà et là les espaces célestes. Par conséquent, à mesure que les astres se refroidissent, ces espaces s’échauffent. C’est un processus lent, insensible, mais inéluctable; les corps chauds perdent de plus en plus de chaleur, les corps froids en gagnent perpétuellement, de sort que les températures tendent à s’égaliser. Le jour où tous les objects de l’univers seron au même niveau thermique, il n’ y aura plus d’échange d’énergie, donc plus de mouvement: ce sera la fin du monde”[79] (...Trong Vũ trụ, có những vật nóng và vật lạnh (...) Các tinh tú cứ lạnh lần lần mãi, nghĩa là chúng *bớt sức nóng của chúng để chuyển sang các điểm sáng khác trên thiên không*. Vậy thì, các tinh tú càng lạnh thêm bao nhiêu thì các khoảng không gian kia lại càng nóng thêm lên. Ấy là một cuộc diễn tiến tuy chậm chạp, không cảm thấy được, nhưng là lẽ tất nhiên phải có, không sao tránh khỏi được. Những vật nóng càng mất sức nóng bao nhiêu, thì các vật lạnh càng chia được sức nóng ấy bấy nhiêu, và như vậy

nhiệt độ có khuynh hướng đi đến sự quân bình – nghĩa là bằng nhau. Ngày mà tất cả mọi vật trong Vũ trụ cùng đồng một nhiệt độ như nhau thì sẽ không còn có sự trao đổi khí lực nữa, tức là không còn có sự động nữa: đó là ngày tận thế rồi vậy).

TRI TÚC – TRI CHỈ 知足 – 知止

Hai chữ "*tri chỉ, tri túc*" là then chốt đạo xử thể của Lão Tử. Mà cũng là vấn đề khó khăn nhất. *Biết dừng* thì còn tương đối dễ... chứ "*biết đủ*" thì phải lấy tiêu chuẩn nào mà quy định? Nghĩa là biết đến đâu là "*đủ*" để mà "*ngừng*" lại cho kịp thời, cho vừa lúc?

Ta nên để ý đến chủ trương của Lão Tử là Đạo 道. Đạo là gì? Theo Lão Tử: Đạo, tức là cái luật *Quân bình* (天均)[80] của Vũ trụ, chi phối cả Vạn vật, không cho ta có quyền làm một cái gì thái quá. Đạo, chủ trương và bao trùm vạn vật, luôn luôn có mặt trong tất cả mọi sự vạn vật. Nó có phận sự điều chỉnh lại những cái gì thái quá, vượt mực trung. Hễ "*cao thì ép xuống, thấp thì nâng lên, dư thì bớt đi, hụt thì bù vào*"[81], đặng mà lập lại cái thế quân bình, không cho thiên hẳn về một bên nào cả của cái đòn cân thị phi, thiện ác... Ông nói: "*Thiên chi đạo, tổn hữu dư, bổ bất túc*" (天之道損有餘而補不足) Đạo trời thì bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu.

Trong đạo xử thế, quan trọng nhất là vấn đề thị phi, thiện ác. Sao là phải, sao là quấy, sao là lành, sao là dữ? Lão Tử cho rằng: "*Thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi. Đều biết lành là lành, thì đã có cái chẳng lành rồi. Bởi vậy, Có và Không cùng sanh. Khó và Dễ cùng thành. Ngắn và Dài cùng sánh. Cao và Thấp cùng chiều. Giọng và Tiếng cùng họa. Trước và Sau cùng theo*" (chương 11).

Rồi ông lại nói: "*Phản giả, Đạo chi Động*" (反者,道之動). Cái động của Đạo là *phản biến:* cái Phải biến thành cái Quấy, cái Lành biến thành cái Dữ, cái Vinh biến thành cái Nhục... Héraclite[82] cũng nói: "*C'est la même chose qui habite en nous: la vie et la mort, la veille et le sommeil, la jeunesse et la vieilesse. Ces derniers, en se transformant deviennent les premiers, et les premiers, en se tranformant de nouveau, deviennent les derniers*" (cũng chỉ là một sự vật ở nơi ta: sống và chết, thức và ngủ, trẻ và già. Những cái sau này, khi biến động lại trở thành những cái trước kia, và

những cái trước kia khi phản biến lại trở thành những cái sau này”. Ông lại nói: “*Le froid devient chaud, le chaud froid, l’humide sec, le sec humide*” (Lạnh trở thành nóng, nóng trở thành lạnh, ướt trở thành khô, khô trở thành ướt”, tức là chỗ mà Kinh Dịch bảo: “*vật cực tắc phản, vật cùng tắc biến*”, nhưng hễ biến thì *biến thành cái mâu thuẫn của nó*. Tức là hễ “*dương cực*” thì “*âm sinh*”, “*âm cực*” thì “*dương sinh*”. Như trong Dịch Kinh đã nói, đó là cái luật bất di bất dịch của *Tự nhiên*, của Đạo.

Thật vậy, tùy trường hợp riêng biệt của mỗi người, ta thường thấy một chất thuốc, *với một độ nào*, nó là thuốc bổ, mà *với một độ nào*, nó sẽ thành thuốc độc. Việc đời cũng thế, cái mà ta gọi là phải, chỉ có thể phải ở một mực độ nào, trong những trường hợp nào. Chứ không phải nó luôn luôn là phải, bất cứ ở trường hợp nào. Như việc *ăn*, tự nó không phải mà cũng không quấy. Khi đói, thì *ăn* là *phải*, nhưng cũng chỉ *phải* ở một mực độ nào, ở những trường hợp nào mà thôi. Nếu ăn quá độ, hay ăn không phải lúc, thì không thể còn gọi là “*phải*” được nữa. Cho nên, làm cái Phải nào, hoặc theo một cái Phải nào, cần phải *xem xét trước cái lúc mà cái Phải ấy, vượt mực Trung biến thành cái Quấy*. Tức là phải biết xem xét coi cái Phải ấy nên *dừng* nơi đâu... để nó đừng vượt mực Trung để biến thành cái Quấy. Đó là “*biết dừng lại*” “tri chỉ” (知止) vì đã biết rõ đến đâu là đủ... “*tri túc*” (知足).

Chương 44 Lão Tử nói: “*Danh dữ thân thục thân, thân dữ hóa thục da; đắc dữ vong thục bệnh? Thị cố thậm ái tất thậm phí, đa tàng tất hậu vong. Tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi... khả dĩ trường cửu*” (Danh và Thân, cái nào quý hơn? Thân và Của, cái nào trọng hơn? Đặng và Mất, cái nào khổ hơn? Vậy nên, thương nhiều ắt tổn nhiều, chứa nhiều ắt mất nhiều. Biết đủ, không nhục. Biết dừng không nguy, và có thể lâu dài) (名與身孰親? 身與貨孰多? 得與亡孰病? 是故甚愛必大費, 多藏必厚亡. 知足不辱, 知止不殆, 可以長久).

Qua chương 46 ông nói thêm: "*Họa mạc đại ư bất tri túc, cữu mạc đại ư dục đắc. Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ*" (禍莫大於不知足, 咎莫大於欲得. 故知足之足, 常足矣) Không họa nào lớn bằng không biết đủ, không hại nào to bằng muốn đặng. Bởi vậy, biết đủ trong cái đủ, mới luôn luôn đủ.

Nên để ý nhất câu "*tri túc chi túc*" (知足之足): biết đủ và *biết dừng* 知止 lại nơi đó, đó là tất cả sự khôn ngoan sáng suốt của con người[83].

Có kẻ cho rằng câu này của Lão Tử làm ngăn cản bước "tiến bộ" của loài người, nhưng thực sự nó là câu châm ngôn vàng ngọc để "*lánh nguy cầu an*" và mưu được *hạnh phúc* cho cá nhân cũng như đoàn thể, tránh cho con người tất cả tội ác do lòng tham muốn đèo bòng vô tận xui ta làm con thiêu thân cho vị thần Tiến Bộ và lòng tham dục vô bờ bến của con người.

Thái quá cũng như bất cập, đều không hay cả. Nhưng theo Lão Tử, thì thà bất cập hơn là thái quá, vì thái quá bao giờ cũng nguy hiểm. Bất cập thì sẽ còn phát triển mạnh thêm và gây nhiều hứng thú, còn thái quá thì là dọn đường cho sự phản biến ngược với kết quả mình mong muốn: "*Tương dục phế chi, tất cố hưng chi*" 將欲歙之, 必固張之 (Ch.36).

BẤT TRANH 不争

Cũng như phần đông người ta đã ngộ nhận hai chữ *Vô vi* 無為 là không làm gì cả, phần đông cũng lại ngộ nhận hai chữ "*Bất Tranh*" 不争, và cho là không tranh đấu hay không dám tranh đấu, nghĩa là yếu hèn, nhút nhát. Thậm chí Ngô Tất Tố và Nguyễn Đức Tịnh, trong quyển "*Lão Tử*" của các ông, còn viết: "*Người ta không thể hiểu rằng: không tranh với quân địch thì làm sao thắng với quân địch?*"[84] Nói thế là không hiểu gì về cái đạo Bất Tranh của Lão Tử, lại cũng không hiểu gì cả về binh pháp.

Chương 68, ông nói: "*Thiện vi sĩ giả bất vũ, thiện chiến giả bất nộ, thiện thắng địch giả bất dữ. Thiện dụng nhơn giả vi chi hạ, thị vị Bất Tranh chi đức...*" (善為士者不武, 善戰者不怒, 善勝敵者不與, 善用人者為之下. 是謂不爭之德...) "Người tướng giỏi không dùng vũ lực, người chiến đấu giỏi không giận dữ, khéo thắng địch là không tranh với đó. Khéo dùng người là hạ mình giúp đó, đó là cái đức của sự không tranh).

Đây là chủ trương *Vô vi*, trong phép tranh đấu. Nên để ý đến chữ "*thiện*" 善 của ông dùng: "*Thiện*" 善 đây, tức là sự khéo léo, tài giỏi... Bậc tướng tài giỏi tranh đấu mà không cần phải dùng đến vũ lực, bạo động... Người chiến đấu tài giỏi là không cần dùng đến sự tranh đấu mà thắng địch... Trần Trụ trong quyển "*Lão Tử dữ Trang Tử*" nói: "*Thiện vi sĩ giả, kỳ thực dã, bất vũ giả kỳ mạo dã; thiện chiến giả kỳ thực dã, bất nộ giả kỳ mạo dã; thiện thắng địch giả kỳ thực dã, bất dữ giả kỳ mạo dã*" (善為士者其實也, 不武者其貌也, 善戰者其實也, 不怒者其貌也; 善勝敵者其實也, 不與其貌也). Câu trên của Lão Tử có thể giải thích như vầy: "Kẻ làm tướng mà tài giỏi thì không phải dùng đến vũ lực... *Tài giỏi* đó là thực, *không dùng đến vũ lực,* đó là cái bề ngoài của nó. "*Thiện chiến*" là thực, mà *điềm đạm không tỏ sắc giận* đó là cái dáng bên ngoài. "*Thắng thật khéo*" bên địch là thực, còn *không cùng tranh với địch*, đó là cái dáng bên ngoài... Như vậy, ta thấy rằng Lão Tử, tuy đề xướng chủ nghĩa bất tranh,

nhưng với hai chữ "*thiện thắng*" đủ cho ta biết rằng chữ "*bất tranh*" chỉ là phương pháp đấu chiến, mà "*thiện thắng*" mới thật là mục đích.

Câu "*Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh*". (夫唯不爭,故天下莫能與之爭) (Ch.22): chỉ vì không tranh, nên thiên hạ không ai tranh nổi với mình, đủ minh chứng rằng người tướng giỏi đâu phải là người dùng đến vũ lực để đánh người trước. Kẻ khéo nhất trong sự thắng kẻ địch là không cần tranh với họ mà vẫn thắng họ một cách dễ dàng... Đó là phương pháp dùng "nhu" mà thắng "cương", dùng "nhược" mà thắng cường, những nguyên tắc chánh trong phép dùng nhu thuật. Rõ rệt nhất là ở chương 69 ông nói: "*Dụng binh hữu ngôn, ngô bất cảm vi chủ nhi vi khách, bất cảm tiến thốn nhi thối xích. Thị vị hành vô hành, nhương vô tí, chấp vô binh, nhưng vô địch. Họa mạc đại ư khinh địch, khinh địch cư táng ngô bửu. Cố kháng binh tương gia, ai giả thắng hĩ*" (Dụng binh có câu: Thà làm khách hơn làm chủ, thà thối một bước hơn tiến một tấc. Đó gọi là bước mà không đi tới, nhượng mà không xăn tay, bắt giặc mà không đối địch, cầm giữ mà không binh khí. Không họa nào lớn bằng khinh địch. Khinh địch thì mất của báu. Nên hai bên giao binh kẻ nhường là thắng). Phải chăng ai đã từng thao luyện theo nhu thuật (Jiu-Juisu) hay nhu đạo (Judo) đều nhìn thấy đây là những nguyên tắc chánh của môn vũ thuật ấy. Công dụng của cái "Hư" 虛, cái "*Không*" trong binh pháp đâu phải là nhỏ và tầm thường.

Tôn Tử nói: "*Bách chiến bách thắng, phi thiện chi thiện giả dã, bất chiến nhi khuất nhơn chi binh, thiện chi thiện giả dã*" (百戰百勝, 非善之善者也, 不戰而屈人之兵, 善之善者也): Trăm trận đánh, trăm trận được, chưa phải là người giỏi trong những người giỏi. Không đánh mà làm khuất phục được quân của người, ấy mới là người giỏi trong những người giỏi[85]. Phải chăng cũng cùng một ý với Lão Tử trong câu: "*Thiện vi sĩ giả bất vũ, thiện thắng địch giả bất dữ...*" (Người tướng giỏi không dùng đến vũ lực... người khéo thắng được

địch là không cùng tranh với đó). Bởi vậy, "*bất tranh*" của Lão Tử là phép cầm quân cao nhất... trong binh pháp, mà cũng là phép xử thế cao nhất trong đạo trị nước.

Phép "*đề kháng bất bạo động*" của Gandhi đã làm khuynh đảo một đế quốc mạnh nhất của Âu Tây không đủ là một kinh nghiệm cụ thể của phương pháp "*bất tranh nhi thiện thắng*" của Lão Tử ư? Đó cũng là phép dùng "*nhu nhược thắng cương cường*" mà ông thường khuyên ta vậy.

Thuyết "*Bất tranh*" lại còn một nghĩa nữa về Chánh trị là "*dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh*"[86].

Là nghĩa làm sao? Chương 66, ông nói: "*dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi, dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi. Thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại. Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm. Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh*" 欲上民必以言下之, 欲先民, 必以身後之. 是以聖人處上而民不重, 處前而民不害. 是以天下樂推而不厭. 以其不爭, 故天下莫能與之爭. (Muốn ngồi trên dân, hẳn nên lấy lời nhỏ nhẹ mà hạ mình; muốn đứng trước dân, hẳn nên lấy mình để ra sau. Vậy nên Thánh Nhân ở trên mà dân không hay nặng, ở trước mà dân không thấy bị khuất. Và nhờ thế mà thiên hạ không chán, lại còn đẩy tới trước. Là bởi đó không tranh, nên thiên hạ không cùng tranh với đó được). Bậc Thánh Nhân trị nước, ngồi trên đầu dân mà dân không hay có mình ngồi trên đầu, dẫn đạo dân mà dân không cảm thấy bàn tay của mình dắt dẫn. Bởi vậy, người dân không chán, lại còn đẩy tới trước. Bởi đó không tranh, nên thiên hạ không cùng tranh với đó được.

Thật vậy, bậc Thánh Nhân trị nước, ngồi trên đầu dân mà dân không hay có mình ngồi trên đầu, dẫn đạo dân mà dân không cảm thấy bàn tay mình dắt dẫn. Bởi vậy, người dân không chán lại đưa đẩy lên ngôi cao... Là vì Thánh Nhân trị nước bằng đạo Vô Vi. Luôn luôn đứng dưới thấp, ở đàng sau thì người dân còn chỗ nào để cùng tranh chấp, bởi vậy "*vì*

không tranh nên thiên hạ không sao cùng tranh vời họ được".

Trị nước bằng đạo "*hữu vi*" lại không phải thế: "thường hay can thiệp đến việc dân một cách qua rõ ràng, nên người dân cảm thấy là bị trị. Do đó mới có sanh ra tâm trạng chống đối, và nhân thế bậc trị nước phải lo đề phòng để củng cố uy quyền bằng pháp lệ bủa giăng… Giữa cấp thống trị và bị trị đã có chỗ tranh nhau, thì trước sau sẽ có kẻ thắng người bại. Ngày mà người dân cảm thấy sức nặng của người trên đè xuống, cảm thấy cái bàn tay dẫn dắt chỉ đạo quá gắt gao còng giữ, họ sẽ đâm chán, mong vứt quăng gánh nặng, vượt khỏi cái bàn tay sắt buộc ràng… Dùng cái đạo *hữu vi* mà trị nước là *tạo cho nhân dân có chỗ cùng tranh với ta*… là nguy vậy.

NHU NHƯỢC 柔弱

Thuyết *Nhu Nhược* của Lão Tử là thuyết bị người đời hiểu lầm nhất, như thuyết *Bất Tranh* của ông vậy.

Thật sự *Nhu Nhược* là gì?

Ở chương 76, ông nói rõ nhất: "*Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử giả kiên cường. Vạn vật thảo mộc chi sinh dã nhu thúy, kỳ tử dã khô kháo. Cố kiên cường giả, tử chi đồ; nhu nhược giả, sinh cho đồ. Thị dĩ binh cường tắc bất thắng; mộc cường tắc chiết. Cố kiên cường xử hạ, nhu nhược xử thượng*"[87] (Người khi mới sinh, thì mềm yếu, mà khi chết thì cứng và mạnh. Vạn vật cây cỏ, mới sinh thì mềm dịu, mà khi chết thì khô héo. Nên cứng và mạnh, là bạn của chết. Mềm và yếu là bạn của sống. Vậy, binh mạnh thì không thắng, cây mạnh thì ắt gẫy. Cứng và mạnh, ở bậc dưới; mềm và yếu, ở bực trên)

Trong đoạn văn trên đây, hai chữ *nhu nhược* quả có một triết lý sâu xa, chứ không phải có cái nghĩa thiển cận như thông thường người ta đã hiểu. Lấy thí dụ một cái cây, cành lá mềm dịu là chứng sự đang sức sinh hóa; còn sự khô cứng là triệu chứng của sự cằn cỗi, chết chóc, không còn biến động gì được nữa.

Như thế *nhu nhược* có nghĩa là uyển chuyển, không cố chấp trong một hình thức cố định nào, dù thuộc về tâm lý, tình cảm hay tư tưởng. Tâm hồn con người Giải thoát phải biết luôn luôn thay đổi, biến hóa, vô cùng uyển chuyển để theo kịp với nhịp sống của cuộc Đại Hóa trong Trời Đất. Nếu bị hạn định trong một hình thức cứng rắn nào, thì đó là triệu chứng của sự khô cứng và chết chóc. Bởi vậy, người theo đạo Giải thoát rất sợ lối tư tưởng theo thành kiến, theo thói quen, theo tập niệm, thường nô lệ theo một bảng giá trị bất cứ thuộc về một hệ thống tư tưởng, đạo đức, luân lý hay tôn giáo nào.

Mỗi một "*thói quen*" là một thứ ngưng đọng, không còn biến đổi... nghĩa là đã trở thành máy móc... Và như vậy, ta

có thể quả quyết rằng: *Không có một "thói quen" nào là hay cả đối với tư tưởng*[88]. Suy nghĩ theo thói quen, yêu thương vì thói quen, hành động theo tập quán, đó là những trở ngại lớn nhất trong con đường Giải thoát. Cho nên kẻ muốn đi đến Giải thoát, bước đầu tiên là tự mình phá hủy tất cả mọi thành kiến bất cứ thuộc về giới nào. "*Kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ*".

Người Giải thoát "như con Rồng", biến hóa, ẩn hiện, không biết sao mà lượng trước được phản ứng của họ. Bậc thường nhân phản ứng rất hạn định chỉ có một chiều thôi, như một bộ máy… Những kẻ mà đời sống tinh thần bị gò bó, lệ thuộc trong một hệ thống luân lý hay tư tưởng nào sẽ là những kẻ có một phản ứng thô sơ và nhất định mà bất cứ ai có óc quan sát đều có thể biết trước được. Một ông luật sư đứng ra biện hộ cho ai, bao giờ cũng tìm đủ cách để chứng minh rằng thân chủ mình là vô tội. Một nhà Nho hủ lậu bao giờ cũng có những phản ứng một chiều và hẹp hòi câu chấp, luôn luôn sẽ có những phản ứng một chiều với những ai phạm vào những điều cấm kỵ của giáo điều Nho giáo. Cũng như nhà duy vật sẽ không bao giờ chịu hiểu những gì không ăn khớp với những lý thuyết của họ như lý thuyết "*giai cấp đấu tranh*" chẳng hạn. Sự phản ứng đối với cuộc đời sẽ không bao giờ giống với những phản ứng một cách máy móc của các chất hóa học đã được người ta khám phá và quy định trong những công thức không bao giờ thay đổi. Bởi vậy, người theo đạo Giải thoát của Lão Trang chắc chắn sẽ không bao giờ là tín đồ trung thành của một tôn giáo, một triết thuyết, hay là chiến sĩ cuồng nhiệt của một chủ nghĩa chánh trị, xã hội hay luân lý nào cả.

Đó là cái huyền nghĩa của hai chữ *nhu nhược*.

Nhu nhược lại cũng có cái nghĩa là thuận theo, chiều theo, không cưỡng lại… tức là cái thuật "*Bất tranh nhi thiện thắng*"[89] dùng "*nhu nhược thắng cương cường*"[90]. Không chống cự, tức là không tạo cho bên địch có cơ hội để tranh

đấu: “*phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh*” (夫唯不爭故天下莫能與之爭) (Chương 22). Như thế “*nhu nhược*” đây có nghĩa là một phương pháp tranh đấu: đó là phép lấy hư mà trị thực, một phương thuật già dặn nhất trong phép tranh đấu của nhu đạo (Judo) ngày nay.

Cho nên mới có chỗ ông bảo: “*Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh*”[91] (Bậc “thượng thiện” giống như nước, nước thì hay làm lợi cho vạn vật mà không tranh). Tánh của nước, thì yếu mềm; gặp chỗ trống, thiếu thì chảy vào; gặp chỗ đầy dư thì chảy ra. Lánh cao mà tìm thấp, ngày đêm chảy mãi mà không ngừng. Đó là nó thực hiện cái luật quân bình của Trời Đất Nước, luôn luôn chiều theo mà không kháng cự. Bị cản thì dừng, mở đường thì chảy, ống thẳng bầu tròn, nhưng không mất bản chất.

Tóm lại, chương 40 có viết: “*Nhược giả, Đạo chi dụng*” (弱者道之用). Yếu mềm là cái dụng của Đạo… Nhược đây là biết chiều theo, không chống lại… không dùng ý chí mà cưỡng lại với Đạo, như người thợ lặn giỏi không cưỡng lại với nước nên không hay là có nước. Câu “*yếu mềm là cái dụng của Đạo*”, ta phải hiểu yếu mềm đây, là phương pháp để trở về với Đạo.

Bởi người ta thường sống thích đua đòi theo kẻ khác, chỉ tìm cách để bắt chước kẻ khác, sống theo cái sống của kẻ khác, sống theo những ước lệ giả tạo bên ngoài… mà không sống theo cái Chân tánh của mình cho nên mới có dùng đến Ý chí, tức là cố cưỡng ép mình để trở thành những gì không phải là mình. Nếu biết sống theo mình, theo cái Chân Diện Mục của mình thì sao lại phải còn dùng đến Ý chí. Nên mới gọi là Vô Vi, vì đã huyền đồng cùng Bản Tánh.

Đó là cái nghĩa thứ hai của *Nhu Nhược*, đồng với *Vô Vi*, mà phương tiện là *Bất Tranh*.

BẤT NGÔN CHI GIÁO 不言之教

Chương 2, sách Lão Tử có câu: "*Xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo*" 處無為之事, 行不言之教 (dùng vô vi mà xử sự, dùng phương pháp không lời mà dạy dỗ) (Ch.2).

Chương 43 lại nói thêm: "*Bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích, thiên hạ hi cập chi*" Dạy bảo mà không cần đến lới nói, sự lợi ích của vô vi, trong thiên hạ ít ai theo kịp (不言之教, 無為之益, 天下希及之).

Dạy bảo mà không dùng đến lời nói... Là nghĩa gì? Như trước đây, ở chương bàn về sự "*học",* Lão Tử khuyên ta đừng học cái trục vật, vụn vặt, phiền phức bên ngoài.

Chương 20, ông nói: "*tuyệt học vô ưu*" 絕學無憂, đến chương 64 ông lại bảo: "*học bất học*" 學不學. Hãy học cái "*không thể học được*" là Đạo. Mà Đạo, thì không thể dùng lời nói mà miêu tả được: "*Đạo khả đạo, phi thường Đạo, Danh khả danh phi thường Danh*" 道可道, 非常道; 名可名, 非常名 (Đạo mà nói được, không phải là cái thường của Đạo. Danh mà ta có thể gọi được, không còn phải là Danh thường nữa). Vì vậy, ông mới không dùng đến lời nói để mà dạy. Ông lại cũng có nói: "*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*"[92] (知者不言, 言者不知) (Ch.56), cũng đều là chỉ về cái học về Đạo cả. Sở dĩ phải dùng đến lời là một sự miễn cưỡng rồi vậy. Đạo học là một cái học *tâm truyền tâm*, không có thể nào dùng lời mà hình dung được, chỉ có thể cảm thông mà thôi. Đó là nghĩa thứ nhất của "*bất ngôn chi giáo*".

Cái học của Lão Tử thuộc về *Tâm học*, tuy không thể lấy lời nói mà miêu tả được, nhưng cũng có khi dùng lời nói để khêu gợi được... Dùng lời để mà khêu gợi mà thôi, chứ thực ra, trong đời không ai dạy ai được, nếu tự mình không tìm kiếm ra, cho nên cũng gọi là "*bất ngôn chi giáo*", đó là nghĩa thứ hai.

Chương 57, Lão Tử bảo: "*Ngã vô vi nhi dân tự hóa*" (我無為而民自化). Ta không làm mà dân tự hoá. Bậc trị nước, không cần bắt buộc dạy bảo, cần lấy gương vô tư, vô dục của mình mà dạy dân, dùng "bất ngôn chi giáo" mà sửa dân… thì dân không có hay là mình có làm gì, nhưng tự chúng sửa đổi lấy mình mà không cần đến sự bắt buộc hay cấm đoán, ban hành pháp lệnh. Ông lại nói: "*Ngã hiếu tịnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác*" (我好靜而民自正, 我無事而民自富, 我無欲而民自樸). Ta ưa tịnh mà dân tự chính, ta "vô sự" mà dân tự giàu, ta không dục vọng mà dân trở thành chất phác. Đó đều là phép "*bất ngôn chi giáo*" của ông cả. Về sau Trang Tử trong thiên "Đức sung phù" giải rất rõ cái phép "*bất ngôn chi giáo*" ấy: "*Đức sung ư nội, nhi nhơn hóa ư ngoại, tự nhiên cảm hóa bất đãi giáo ngôn giả dã*" (德充於內, 而人化於外,自然感化不待教言者也)[93]. Nghĩa là: "Đức mà đầy đủ nơi trong, thì người ở ngoài được hóa, tự nhiên được cảm hóa, không cần phải dùng đến lời mà dạy". Đây là nghĩa thứ 3 của nó.

Chương 5, ông nói: "*Đa ngôn sổ cùng, bất như thủ trung*" (多言數窮, 不如守中) Nói nhiều bao nhiêu cũng không sao nói hết được, thà là giữ lấy mực trung. Là tại sao? Đạo, là nguyên lý Quân bình. Việc đời có gì lạ ngoài thị phi, thiện ác… Nếu bảo đây là phải, thì lại sợ rằng thiên hạ quá thiên về đó mà đi quá trớn, trở thành cái quấy. Lạ gì thói đời, làm gì cũng thái quá! Cái bệnh câu chấp ấy là thông bệnh của con người. Thà là giữ lấy mực Trung, ít nói chừng nào hay chừng nấy: "*Hi ngôn tự nhiên*" (希言, 自然) (chương 23).

Thị phi, thiện ác, vinh nhục, lợi hại chỉ là bề mặt bề trái của mọi sự vật trên đời, thì lợi cho đây chưa ắt cũng còn là lợi cho kia, phải cho đây chưa ắt cũng còn là phải cho kia… Cho nên kẻ đạt Đạo không ham biện bạch gì với ai cả: sự hiểu biết do trình độ mà có cao có thấp. Đồng với ta cho ta

là phải, không đồng với ta cho ta là quấy. Sự phải quấy trong đời bất quá chỉ có bấy nhiêu thôi. Cho nên mới có câu: "*Thiện giả bất biện, biện giả bất thiện*" (善者不辯, 辯者不善) (Chương 81) Người "*thiện*" không tranh biện, người tranh biện không "*thiện*". Chữ "*thiện*" 善 đây, có nghĩa là người sành về Đạo, chứ không phải ám chỉ người lành đối với kẻ dữ, theo cái nghĩa thông thường về luân lý. Chương 2 nói rất rõ ràng lẽ ấy: "*Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ. Giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy. Thị dĩ thánh nhân, xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo*" (天下皆知美之為美, 斯惡已; 皆知善之為善, 斯不善已. 故有無相生, 難易相成, 長短相形, 高下相傾, 音聲相和, 前後相隨. 是以聖人處無為之事, 行不言之教) Thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi; đều biết lành là lành, thì đã có cái chẳng lành rồi. Bởi vậy, có và không sanh nhau, khó và dễ cùng thành, ngắn và dài cùng sanh, cao và thấp cùng chiều, giọng và tiếng cùng hòa, trước và sau cùng theo. Vậy nên Thánh nhân dùng Vô Vi mà xử sự, dùng "bất ngôn" mà dạy dỗ, không phải là không nói, mà không nói đến Thị Phi, Thiện Ác, bởi nói Thị thì Phi dấy lên, nói Thiện thì Ác dấy lên.

Thực ra, nếu có thể dạy được điều gì, thì chắc chắn ông sẽ không bỏ lỡ cơ hội để chỉ dạy. Ông nói: "*Nhơn chi sở giáo, ngã diệc giáo chi*" (人之所敎, 我亦敎之). Chỗ mà người xưa dậy được, ta nay cũng dạy… (Ch.42). Dạy cái gì? Dạy những chân lý thông thường mà không cần minh chứng như câu "*dùng bạo động, chết bạo tàn*" (強梁者不得其死)[94] v.v…

Huống chi lời dạy khéo, là lời dạy mà người thụ giáo không hay là được thụ giáo, mà người dạy cũng không dè là mình đã dậy. Đó là dạy một cách khéo léo, kín đáo chứ không vinh váo ra mặt thầy đời. Những lời dạy như thế mới là có nhiều kết quả nhất, đó là hành dộng *Vô Vi*, đó là "*bất ngôn chi giáo*". "*Thiện hành vô triệt tích, thiện ngôn vô hà trích…*"

(善行無轍跡, 善言無瑕謫) Đi khéo không để lại dấu chân, nói khéo không để lỗi lầm… (Ch.27). Một việc làm được gọi là hoàn toàn khi nào làm mà không ai nhận thấy dấu vết của việc làm. Đó là "*Vô vi nhi vô bất vi*" (無為而無不為), không làm, nhưng không có gì mà không làm. Bậc đạt đạo, dạy người mà không ai dè là được dạy, người dạy không cho mình có dạy mà cậy công, người được dạy không hay là mình được dậy mà ghi ân, nên không có sự bội ân.

Lại nữa, sự hiểu biết của ta phải tự ta tìm lấy, không thể do kẻ khác truyền dạy. Là tại sao? Có dạy được chăng là vì nơi người đã có sẵn mầm tư tưởng mà ta muốn truyền dạy. Nên chi Trang Tử mới nói: "*Đồng với ta cho ta là phải*" và chấp nhận, còn "*không đồng với ta cho ta là quấy*" và không chấp nhận. Như vậy thì không ai có thể dạy ai được; ta chỉ khêu gợi được những gì có sẵn nơi tâm trí kẻ khác mà thôi. Đó cũng là một trong nhiều nghĩa của "*bất Ngôn chi giáo*".

Tóm lại, với bốn chữ "*bất ngôn chi giáo*", đủ chứng minh rằng Lão Tử không bao giờ chủ trương chính sách *ngu dân* như đã có nhiều người ngộ nhận mà gán cho ông. "*Bất ngôn chi giáo*" là phương pháp giáo dục chỉ dùng đến sự khêu gợi, không dùng phép hữu vi mà nhồi sọ, mà bắt buộc kẻ khác phải nhận sự hiểu biết của mình. Chưa đến lúc nói, thì không nói; đến lúc phải nói thì chỉ nói nửa lời thôi, cốt để khêu gợi, giúp cho người khải phát cái tri thức tiềm tàng của người, nghĩa là người thông đạt là kẻ giúp cho người suy nghĩ, chứ không phải là người suy nghĩ thế cho người[95].

Lối nhận xét này của Lão Tử là lối nhận xét chung của phần đông bậc trí giả Đông phương. "Theo người Đông phương, một sự hiểu biết gì mà không phải tự mình tìm ra, không phải là một sự hiểu biết thật, mà là một sự hiểu biết nhồi sọ, một thứ hiểu biết ngoài da. Đọc một bài văn hay một quyển sách mà biết thích và cho là hay là vì nó đồng với chỗ ưa thích của mình và cũng nhờ đó mà nó khêu gợi lên được và làm vang dội tâm hồn mình. Đó là chỗ mà người

Đông phương gọi “*đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*”. Cho nên đọc sách (về Đạo học) theo người Đông phương không phải là để học thêm của người, mà là để tìm hiểu cái sâu thẳm, khải phát cái mà lòng ấp ủ hoặc đã có sẵn nơi mình mà mình không dè. Vì vậy, cũng thời một câu văn mà có kẻ nghe qua không thấy chút gì rung cảm; trái lại, có kẻ vừa đọc qua là thấy cả cái người của mình rung chuyển lạ thường” (...) Sách vở Kinh điển của Đông phương (mà quyển *Đạo Đức Kinh đây là một*) vì thế phần nhiều dùng một lối văn rất vắn tắt không lý luận, cũng không minh chứng dài dòng. Đó là cốt để cho kẻ học hỏi phải dụng công suy nghĩ và lắng nghe cái tiếng dội nơi chỗ thâm sâu của lòng mình. Lời lẽ trong sách chỉ để khêu gợi... mà muốn khêu gợi thì chỉ nên nói nửa lời thôi. Đọc sách của Đông phương viết ra phải nhớ lời nói này của một học giả Tây phương khuyên ta: “*Điều quan trọng không phải nơi cái điều mà quyển sách muốn nói với ta, mà nơi những gì quyển sách khêu gợi được nơi lòng ta*”. Xem như trí thức và lý luận của các hiền giả Đông phương đâu có kém gì người Tây phương, thế nhưng tại sao sách vở họ viết ra lại dùng một lối văn vắn tắt, không mạch lạc, không minh chứng? Đó là dụng ý của họ cốt tạo một cái học về bề sâu, khêu gợi và làm khải phát cái tiềm lực thiêng liêng tàng ẩn trong đáy lòng người đệ tử hay người đọc sách. Sự tối tăm cố ý của câu văn có công dụng hấp dẫn của nó là kích thích óc tò mò, sự tìm hiểu ẩn ý của người viết và nhân đó giải phóng những tiềm lực thiêng liêng ẩn núp trong đáy lòng của mình”[96].

Phái *Thiền học* của Phật giáo Đại thừa lại còn đi xa hơn trong vấn đề “*bất ngôn chi giáo*” do Lão Tử đề xướng. Họ cho rằng: “*giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật*”. Vì Đạo học là một vấn đề không thể dùng danh từ mà truyền được.

Ông Thầy ở Đông phương không vội vàng truyền giáo cho bất cứ ai. Dù là đối với các đệ tử của mình đến cầu thụ thỉnh giáo. Ông thầy Đông phương cũng đợi đến khi nào lòng

người cầu Đạo chí thành và đủ sức hiểu biết mới chịu nói ra và cũng chỉ nói nửa lời mà thôi! Đó là do quan niệm về lối dậy dỗ theo thuyết "*bất ngôn chi giáo*" mà ra vậy.

TAM BỬU 三寶

Chương 67, Lão Tử viết: "*Ngô hữu Tam bửu, trì nhi bão chi: Nhất viết Từ, Nhị viết Kiệm, Tam viết Bất cảm vi thiên hạ tiên. Từ cố năng Dũng, Kiệm cố năng quảng, Bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng*" (我有三寶, 持而保之: 一日慈, 二日儉, 三日不敢為天下先. 故能成器長). Ta có ba vật báu, hằng nắm giữ và ôm ấp: một là Từ, hai là Kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ. Từ mới có Dũng, Kiệm mới có rộng, không dám đứng trước thiên hạ thì được ngôi cao.

---

1) *Từ* 慈 là yêu thương tất cả mọi người bất luận là người lành hay người dữ, tha thứ độ lượng. Chương 49, ông có nói: "*thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi... Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi*" (善者吾善之, 不善者吾亦善之... 信者吾信之, 不信者吾亦信之). Với kẻ lành thì lấy lành mà ở, với kẻ chẳng lành cũng lấy lành mà ở... Với kẻ thành tín thì lấy thành tín mà ở, với kẻ không thành tín thì cũng lấy thành tín mà ở. Như thế ta thấy rằng Lão Tử rất là hoằng đại đối với tất cả mọi người. Dưới mắt ông không có kẻ thiện người ác, không có kẻ phải người quấy, không có kẻ quý người tiện... Gần với *Bát Nhã Bình đẳng* của nhà Phật.

Không như Khổng Tử chủ trương "*dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đức*", Lão Tử xướng lên thuyết "*báo oán dĩ đức*".

Lấy đức mà trả oán thì oán mới tiêu tan, lấy trực mà báo oán thì cũng không làm sao dứt được hậu hoạn của lóng thù hận. Nhân đạo phải đứng trên công lý. Với chữ Từ của Lão Tử, ta không lạ gì ông khinh Nhân Nghĩa mà trọng Đạo Đức, lòng rất rộng rãi, không câu chấp, không thiên vị. Đó là hạnh của bậc *chí nhân*.

Lấy "*oán mà báo oán*" là việc thường tình, lấy "*trực mà báo oán*" thì cao hơn một bực, nhưng lấy "*đức mà báo oán*" thì phải là kẻ phi thường, đứng trên loài người vì đã tha thứ,

lại còn yêu thương được kẻ đã làm hại ta, phải là bậc chí nhân chí dũng trên đời, phải là kẻ đã thắng được lòng vị kỷ và ham sống của mình. “*Thắng nhơn giả hữu lực, tự thắng giả cường*”: Kẻ mà thắng được lòng ích kỷ của mình, lấy đức mà trả oán, là kẻ dũng mãnh nhất trên đời. Bởi vậy Lão Tử mới nói: “Từ cố năng Dũng” (慈故能勇)[97].

Tóm lại, người mà thực hiện được chữ Từ, là người chí thiện chí tín. *Chí thiện* nên không thiện riêng với một ai, dù với người thiện hay bất thiện. *Chí tín* nên nên không thành tín với riêng ai, dù là với người thành tín hay không thành tín. Vô Vi của Lão Tử quả là khó khăn cho những ai chưa diệt được Bản Ngã, chưa diệt được lòng “tham sinh úy tử” của mình, và quả là hành vi của người đại dũng. Ta nên để ý đến cái Dũng của bậc Thánh nhân: sở dĩ họ khác với thế nhân là nơi họ, Dũng bao giờ cũng căn cứ trên lòng Từ. Bởi vậy Lão Tử mới nói: “*Kim xá Từ thả Dũng... tử hĩ*” (今舍慈且勇… 死矣) (Nay, nếu bỏ Từ mà được Dũng, là chết vậy). Đó là “*thất phu chi dũng*”, đó là cái dũng của kẻ bạo tàn: “*Cường lương giả, bất đắc kỳ tử*” (dùng bạo lực, chết bạo tàn) (Ch.42), đó là lẽ dĩ nhiên.

---

2) Của báu thứ hai của Lão Tử, là *Kiệm*.

Kiệm, tức là biết ức chế lòng thích xa xỉ và thỏa mãn thú tính của nhục thân. Lão Tử thường khuyên ta hãy “*khứ thậm, khứ xa, khứ thái*”. Xa là xa xỉ; thái là phung phí kiêu sa. Thói xa hoa là cái bệnh nguy hiểm nhất cho kẻ cầm quyền trị nước.

Kiệm giúp cho ta *biết đủ*, sống không nô lệ lấy dục vọng, không nô lệ ngoại giới, không nô lệ bất cứ một thế lực nào. Trái lại, kẻ sống trong xa hoa, sớm muộn gì cũng sẽ đi đến nô lệ dưới mọi hình thức. Người mà có đức *Kiệm* là người sống trong đơn giản, không chạy theo cáo phụ mà quên cái chánh của đời người. Cho nên, người *Kiệm* mới có thể có lòng rộng rãi, thứ tha, tự do và làm nên đại sự: “*Kiệm, cố năng quảng*”.

Cầm quyền trị nước mà sống không kiệm ước, kiêu sa là cái hại cho nước; họ sẽ đặt vào đầu dân chúng sưu cao thuế nặng để có đủ mà cung phụng nếp sống củ họ, Người theo Đạo thì: "*tổn hữu dư, bổ bất túc*", trái lại nếu vì lòng ích kỷ (người xa xỉ là người ích kỷ) mà "*tổn bất túc, bổ hữu dư*" làm cho giàu nghéo quá chênh lệch, giai cấp đấu tranh, phải chăng chính mình gây nên họa chiến tranh, tự mình vời họa đến cho mình. Chương 53, ông nói: "*Triều thậm trừ, điền thậm vu, thương thậm hư. Phục văn thái, đái lợi kiếm, yếm ẩm thực, tài hóa hữu dư. Thị vị đạo khoa, phi Đạo dã tai!*" (朝甚除, 田甚蕪, 倉甚虛. 服文綵, 帶利劍, 厭飲食, 財貨有餘. 是謂盜夸, 非道也哉) (Triều đình lộng lẫy thật, mà ruộng nương đầy cỏ hoang, còn kho đụn thì trống trơn. Áo quần sang trọng thật, đeo kiếm bén, ăn uống chán, của cải thừa. Nhưng đó là đường của đạo tặc, đâu phải đường của Đạo lớn). Nếu lâu dài ở chốn triều đình mà lộng lẫy, huy hoàng là nhờ người ta đã "lấy chỗ thiếu" của dân mà "bù thêm vào chỗ dư" của giới giàu sang ở triều đình. Vì thế mới nói "ruộng nương đầy cỏ hoang"," kho đụn trống rỗng" không còn một hột thóc. Các bậc Vua Chúa Quan Quyền thì có dư lại có dư thêm, còn chúng dân đã thiếu lại càng thiếu thêm, đó là hậu quả của sự trị nước của kẻ không lấy Kiệm ước làm đầu. Bởi vậy, họ ăn mặc cực kỳ sang trọng, đeo gươm bén, ăn uống chán, của cải thừa… Như vậy họ là kẻ "*đạo khoa*" nghĩa là bọn đạo tặc cướp của kẻ khác để khoa trương… chứ không phải trị nước theo Đại Đạo, vì theo Đạo phải biết "*bớt chỗ dư bù chỗ thiếu*". Chương 59, Lão Tử đã nói rõ: "*Trị nhơn sự thiên mạc nhược sắc. Phù duy sắc, thị vị tảo phục, tảo phục vị chi trọng tích đức. Trọng tích đức tắc vô bất khắc. Vô bất khắc tắc mạc chi kỳ cực. Mạc chi kỳ cực khả dĩ hữu quốc*" (Trị người, giúp Trời không chi bằng tiết kiệm. Tiết kiệm phải là việc lo đầu tiên. Lấy nó làm việc lo đầu tiên, thì chứa được đức. Chứa được đức, thì không có gì là không thắng được, thì không ai biết được chỗ cùng cực của nó. Không ai biết được chỗ cùng cực của nó, thì mới có

thể nắm giữ được nước) 治人事天莫若嗇. 夫唯嗇, 是以 早服, 早服謂之重積德. 重積德則無不克. 無不克則莫知其極. 莫知其極可以有國.

---

3) Của báu thứ 3 của Lão Tử, là "*không dám đứng trước thiên hạ*". Người đời thường vịn vào dây mà cho ông là hèn yếu, là chủ trương thoái hóa, chống với tiến bộ.

Thật có đúng như vậy, nếu người ta quan niệm "*tiến bộ*" là tranh hơn tranh thua để tìm cách đứng trên đầu trên cổ đồng loại mới hả lòng cho, thì Lão Tử quả thật là người chủ trương không nên tiến bộ kiểu ấy. Và như vậy, cho rằng ông chủ trương "*phản tiến hóa*" cũng không sao.

Huống chi Lão Tử cho rằng mỗi người mỗi vật đều mang nơi mình một cái Lý độc nhất vô nhị. Lý ấy đồng với Đạo. Theo ông thì "*phản giả Đạo chi động*" (反者道之動), nghĩa là cái động của Đạo là trở về. Trở về là "*phục quy kỳ căn*" (trở về nguồn gốc) tức là trở về với cái Đạo nơi mình. Như vậy, thì thuyết *Tiến hóa* chủ trương sự *trở nên*, nghĩa là *trở nên* một cái gì mà mình chưa có bằng sự chiếm đoạt, thu trữ ngoại vật là trái với cái chủ chỉ của Lão Tử rất xa vậy.

Còn bảo rằng: "*không dám đứng trước thiên hạ*" là hèn yếu lại cáng không đúng. Thích đứng trước và đứng trên thiên hạ phải chăng là cái tật chung của những con người bị tâm cảm tự ty? Trái lại, kẻ mà nơi trong đầy đủ lại không thích đứng trên thiên hạ mà trái lại hay nhún nhường là khác. Cùng một nghĩa với những câu: "*tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc. Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục*" (Ch.28) (知其雄, 守其雌, 知其白 , 守其黑, 知其榮, 守其辱) (mình là con đực, hãy làm như con cái... Mình là trắng, hãy làm như đen... mình là vinh, hãy giữ làm nhục). Như vậy đâu phải là hèn nhát, mà lại là một sự đại dũng trong đời. Kẻ thắng được lòng tự tôn tự đại, thắng được lòng ham danh hiếu thắng, đâu phải kẻ tầm thường mà làm được. "*Thắng nhơn*

giả hữu lực, tự thắng giả cường” (Thắng người là kẻ có sức, nhưng thắng mình mới là người mạnh).

Chương 66, ông nói: “*Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi (...) Thị dĩ dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi, dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi. Thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại. Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm. Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh*”. (Sông biển sở dĩ làm đặng Vua trăm hang là vì nó khéo đứng dưới thấp... Bởi vậy, muốn ngồi trên dân, hẳn nên lấy lời mà hạ mình. Muốn đứng trước dân, hẳn nên lấy mình để ra sau. Vậy nên, bậc Thánh nhân ở trên mà dân không hay nặng, ở trước mà dân không thấy hại. Vì thế, thiên hạ không chán, lại còn đẩy tới trước. Bởi đó không tranh nên thiên hạ không cùng tranh với đó được) (江海所以能為百谷王者, 以其善下之... 是以欲上民必以言下之, 欲先民必以身後之. 是以聖人處上而民不重, 處前而民不害. 是以天下樂推而不厭. 以其不爭, 故天下莫能與之爭).

Lão Tử lấy “sông, biển” để cụ thế hóa và minh chướng chủ trương “*không dám đứng trước thiên hạ*”... Nếu muốn ngồi trên trên dân chúng hãy tự mình khiêm cung nhũn nhặn, và nếu muốn cầm đầu nhân dân phải biết đứng đằng sau lưng họ. Đây là nguyên tắc xử thế điển hình của Lão Tử thường được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong sách của ông. Cũng đồng một ý với câu “*hậu kỳ thân nhi thân tiên*” (để thân ra sau mà thân ra trước). Và “*quý dĩ tiện vi bổn, cao dĩ hạ vi cơ. Thị dĩ Hầu vương tự vị cô quả bất cốc. Thử dĩ kỳ tiện vi bổn da? Phi hồ?*” (Quý lấy tiện làm gốc, cao lấy thấp làm nền; nên chi, hầu vương tự xưng là “con côi”, “ít đức”, “không lành”. Đó là lấy tiện làm gốc không phải vậy sao?) (Chương 39) (故貴以賤為本,高以下為基; 是以侯王自謂孤寡不穀. 此其以賤為本邪?非歟?).

Bậc thánh nhân trị nước ngồi trên đầu nhân dân mà nhân dân không hay là mình ngồi trên đầu. Dẫn đạo nhân dân mà nhân dân không cảm thấy bàn tay của mình dẫn dắt. Là nhờ

họ “*không dám đứng trước thiên hạ*”. Bởi vậy người dân không chán, lại còn đưa mình lên ngôi cao. Bởi luôn luôn đứng dưới thấp và ở đằng sau nên người dân không có chỗ để tranh chấp, cho nên mới nói: “*vì không tranh mà thiên hạ không sao cùng tranh với họ được*”. Thuyết “*bất tranh*” của Lão Tử cũng do thuyết “*bất cảm vi thiên hạ tiên*” mà ra.

Trị nước bằng đạo hữu vi lại không thế: thích ăn trên ngồi trước, thích lấy cái trị mà trị thiên hạ, thích lấy ý riêng mà can thiệp đến việc riêng tư của thiên hạ… nên người dân cảm thấy mình bị trị quá rõ ràng. Do đó mà người dân mới sinh ra tâm trạng chống đối. Và nhân thế, bậc trị nước phải lo đề phòng và củng cố uy quyền mình bằng luật lệ bủa giăng… Giữa cấp thống trị và bị trị đã có chỗ tranh nhau, thì trước sau gì cũng sẽ có kẻ thắng người bại. Ngày mà người dân cảm thấy sức nặng của người trên đè xuống, cảm thấy cái bàn tay dẫn dắt chỉ đạo quá gắt gao còng giữ, họ sẽ đâm chán, mong vứt quăng gánh nặng, vượt khỏi cái bàn tay sắt buộc ràng… Dùng đạo hữu vi mà trị nước là tạo ra cho nhân dân có chỗ cùng tranh với ta… là nguy. Cho nên ông mới nói: “*Xá hậu thả tiên… tử hĩ*”. (Bỏ sau để đứng trước… là chết vậy) (Ch.67). Thật vậy, “*làm bậc trên thiên hạ mà thiếu tư cách thành thực khiêm nhu từ tốn, việc gì cũng chỉ muốn ngồi trên đầu trên cổ dân mà trị, tức là làm nhục thiên hạ, thế mà không chết thì là một sự may mắn lạ thường*”[98].

Tóm lại, sự Lão Tử nói: “*Ta có ba vật báu*” thế là ta có thể hiểu ba vật báu ấy là ba cái chủ nghĩa lớn của ông đem ra xử thế. Mà chữ *Từ* là đứng đầu, hai báu kia đều do đó mà ra cả. *Kiệm*, là cũng nhờ lòng *Từ*, không nỡ xa xỉ, mình có dư mà người người thốn thiếu. “*Bất cảm vi thiên hạ tiên*” là không tranh dành cái việc làm nhục vào lòng người. Phải chăng cũng do lòng *Từ* mà có được cử chỉ quên mình ấy. Cho nên rút lại mà nói thì *Từ* là đầu mối của Đạo xử thế của ông[99].

Có người bảo rằng *Từ* đây cũng giống với thuyết *Kiêm Ái*. “*Bất cảm vi thiên hạ tiên*” giống với thuyết “*Phi công*”, và *Kiệm* giống với thuyết “*Tiết Dụng*” của Mặc Tử. Nhận xét thế là nông cạn. Chữ *Từ* của Lão Tử có một nguồn gốc siêu hình, còn chủ thuyết *Kiêm Ái* của Mặc Tử chỉ bắt nguồn ở vấn đề hình thức xã hội mà thôi. Ngay một chữ *Từ* ấy cũng đã thấy không thể cùng so sánh với nhau rồi; các quan niệm kia đều theo đó mà suy ra không thể có sự so sánh cho được.

HUYỀN ĐỒNG 玄同

A. Chương 56 có đoạn: "*Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần. Thị vị Huyền Đồng. Cố bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ, bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại, bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện. Cố vi thiên hạ quý*" (Nhụt bén nhọn,bỏ chia phân, hòa ánh sáng, đồng bụi bậm, ấy gọi là Huyền Đồng. Thế nên không thể lấy chỗ thân mà được, không thể lấy chỗ sơ mà được, không thể lấy chỗ lợi mà được, không thể lấy chỗ hại mà được, không thể lấy chỗ quý mà được, không thể lấy chỗ tiện mà được. Vì vậy, dưới trời không gì quý hơn) 挫其銳, 解其紛, 和其光, 同其塵. 是謂玄同. 故不可得而;不可得而疏, 不可得而利, 不可得而害, 不可得而貴, 不可得而賤. 故為天下貴. (Chương 56).

Nơi chương 1, Lão Tử đã định nghĩa chữ "Huyền" là "*Đồng vị chi Huyền*" (同謂之玄), nghĩa là Đồng với nhau nên gọi là *Huyền*. Cái gì đồng với nhau? Đạo và Đức, Vô Danh và Hữu Danh, Nhĩ và Ngã, Thị và Phi, Thiện và Ác... *Huyền Đức*, nghĩa là cái Đức của người đã hỗn hợp cùng vời Đại Toàn Thể, đã thực hiện được sự đồng nhất với trung tâm sự Sống của vạn vật, không còn thấy có Ta có Người, có Trong có Ngoài, có Phải có Quấy, có Lợi có Hại, có Lành có Dữ, có Vinh có Nhục, có Sống có Chết... Người như thế là người không còn chia phân Nhĩ Ngã, tức là người không còn thấy mình khác biệt với người... Sở dĩ người ta thường hay ưa khoa trương, ưa khoe khoang, ưa những cái sắc sảo bén nhọn, cạnh góc, là để biểu dương cái hay, cái giỏi của mình, để mà nâng cái bản ngã của mình lên, dìm cái hay cái giỏi của kẻ khác xuống đặng làm cho mình càng thêm khác biệt kẻ khác, làm cho Nhĩ Ngã càng thêm chia cách. Trái lại người hữu Đạo, thì càng tìm cách "làm nhụt sự bén nhọn" của mình làm cho kẻ khác đừng thấy chỗ sắc sảo nhọn bén của mình đi, che giấu sự thông minh có khía cạnh của mình đi. Đó là cái đức *Huyền Đồng*: "Tỏa kỳ nhuệ" (nhụt bén nhọn cạnh góc).

Huyền Đồng cũng có nghĩa là “*bỏ chia phân*” (giải kỳ phân). Chữ “*phân*” ở đây có nghĩa là sự phân chia của óc nhị nguyên (esprit dualiste), óc phân chia cái *Sống Một* của vạn sự vạn vật. “*Giải kỳ phân*” là giải thoát tâm hồn trí não của ta ra khỏi cái óc phân chia sự vật. Những cặp mâu thuẫn đối đích như Thị Phi, Thiện Ác... chỉ là bề mặt bề trái của một thực tại mà thôi. Động là ở trong Tịnh mà ra, Tịnh nhân Động mà có. Vật nhờ Tâm mà thông, Tâm nhờ Vật mà hiện. Hai thứ đối đích ấy cùng đồng một gốc mà ra, tuy hai mà là một. Không có Âm thì Dương không nơi nương tựa, mà không có Dương thì Âm làm sao chuyển vận. Người ta không thể quan niệm Động mà không có Tịnh, Sáng mà không có Tối, sự liên quan của hai lẽ đối đích ấy rất chặt chẽ, không bao giờ có thể rời nhau. Khoa học nguyên tử ngày nay cũng không nói khác hơn.

Huyền Đồng cũng có nghĩa là đem cái Sáng của mình để mà hòa với cái Sáng của người, chứ không tự tôn tự đại, tự xem mình là Sáng hơn người, đem cái Sáng của mình để cố che lấp cái Sáng của kẻ khác, hoặc để lòe người, để lấn áp kẻ khác, để nâng mình lên, dìm kẻ khác, để phân biệt mình và người... Bậc hiểu và hành Đạo, cho rằng tất cả cái Sáng của mọi người đều cùng Đồng một cái “*Sáng Chung*” mà ra cả. Cho nên mới gọi Huyền Đồng là “*hòa kỳ quang*” (和其光).

Kẻ biết Đạo, chẳng những đem cái Sáng của mình để hòa đồng với cái Sáng của mọi người, mà cũng đem cái không Sáng của mình, những cái “*bụi bặm*” của mình mà Huyền Đồng với cái “*bụi bặm*” của đời, không cho thấy sự khác biệt vời đời... Bậc đạt Đạo, không phân tách mình với đời, mà xem cả hai là một “*thử lưỡng giả đồng*” (此兩者同).

Vì vậy, người đạt Đạo tức là người đã *Huyền Đồng* mọi sự phân biệt về Vinh Nhục, Lợi hại, Quý Tiện, Thân Sơ, thì làm gì còn lấy được sự “*thân*”, sự “*lợi*”, sự “*quý*” để mà dỗ, hoặc lấy sự “*sơ*”, sự “*hại*”, sự “*tiện*” mà dọa. Cho nên người đạt

Đạo, đến được chỗ *Huyền Đồng* với Đạo, sẽ là người điềm đạm chí cực, không còn một thế lực ngoại giới nào trên đời làm lay chuyển hay lung lạc được tâm hồn họ nữa. Cho nên, mới nói: "*dưới trời chưa có kẻ nào quý bằng hạng người đó*" (為天下貴)

Léon Wieger dịch chữ *Huyền Đồng* là *Mystérieuse Union au Principe*, tức là sự "*hỗn hợp huyền bí với đạo*", còn Pierre Leyris thì dịch *Identité mystérieuse*. Người cầm quyền trị nước, muốn thực hiện được sứ mạng của mình cũng phải biết "*huyền đồng*" với nhân dân, "*lấy cái lòng của nhân dân làm cái lòng của mình":* "dĩ bách tánh tâm chi tâm" (Ch.49) (以百性心之心), lấy cái lo của thiên hạ làm cái lo của mình.

B. Đối với tất cả mọi hiện tượng trên đời đều chứa đựng mâu thuẫn, nhưng những mâu thuẫn đều chỉ là bề mặt bề trái của thực tại. Người đã thực hiện được sự *Huyền Đồng* nơi bản thân, hỗn hợp được Tâm và Trí, Thần và Vật, thì cũng sẽ *Huyền Đồng* được với tất cả vạn vật bên ngoài, không còn thấy Ta thấy Người, mà nhận thấy tất cả Nội Ngoại, Chủ Khách đều là một cả. Nhân đó, ta sẽ không còn thấy cái mà ta gọi là Ta riêng tư nữa, nguyên nhân của tất cả sự đau khổ trên đời: "*Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn*". (Ch.13) (吾所以有大患者, 為吾有身, 及吾無身, 吾有何患). "*Hữu thân*", đây là chỉ về cái "*bản ngã*" của mình. Con người vì quá lo lắng cho cái bản ngã của mình mới gây nên sự "lo lớn". Cho nên ta không nghĩ đến mình nữa thì làm gì có lo?

Như vậy, ta có thể nói rằng người đã đạt đến trạng thái *Huyền Đồng*, nghĩa là người đã diệt được Bản Ngã, đã đồng hóa với Đạo rồi, thì sẽ giải quyết ngay được các mâu thuẫn to tát nơi tâm hồn, không còn thấy sự đèo bòng tham muốn cái bên ngoài, những dục vọng chiếm đoạt làm của riêng, đề cao mình để phủ nhận kẻ khác, không còn tự ti cũng chẳng tự tôn, đó là người đã nhờ phép *Huyền Đồng* mà được cái

đức Huyền của Đạo (玄德). Nên mới nói: “*Đạo sanh chi, Đức súc chi. Trưởng chi dục chi, đình chi độc chi, dưỡng chi phúc chi. Sanh chi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể, thị vị Huyền đức*” (Đạo sanh đó, Đức nuôi đó, cấp dưỡng đó, nuôi nấng đó, đùm bọc đó. Bồi sức đó, dưỡng nuôi đó, chở che đó. Sanh mà không chiếm làm của mình, làm mà không cậy công, làm bậc trên mà không làm chủ, gọi là Huyền Đức). Đạo và Đức có công sanh và thành vạn vật, nhưng không vì sanh mà chiếm làm của riêng của mình, không vì gia ân mà cậy công và khoe khoang, không vì là kẻ bề trên mà áp bức kẻ dưới phải nghe theo mình, ra mặt là người trên trước. Cho nên người được cái đức Huyền của Đạo thì hành động có khác với người đời: “họ sanh mà không chiếm làm của riêng, họ làm mà không cậy công, họ là bậc trên mà không ra mặt là người chủ tể… Họ là người *vô kỷ, vô công và vô danh*”.

Người chưa đi đến cái đức Huyền của Đạo (Huyền Đức) không làm như vậy: họ làm và kể công, chứ không làm để mà làm một cách không tư tâm, không vị kỷ. Hễ họ có công sanh, công dưỡng thì họ lại cố chiếm lấy làm của riêng, sai sử theo ý muốn, lợi dụng đủ mọi phương diện. Nếu họ là bậc trị nước, thì họ thích lên mặt là người trên, ép buộc người dưới phải phục tùng quỳ lụy… kẻ nào không nghe lời họ là kẻ bội nghịch đối với họ.

Tóm lại, Huyền Đồng là phương tiện mà Huyền Đức là cứu cánh. Huyền Đức là để xử Kỷ, mà Huyền Đồng là để tiếp vật.

Hai chữ *Huyền Đồng* đây có thể gọi là *cứu cánh tuyệt đối của học thuyết Lão Tử*. Hễ thực hiện được nó nơi lòng mình rồi một cách tự nhiên và vĩnh viễn, đó là người Đắc Đạo (得道) vậy. Và cũng chính vì không nhận thấy rõ chỗ cứu cánh này mà người ta mới gán cho cái học của Lão Tử (cũng như của Trang Tử) là cái học *yếm thế* hay *xuất thế*. Trong khi vấn đề Nhĩ Ngã, Ta và Đời, đối với Lão Trang, không còn là hai, mà là Một (物我為一)[100]. Đó là một lầm lạc to tát, do sự so sánh thiển cận với những học thuyết xã hội của Nho, Mặc.

Đối với thuyết *Huyền Đồng* (玄同), Lão Tử bác cái thuyết Thần quyền, và chủ trương thuyết Vạn Vật Nhất thể (panthéisme), tức là bác tất cả các Thần tượng bên ngoài bất cứ dưới hình thức nào, nghĩa là bác tất cả mọi sự thờ phụng lễ bái[101].

Sao nói rằng không thể thực hiện được sự *Huyền Đồng*? Lấy thí dụ người thợ lặn, sở dĩ họ lặn dưới nước như loài thủy tộc là vì họ đã *quên* (忘) rằng họ là họ khác biệt với nước, mà đã *cùng với nước là một*. Trang Tử, giải nó trong câu chuyện ngụ ngôn lý thú và sâu sắc sau đây: "*Khổng Tử đứng xem thác nước Lữ Lương. Thác ấy cao độ ba bốn chục lần bề cao con người. Nước đổ xuống thành một dòng sôi bọt, chảy cuồn cuộn trong một cái lạch dài hơn bốn mươi dặm. Dòng nước lộn nhào đến đỗi rùa cá cũng không ở đặng.*

"*Bỗng Khổng Tử thấy một người vận chuyển trong nước xoáy. Cho là một người thất chí muốn tự trầm nên bảo đệ tử đi theo bực thẳm đặng coi có thể nào cứu vớt. Cách ít trăm bước dưới nguồn, người ấy bèn lên khỏi nước, xổ đầu tóc ra phơi, vừa đi vừa ca hát... Khổng Tử theo kịp hỏi: "Tôi hòng cho Ngài là Thần Thành chi, mà bây giờ rõ Ngài là người. Làm sao mà vận chuyển được trong nước dễ dàng như thế? Xin cho tôi biết cái pháp của Ngài?*"

"*Người đó nói: "Tôi không có pháp gì cả. Ban đầu, tôi khởi sự lội theo nề nếp, rồi sự lội ấy thành ra tự nhiên cho tôi; bây giờ tôi linh đinh như loài thủy tộc kia, bởi vì tôi đã đồng làm Một cùng tánh nước, không còn thấy tôi riêng với nước nữa. Tôi xuống với nước xoáy, tôi lên với nước vận, tôi luân chuyển theo sự luân chuyển của nước chứ không luân chuyển theo ý riêng của tôi nữa... Tôi ở trong nước như tôi ở trong chỗ tự nhiên của tôi. Nước gánh lấy tôi, vì tôi cùng nó là Một*". (*Đạt Sinh*)

"*Huyền đồng*" của Lão Tử tức là Tề Vật của Trang Châu, là "*Bát Nhã Bình Đẳng*" của Phật Giáo Đại thừa.

Người mà thực hiện được “*Huyền đồng*”, thì tất cả quan năng trong con người đều được thống nhất… Như Giáo sư E. Herrigel đã nói trong quyển “*Le Zen dans l’art chevaleresque du tir à l’arc…*”: *… “sự hoàn thiện trong nghề đánh kiếm là cái tâm của người đánh kiếm phải đừng náo động vì ý niệm chia phân nhĩ ngã, đừng còn thấy có Ta có Người, đừng còn thấy có người địch thủ với ngọn kiếm của nó, đừng nghĩ gì đến cây kiếm của mình và cách xử dụng nó nữa, và cũng đừng bận gì đến vấn đề sinh tử…” “Giải thoát được khỏi cái ý niệm ham sống sợ chết, tức là cặp mâu thuẫn Sinh và Tử… Đó là đạt đến cái nghệ thuật cao nhất của phép đánh kiếm rồi vậy*”.

… “Người thợ lặn giỏi, là người không còn thấy mình khác với nước nữa; người bắn hay là người bắn mà không thấy mình khác với cái đích của mình bắn; người thợ vẽ hay, là người thợ vẽ không thấy mình khác với vật mình vẽ… nghĩa là không còn để ý đến ngoại vật, đến cái việc làm của mình nữa! Đó là đã đến mức Huyền Đồng rồi vậy!”.

VÔ VI 無為

Vô Vi có thể gọi là danh từ gồm nắm tất cả bộ sách Đạo Đức Kinh. Nó là danh từ tổng yếu bao quát tất cả mọi đề tài đã được giải rõ trong tám mươi mốt chương sách: không có chương nào là không nói đến nó.

Lão Tử nói: "*Ngã hữu tam bửu...nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên*" (我有三寶… 一日慈, 二日儉, 三日 不敢為天下先) (Ta có ba vật báu… Một là Từ, hai là Kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ) (Ch.67).

Từ là yêu tất cả mọi người, bất luận đối với người tốt hay kẻ xấu… Người đời không phải thế: Người đời bảo: "dĩ oán báo oán". Nho gia bảo: "dĩ trực báo oán" (Luận ngữ), đó là đạo *hữu vi*. Trái lại, *Từ* là dám xem kẻ thù như người bạn, không lấy oán mà báo oán, cũng không lấy "trực" mà báo oán, nghĩa là không dám châm thêm vào ngọn lửa oán thù đến nỗi gần như không dám biết đến hai chữ thù oán là gì.

Thiên hạ thì lấy xa xỉ, khoa trương làm mục đích tiến thủ, tranh nhau đua đòi trong sự xa hoa lộng lẫy càng nhiều bao nhiêu càng hay bấy nhiêu… Lão Tử trái lại khuyên ta: "*khứ thậm, khứ xa, khứ thái*" và lấy kiệm ước làm căn bản cho người trị nước. Ông lại còn khuyên ta "*tri chỉ, tri túc*" (知止, 知足).

Người đời đều lấy sự ăn ngồi trên trước làm vinh, và suốt đời chạy mãi theo cái bả vinh hoa phú quý… thì Lão Tử lại bảo ta không nên "đứng trước thiên hạ", cần phải khiêm khu, từ tốn… và luôn luôn đứng dưới và ngồi sau, biết như con đực hãy làm như con cái.

"*Từ*", "*Kiệm*", và "*bất cảm vi thiên hạ tiên*", đó đều là những hành động *Vô Vi* trong *phương xử thế*.

Thế thường, theo đạo Hữu Vi, thì phải lấy Mạnh mà thắng Mạnh, còn Vô Vi thì trái lại lấy Nhu mà thắng Cương, lấy Nhược mà thắng Cường… và hơn nữa lấy "cái không tranh

mà thắng được một cách vẹn toàn” (bất tranh nhi thiện thắng) là khác! Đó là *Vô Vi* trong *đạo tranh đấu*.

Người đời thường bảo “biết người là Trí”, Lão Tử lại bảo “biết mình là sáng”. Người đời thường bảo “thắng người là có sức”, ông bảo “thắng mình là sức mạnh”. Biết người, thắng người là Hữu Vi, *biết mình và thắng mình* đó là *Vô Vi*.

Người đời tranh nhau để làm cho cái *Bản ngã* của mình càng thêm lớn mạnh bằng sự thu đoạt tích trữ của cải quyền thế cho mình càng nhiều càng tốt; trái lại Lão Tử khuyên ta “*ăn ở giản dị, tự nhiên, ít riêng tư, ít tham dục*” (kiến tố bảo phác, thiểu tư quả dục), nhất định “*không nên tích trữ cho mình*” (thánh nhân bất tích 聖人不積) (Ch.81) và “*lo riêng cho mình*” gì cả[102].

Và hơn nữa “*đừng tự xem mình là sáng”, “đừng tự cho mình là phải”, “đừng tự cho mình là có công”, “đừng tự cho mình là trên hết*”…[103] một cách thành thật tự nhiên. Đó đều là những hành động *Vô Vi* trong phương xử kỷ: *tiêu diệt cái “Bản ngã*” của mình. Hữu Vi, trái lại giúp ta càng tăng gia cái Bản ngã của mình.

Tất cả các quan niệm trên đây đều do cái thuyết *phản* và *phục* của Lão Tử mà ra cả: “*Phản giả Đạo chi động*” (反者道之動). Thuyết Vô Vi cũng do đó mà ra. Hữu Vi là “*đi ra*”, là “*đi tới*”, còn Vô Vi là “*trở về*”, là “*thối lại*”[104].

Vô Vi, không phải là không làm gì cả, mà đừng làm cái gì đến *thái quá*, vì “*vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản*”. Cái gì mà thái quá cũng đều nguy hại cả. Mục đích của bất cứ một hành vi nào là cũng để đi đến một kết quả. Nhưng nếu lại đi vào chỗ thái quá, thì kết quả có khi lại còn nguy hiểm cho ta hơn là không làm gì cả. Cho nên Vô Vi, cũng có nghĩa là bớt đi những gì thái quá: “*khứ thậm, khứ xa, khứ thái*” (去甚, 去奢, 去泰) (Ch.29).

Theo Lão Tử thì phải để cho con người trở về với cái sống *tự nhiên giản dị* của họ… Cho nên Vô Vi là đừng dụng tư tâm

mà xen vào cái sống tự nhiên của mọi vật, *càng ít can thiệp đến việc người được bao nhiêu càng quý bấy nhiêu*.

Căn cứ vào những nguyên tắc trên đây, Lão Tử bàn qua thuyết "*Vô Vi nhi trị*" của ông về chính trị.

Đồng với Khổng Tử, Lão Tử cũng nhận rằng cấn phải có một bậc Thánh quân cầm đầu trị nước, thì thiên hạ mới hạnh phúc. Nhưng khác với Khổng Tử, bao giờ cũng cho rằng cần phải "làm" nhiều cho dân... Lão Tử tin rằng càng ít "làm" chừng nào càng tốt, và không làm gì cả, nếu có thể được, lại càng hay. Là vì theo ông, càng dùng cái trị để mà trị nước thì dễ loạn, càng không dùng đến cái trị để mà trị nước thì nước càng dễ trị. Chương 57 sách Đạo Đức Kinh có câu: "*Dĩ chính trị quốc. Dĩ kỳ dụng binh. Dĩ vô sự thủ thiên hạ... Thiên hạ đa kỵ húy, nhi dân di bần; dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn. Nhơn đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi. Pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu*" (以正治國, 以奇用兵, *以*無事取天下. 天下多忌諱而民彌貧. 民多利器, 國家滋昏. 人多伎巧, 奇物滋起, 法令滋彰, 盜賊多有). Nghĩa là cần phải lấy sự ngay thẳng thực thà mà trị nước. Trái lại nếu trị nước mà làm như dụng binh, dùng trá ngụy mà trị thì nguy, vì "*lấy trí mà trị nước, là cái vạ cho nước*" (dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc 以智治國, 國之賊)[105]. Huống chi bậc trị nước mà ban hành nhiều điều cấm kỵ thì dân chúng càng nghèo khổ, bởi thiếu tự do hành động và ngôn ngữ..., dân chúng mà đa mưu xảo kế để trục lợi thì nước nhà phải sa vào hỗn loạn tăm tối. Người dân cần thực thà, ít dục vọng, thì nước mới dễ trị. Bậc trị nước mà quá khắt khe, đem pháp lệnh bủa giăng trên đầu dân để đề phòng chúng, thì chúng dân cũng tìm đủ mánh khóe thủ đoạn để trốn tránh; gây ra mưu mô gian trá càng ngày càng thêm; dân càng khó trị thì bọn đạo tặc càng nhiều. Cổ ngữ có câu: "*pháp lập tệ sinh*".

Dùng Vô Vi mà trị thì ít *can thiệp* đến việc người, không dùng tư tâm mà mà hành động, dùng "*bất ngôn chi giáo*"

mà dạy dân, lấy gương mẫu của mình mà sửa dân… thì dân không hay là mình có làm gì, nhưng rồi chúng tự sửa đổi lấy mình mà không cần đến sự bắt buộc hay cấm đoán, ban hành pháp lệnh: “*Ngã vô vi nhi dân tự hóa*” (我無為而民自化)[106].

Vô Vi, về đạo trị nước, cũng có nghĩa là: “*phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi*” 非以明民，將以愚之 (Ch.65), nghĩa là “không làm cho dân khôn lanh, mà làm cho dân trở nên thực thà”. Chữ “ngu” ở đây không phải có nghĩa là ngu si, mà là “*thực thà*”… tức là cái “ngu” của những bậc thánh trí: “*minh đạo nhược muội*” 明道若昧 (Ch.41)[107].

Tóm lại, *Vô Vi* là hành động trở về nguồn cội, từ bỏ tất cả những gì phiền phức đa đoan của văn minh giả tạo… đã làm che lấp chân Tánh, cái Đạo nơi lòng. “*Vi đạo nhật tổn, tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư Vô Vi*” (Ch.48) 為道日損, 損之又損, 以至於無為. Theo Đạo thì càng ngày càng bớt… Bớt rồi lại bớt nữa, bớt cho đến Vô Vi.

Vô Vi, không phải là không làm gì cả, mà thực sự: “*Vi Vô nhi vô bất vi*” nghĩa là không làm mà không có gì là không làm, làm một cách hết sức tự nhiên và kín đáo (thiện hành vô triệt tích), đem cái tự nhiên mà giúp một cách tự nhiên, không tư tâm, không vị kỷ. Người thi ân không biết là thi ân, người thọ ân cũng không dè là thọ ân. Bậc trị nước mà dùng đến cái đạo Vô Vi, dân không hay là mình bị trị… dĩ nhiên được thiên hạ, mà tự mình cũng không bao giờ bị hại.

PHẦN THỨ BA

A. SỰ BIẾN THIÊN CỦA LÃO HỌC

Sự biến thiên của Lão học: Đạo giáo

Cái học của Lão Tử chủ trương sự “thanh tĩnh vô vi” ngay trong cái đời loạn ly đến cực độ như thời Xuân Thu, Chiến Quốc, cũng khó mà tìm được người hưởng ứng, trừ ra Doãn Hỹ, theo truyền thuyết.

Sau đó hơn một trăm năm, Liệt Tử và Trang Tử nối nhau mà phát huy cái đạo học của ông và làm cho nó chiếm được một địa vị ngang với các học phái khác trong khoảng Tiên Tần. Nhưng sau Trang Tử, một cự phách trong phái Lão học, người ta thấy rằng cái học của Lão Tử bị rơi vào trong bóng tối, không có được một nhà đại biểu nào xứng đáng hơn nữa. Các tông phái sau này tự xưng là gốc nơi Lão học mà ra đều xuất hiện vào đời Tần Hán trở xuống. Ta có thể chia làm bốn phái chính như sau:

1. *Huyền Lý:*

Phái này là phái ẩn dật, sống một đời phóng túng khoáng đạt, phát huy từ đời vua Nguỵ Văn đế; sau có Hà Án, Vương Bật tán dương và nhóm Trúc Lâm Thất Hiền là những đại biểu lỗi lạc nhất.

2. *Phái Thần Tiên Đan Đỉnh:*

Tức là phái “Trường sinh cửu thị” chủ trương sự luyện đan và tu dưỡng để được trường sinh bất tử và tiêu dao trên cõi trần hoàn. Đời Tần Thuỷ Hoàng theo lời khuyên của Lư Sinh và Hầu Sinh cho người đi tìm thuốc trường sanh và nhân đó xướng lên cái đạo Thần tiên. Đến đời Tấn (265-316) *Cát Hồng*, tự là Bão Phác tử làm sách “*Thần Tiên Truyện*” mười quyển và “*Ẩn Dật Truyện*” mười quyển, là những truyện “*thần tiên*”. Và sau này những chuyện thần kỳ quái đản đều gốc nơi đó mà ra cả.

3. *Phái Phù Lục:*

Đời nhà Hán, triều vua Hoàn đế (146-167 trước T.L) có *Trương Khải* dâng lên triều đình bộ sách "*Vu Cát Thần Thơ*". Trong sách chép các việc bói, cúng và các thuyết Âm Dương Ngũ Hành. Sách này bị triều đình bác đi, nhưng sau được *Trương Giác* kiếm được, lợi dụng nó để làm loạn Huỳnh Cân (thời Tam Quốc) cuối đời nhà Hán.

Đồng thời có *Trương Đạo Lăng* học được phép trường sinh vào Thục, lên núi Hạc Minh, làm một bộ Đạo thư 24 thiên, và làm bùa để trị bịnh. Trương Đạo Lăng phụ hội thuyết thần quái của bọn phương sĩ đời Lưỡng Hán, kết nạp được tín đồ mê tín rất đông. Cuối đời Hán qua đời Tấn thì cái học Hoàng Lão rất thịnh hành, người theo đạo lại rất lưu ý đến phép thần thông biến hoá. Từ đó Lão giáo nghiễm nhiên đã trở thành phép tu tiên, và đến đời Đông Tấn, như đã nói trên, được *Cát Hồng* quy định rất là chú đáo, sinh ra vô số những phương thuật và mê tín khác. Đến lúc Phật giáo truyền vào Trung Quốc, phái Phù Lục lại thêm được ở giáo lý ấy những thuyết kiếp số, những luật khai độ, để gây thêm lòng tín ngưỡng nơi tín đồ. *Trương Đạo Lăng* được triều đình phong làm chức *Thiên sư*, đời đời truyền cho con cháu.

4. *Phái Chiêm Nghiệm:*

Từ đời Tây Hán, những bậc Nho gia như Lưu Hướng, Khuông Hành, Cung Thăng đều tin thuyết ngũ hành và sấm vĩ. Về sau Quang Vũ đế nhà Hậu Hán cũng tin theo, nên phong trào nhâm độn, sấm vĩ càng thêm thịnh hành. Những phương thuật như *phong giác, độn giáp, thất chinh, nguyên khí, lục nhật, thất phân, phùng chiêm, nhất giả, đĩnh truyện, tu du, cô hư, vận khí...* đều là những phép xem hiện tại để đoán tương lai. Những phương thuật này, đến đời Tam Quốc mới là thịnh vượng và chiếm một thế lực quan trọng: Phí Trưởng Phòng, Vu Kiết, Quản Lộ, Tả Từ... đều là những nhà thuật sĩ nổi tiếng cả.

Đến đời Tấn, *Quách Phát* làm ra sách "*Thanh Nang*"; đây là ông Thuỷ tổ nghề Địa lý. Còn về lộc mạng thì sách "Lục Lạc Cầu Tử" xuất hiện từ đời Tuỳ, đây là nguồn gốc cho nghề

toán số. Ngoài ra *Lâm Hiếu Công* có làm sách "*Lộc Mạng Thư*" và *Đào Hoàng Cảnh* làm sách "*Tam Mệnh Sao*" cũng đều là sách căn bản của các nhà Toán Mạng sau này. Về nghề "bốc phệ" thì có sách "*Nguyên Bao*" của *Vệ Nguyên Trung* và "*Linh Đại Bí Uyển*" của *Dữu Quý Tài*. Về nghề xem tướng thì có sách "*Tướng Kinh*" của *Đào Hoằng Cảnh*.[108]

Những tông phái này không ăn chịu gì đến Lão Tử nữa cả. Điều đáng làm lạ nhất là vị giáo chủ của Đạo giáo không còn là bậc "*ẩn quân tử*" tác giả Đạo Đức kinh nữa, mà đã biến thành Đức *Thái Thượng Lão Quân* với những pháp thuật vô biên và có dưới bộ hạ mình không biết bao nhiêu là thần, tiên, ma quái.

Phần đông người Trung Hoa cũng như người Việt xưa nay đều hiểu Lão Tử theo Đạo giáo, nhất là họ hiểu Lão Tử theo các bộ truyện Phong Thần, Tây Du... những truyện hoang đàng nhất về Thần Tiên và có lẽ rút trong các sách Thần Tiên Truyện của Cát Hồng mà thêu dệt thêm ra. Phần đông các sách giáo khoa cũng bị sai lầm vì những chỗ nhận định sai lầm của người khác. Thậm chí có nhiều nhà trí thức Việt Nam cũng chưa để ý phân biệt rõ Đạo giáo với Lão giáo, và mỗi khi nghe nói đến Lão Tử thì đều liên tưởng đến những gì như là thần thông phép tắc...

Theo Đào Duy Anh, trong *Việt Nam Văn hoá Sử Cương* thì "*ảnh hưởng trực tiếp Lão Trang trong tư tưởng giới nước ta không mấy gì quan trọng lắm, nhưng ảnh hưởng của Lão Trang bị Đạo giáo lợi dụng thì lại sâu xa và phổ cập vô cùng*".

Ông Trần Trọng Kim cũng nói: "*Những tư tưởng cao kỳ rộng rãi cho đến những điều tín ngưỡng thô thiển và các mối mê tín đê hạ ở chốn dân gian đều phần nhiều ở Đạo giáo mà ra. Một cái đạo mà lúc khởi nguyên thì thật là cao, mà rồi càng ngày càng sà thấp đến đỗi biến thành những tín ngưỡng rất kỳ quặc như phái thần tiên, chỉ chú lấy sự trường

sinh bất lão (...) Như vậy, một vấn đề đã được đặt ra là phải làm thế nào trừ bớt những điều tin nhảm và giữ lại được những điều hay để gây thành một mối học thuật có lợi cho sự tin tưởng của người mình. Cái vấn đề ấy nay còn bỏ trống để dành cho những học giả mai sau này, ai là người lưu tâm đến vận mệnh tương lai của chủng loại, phải cố sức mà giải quyết".[109]

Nhà văn Trúc Khê cũng tỏ thắc mắc về cái hại của Đạo giáo: "*Cái phần khả thủ của Đạo giáo là phần triết lý của nó, thế mà phần ấy càng ngày càng mờ tối thêm, không những người ngoài ít ai nghiên cứu đến mà chính những môn đồ của Đạo cũng bỏ mất cái phần tinh hoa siêu việt ấy mà chỉ chú ý ở những phương thuật rất là thiển lậu (...) như là cúng cáp quàng xiên, bùa bèn nhảm nhí (...) Nếu Đạo giáo rồi đây không có một tay lãnh tụ có chí cao xa lo sự chấn loát để nâng cao cho nền Đạo cao lên như xưa... thì cái ngày tiêu diệt của nó cũng sẽ chẳng xa vậy...*".

Thiển nghĩ, bất cứ cái học cao thâm nào, chỉ dành cho một hạng người có một tầm trí thức tế nhị sâu sắc mới mong lĩnh hội được, nếu lại đem trao cho những kẻ dưới mực tầm thường thì sự hiểu lầm làm sao tránh khỏi. Huống chi Lão học có những tư tưởng mập mờ kỳ ảo siêu linh, thật rất dễ khiến người ta lợi dụng để đem nó mà huyễn hoặc. Xem ngay như cái học của Thích Ca cũng không sao tránh khỏi vô số dị đoan đang làm hoen ố cửa thiền. Thật đúng theo lời của Lão Tử: không có cái hay nào mà không có cái dở kèm bên.[110]

B. LÃO TỬ VÀ KHỔNG TỬ

Phê bình và đối chiếu hai học thuật trên đây, các học giả thường chia làm hai phái: một phái cho rằng Lão và Khổng là hai học thuyết nghịch nhau như nước với lửa, và một phái cho rằng hai học thuyết ấy bổ túc cho nhau, tuy vẫn kình chống với nhau từng điểm một.

Thật vậy, nếu nhìn một cách thiển cận hơn, thì ai ai cũng thấy rõ hai giáo thuyết này nghịch hẳn nhau như hai đối cực.

Ông Đào Duy Anh, trong quyển *Việt Nam Văn hoá Sử cương* viết: "*Tư tưởng của Lão Trang là một thứ triết học cao siêu kỳ diệu, khiến trí não con người bay bổng lên những cảnh giới siêu nhiên huyền diệu, chứ không như tư tưởng Nho giáo chỉ giữ tinh thần người ta ở trong thực tế tầm thường, ở trong vòng lễ giáo chật hẹp. Bởi vậy, trong lịch sử Trung cổ và Cận cổ, Nho giáo độc tôn, thế mà những nhà Nho lỗi lạc cũng thường nghiên cứu học thuyết Lão Trang, mượn nó làm mối an ủi những nỗi thống khổ ở đời…*"[111].

Nhà văn Trúc Khê, trong bài Khảo cứu về Đạo giáo cũng viết: "*Đạo giáo là một nền triết học rất sâu xa (…) Nước Tàu, từ đời Châu trở về sau, học thuyết được người ta rất tôn sùng là học thuyết của Nho giáo (…) Học thuyết ấy không phải là không có chỗ hay, nhưng mà theo nó, nó sẽ đưa người ta đến một đời sống phiền nhiễu bó buộc. Chống lại với Nho học, Lão học xướng lên một học thuyết khác… khuyên loài người nên sống một cách hồn nhiên, không ham muốn, không tranh giành, không có những lễ văn để trói buộc vào nhau, không có những mưu mô trí xảo để lừa lật nhau, cùng sống với nhau trong sự giản dị, thuần phác tự nhiên. Sự sống của loài người mà được như thế thì thật là hoàn thiện, hoàn mỹ, rất hợp với Đạo lớn. Vậy kẻ cầm quyền thiên hạ phải cố làm sao giữ nguyên được cái trạng thái sinh hoạt như thế mãi, nghĩa là không bày biện, đặt ra thêm lễ*

văn, không tỏ ra mình là thánh trí, vì những cái đó chỉ làm loạn thiên hạ.

“*Trái với đạo ấy, thì như Vũ, Thang, Văn, Vũ đều là những ông vua “hữu vi”, nào là chế Lễ, tác Nhạc, nào là sáng điển, lập pháp... đưa loài người từ chỗ giản dị đến chỗ phiền những, từ chỗ thuần phác đến chỗ khôn vặt, chỉ làm loạn thiên hạ, không phải là cái phúc cho loài người... Như thế, Vô Vi không phải chỉ riêng là cái yếu thuật của những nhà cầm đầu thiên hạ, mà chính là cái đạo chung cho tất cả mọi người.*

“*Với cái triết lý ấy, ai dám bảo là không hay (...) mặc dù nó không đưa loài người bước lên con đường tiến hoá. Nhưng mà, than ôi, con đường mà người ta gọi là tiến hoá của loài người, hiện nay có tốt đẹp không, chúng ta đã trông thấy rõ bày trước mắt. Nó là đường đầy những tranh giành, những lường gạt, những lớn nuốt bé, khoẻ hiếp yếu, những trí thức khôn ngoan, phương pháp mầu nhiệm để tương khuynh tương loát, tương tàn tương sát lẫn nhau, nó là con đường đầy xương máu, đưa loài người đến cùng cực của thống khổ.*

“*Ta trông thấy tình trạng xã hội loài người hiện nay mà không thể nào không cảm tưởng đến cái triết lý tư tưởng của Lão học được. Loài người của chúng ta, chỉ vì không theo được cái triết ấy, cứ hăm hở đi tìm những con đường tự cho đó là tiến hoá, nhưng chính là những con đường đã lôi kéo nhau vào những kiếp vận đau thương*”[112].

Nhà văn Nhật Bản, Okakuro Kakuro thì bảo rằng: “*Trước hết, cần phải nhớ rằng Lão giáo cũng như cái học kế nghiệp chính thống của nó là Thiền tông, tượng trưng sự cố gắng tinh thần cá nhân của người Trung Hoa miền Nam, chống lại cái tinh thần xã hội công cộng của Trung Hoa miền Bắc, tiêu biểu trong giáo lý Khổng giáo*”[113].

Bời vậy, mới có người cho rằng cái thuyết “*bất ngôn chi giáo*”, “*bất tranh nhi thiện thắng*”, “*dĩ đức báo oán*” là cái Dũng của người phương Nam mà đại diện là triết học của Lão Tử bao giờ cũng dùng “*nhu nhược*” mà “*thắng cương cường*”. Dĩ nhiên không giống với cái Dũng của người phương Bắc mà trong Trung Dung đã miêu tả “*mặc áo giáp, mang vũ khí, nhìn cái chết không sờn lòng. Đấy là sức mạnh của phương Bắc, đó là lối cư xử của người mạnh về huyết khí*”.

Lão học và Khổng học khởi nguyên đều ở một nguồn gốc mà ra: *Dịch học*. Nhưng Lão Tử thì chủ trương ở chỗ “*qui túc*”, còn Khổng Tử thì chủ trương ở chỗ “*xuất phát*”. Cái chỗ thuận nghịch của hai đàng đã khác nhau thì cái chủ trương của hai đàng cũng vì đó mà khác nhau. Lão Tử thì chủ trương tuyệt đối, nên không nói đến các giới tốt xấu, lành dữ, có không, dễ khó, dài ngắn, cao thấp, sanh tử. Xu hướng của Lão là ở nơi cảnh giới siêu nhiên, mà xây dựng trên nền tảng của Huyền học. Bản thể của cái học này là nơi Hư Vô, mục đích của nó là “*quy chân phản phác*” (歸真反樸)[114]; còn Khổng học thì chủ trương tương đối nhị nguyên, nên có gái có trai, có vợ có chồng, có cha có con, có vua có tôi, có trên có dưới, có tôn có ti, có nhỏ có lớn, có quý có tiện… khác nhau, và xây dựng trên nền tảng luân lý, mà xu hướng thì thiên về phương diện tích cực hữu vi, bản thể của nó là Nhân, mà mục đích là “khai vật thành dụ” như Chu Dịch[115].

Nhưng Phùng Hữu Lan lại cho rằng hai hệ thống tư tưởng ấy, tuy kình chống nhau, mà thực sự lại bồi bổ lẫn nhau. Dân chúng Trung Hoa nhờ ở giữa hai luồng tư tưởng dằng co mãi ấy mà có một tâm hồn ôn hoà. Vào khoảng thế kỷ thứ 3 và thứ 4 sau Tây lịch kỷ nguyên thì chính các nhà Lão học cố gắng để dung hoà Khổng và Lão. Người ta đặt cho họ cái tên là Tân Lão học (néo-taoiste) và Tân Khổng học (néo-confucianiste). Hai luồng tư tưởng ấy chế ngự một các điều

hoà tâm hồn dân tộc Trung Hoa hàng mười thế kỷ, và đã ảnh hưởng rất to lớn đến các văn nhân thi sĩ bất cứ thời đại nào. Hai tư tưởng ấy giống như là những luồng tư tưởng cổ điển (classicisme) và lãng mạn (romantisme) trong tư tưởng giới Tây phương. Thử đọc thi phẩm của hai nhà thơ Đỗ Phủ và Lý Bạch đủ nhận thấy rõ sự khác nhau giữa Khổng học và Lão học. Hai bậc đại thi hào ấy cùng sống một thời đại (thế kỷ thứ 8 Tây lịch kỷ nguyên), họ tượng trưng được hai truyền thống tư tưởng Trung Hoa trong những thi phẩm của họ. Hơn nữa, họ lại cũng là những người bạn tâm giao.

Cũng như Phùng Hữu Lan, nhà tư tưởng Tây phương cận đại Hermann de Keyserling cũng cho rằng Khổng Tử và Lão Tử là đại diện cho hai lẽ cực đoan của một sự Toàn Thiện Toàn Mỹ trong tư tưởng giới Trung Hoa. Theo ông thì Khổng Tử (...) đại diện cho sự tận thiện của "*Sắc Giới*", còn Lão Tử... đại diện cho sự tận thiện "*Không Giới*", bởi vậy không thể đem ra mà đo lường so sánh bằng một thứ ly tấc chung[116] nào được cả.

A.W. Watts, một cách rõ ràng hơn[117], cũng bảo như Phùng Hữu Lan rằng: xã hội Trung Hoa cổ đều căn cứ trên hai nền tảng triết học truyền thống *bổ túc nhau, là Khổng giáo và Lão giáo*.

Nói chung, thì Khổng giáo chi phối của mọi ước lệ ngôn ngữ, nghệ thuật[118], luân lý, pháp chế và lễ nghi để điều hoà mọi hoạt động tầm thường hằng ngày trong xã hội. Hay, nói một cách khác, Khổng giáo chuyên chú về cái học ước lệ giả tạo của nhân vi, và chính căn cứ vào những nguyên tắc ước lệ ấy mà người ta cố uốn nắn bọn trẻ cho chúng trở thành những "khuôn mẫu" mà xã hội qui định sẵn trước cho những hành vi tư tưởng của chúng. Lý tưởng giáo dục của họ là cốt đào tạo những "chuyên viên tư tưởng" theo rập một khuôn khổ tư tưởng có sẵn... Họ đem "uy chế xã hội" làm "thành một cái giường của chàng Procuste"[119] để mà chế ngự tất cả mọi xu hướng tự do phóng túng và bất thường của con người. Nhân thế con người tự định nghĩa lấy mình

và định nghĩa vai trò xã hội của mình bằng những công thức của Khổng học.

"Lão học, trái lại là dành cho những người lớn tuổi hơn, và nhất là cho những người đã rút lui khỏi hoạt động xã hội. Sự từ bỏ hoạt động xã hội là một bằng chứng rằng họ đã thực hiện được sự giải thoát nội tâm đối với những lề lối suy tư và ăn ở theo những ước lệ giả tạo bên ngoài. Bởi vậy, Lão giáo là một cuộc đi tìm một thứ hiểu biết tự nhiên, một thứ hiểu biết không giả tạo ước lệ mà do một số thông cảm trực tiếp với nguồn sống chân thật của nội tâm" (A.W. WATTS).

Khổng học thì lại nhắm vào sự uốn nắn con người theo một thể thức cứng rắn của xã hội, một công việc chẳng những gây cho con người nhiều tranh chấp và thống khổ ở nội tâm, lại còn khiến cho con người *mất cả sự hồn nhiên chất phác* buổi ban đầu mà chỉ có những trẻ con mới có, và đôi khi, chỉ có những bậc thánh hay bậc hiền mới tìm lại được mà thôi.

Sự dằn co chống đối nhau giữa cá nhân và xã hội, lắm khi quá gắt gao, quá bức bách sẽ biến thành những chứng bệnh thần kinh, gây không biết bao là án mạng, tội ác điên cuồng... ở tâm hồn yếu đuối, và nhạy cảm.

Lão học có công dụng an ủi và chữa các thứ bệnh loạn tâm loạn óc ấy, những bệnh thần kinh mà phân tâm học ngày nay gọi là "*mặc cảm tội lỗi*" (complexe de culpabilité) với những hậu quả vô cùng đau thương và đồng thời đem con người trở về với "tự nhiên" 自然, tức là trở về với con người thật của mình: "*kiến tố, bão phác, thiểu tư, quả dục*".

Nhưng, ta không nên hiểu rằng Lão học là một công cuộc cách mạng chống lại với trật tự đã an bài. Lão học là một một phương pháp giải thoát cá nhân, không thể thành công được bằng một cuộc cách mạng xã hội bên ngoài, bởi vì, một cuộc cách mạng xã hội thường chỉ là một việc thay thế một chế độ độc tài này bằng một chế độ độc tài khác, có khi

còn độc tài hơn cái chế độ độc tài mà mình đã dày công tiêu diệt.

"*Giải thoát những ước lệ giả tạo của xã hội, không có nghĩa là khinh thường ruồng bỏ nó, mà chính là đừng để bị nó phỉnh gạt mình. Tức là biết dùng nó như một công cụ, thay vì bị nó bắt mình làm món đồ chơi của nó*"[120].

Lão học chuyên về cái học "*phản bổn hoàn nguyên*"[121] 返本還原, tức là trở về *Nguồn Sống Một* mà hiện tượng của nó là luôn luôn *biến động*: hễ cực tịnh thì động sinh. Cái động này là cái động của Chân thể, chẳng phải cái động của Bản Ngã. Bởi vậy, mỗi thành kiến, mỗi thói quen, mỗi tạp tục dù là tốt đẹp đến đâu, đều chỉ là một sự hạn chế, một cái dừng lại, một cái ao tù của "dòng sông" Chân Thể (真體). Vì vậy, trở ngại lớn lao nhất trên con đường giác ngộ là *tập quán tư tưởng*, tức là suy nghĩ hay phê phán theo một khuôn khổ hệ thống nào. Có cái vừa Nhan, lại biến thành Bất Nhân, có cái vừa là Thị, lại biến thành Phi... Thế nên, Lão học không chấp nhận có một cái Thị hay Phi tuyệt đối nào cả, mà trái lại, vượt lên trên cái "dòng" bất tuyệt của Thị Phi, Thiện Ác. Ta có thể nói rằng Lão học là một cái học không thuyết, một giáo lý không có giáo điều nào cả. Và gì vậy, mới có cái thuyết "*bất ngôn chi giáo*" (不言之教), và về sau Giáo lý Thiền Tông với câu kệ bất hủ này: "*bất lập văn tự*", "*giáo ngoại biệt truyền*" (不立文字, 教外別傳...)

Các nhà Đạo học Đông phương của bất cứ thời kỳ nào, cũng đều khuyên ta phải cố tránh những lối "*tư tưởng sẵn*" *nhai đi nhái lại* những ý tưởng của kẻ khác mà không có một chút sáng tạo nào của mình pha vào. *Thói quen*, bất cứ là một thói quen nào về tư tưởng hay tình cảm, đều là triệu chứng của sự Chết. "*Nhơn chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường*" (人之生也柔弱, 其死也堅強) (Ch.76).

Bởi vậy, người đắc Đạo 道 là người sống được cái Sống của mình, tức là người có cái sống riêng biệt của mình, không bị

ảnh hưởng bên ngoài đến làm sai lạc Bản Tánh 本性.[122]

Về Vật chất, cũng như về Tinh thần: chết, là mất bản tánh. Một số tế bào sống mà nhà khoa học vật lý đem ngâm vào một chất nước màu, bao giờ cũng chống lại sự xâm nhập của chất màu ấy. Chỉ khi nào người ta kích động bằng điện lực làm cho nó chết đi, thì chất màu liền xâm nhập ngay lập tức vào cơ thể của tế bào. Một tâm hồn "sống" cũng một thể: không bao giờ nên để bị ảnh hưởng bên ngoài xâm nhập được[123].

Những thói quen của tư tưởng (như những giáo lý này nọ, những hệ thống tư tưởng hay luân lý, những tín điêu của một tôn giáo này, tôn giáo nọ v.v…) đều đóng vai trò "chất màu" đã nói trên[124]. Nếu ta muốn nội thủ được tinh thần, thì cần nhất là lo giải thoát tâm não ta những tập quán tư tưởng mà ta đã thọ lãnh nơi giáo dục từ thuở nhỏ…

Lịch trình diễn tiến tự nhiên về đời sống tinh thần tâm lý của con người có thể chia ra làm ba giai đoạn dưới đây:

a. một giai đoạn bắt đầu *tạo sanh* "*bản ngã*";
b. một giai đoạn *trưởng thành của* "*bản ngã*";
c. và giai đoạn cuối cùng là vượt khỏi "bản ngã" hay là *tiêu diệt "bản ngã*", để trở về sáp nhập với cái Sống của Chân Thể, đồng với cái sống Vô Cùng của Trời Đất.

---

a. Giai đoạn thứ nhất, con người còn còn ở trình độ sơ khai: người ta chưa có bản ngã, hay nói cho đúng hơn, chưa có *cá tánh* rõ rệt.

Họ cảm giác theo phần đông, họ suy nghĩ theo phần đông. Họ bị ảnh hưởng bên ngoài rất dễ dàng: mê tín, dị đoan. Ai nói sao, họ cũng đinh ninh như thế: *thói quen, tập tục chỉ huy tất cả đời sống tâm trí của họ*. Con người, trong giai đoạn này, thích bắt chước, thích chạy theo thời thượng, rất sợ dư luận khen chê, nghĩa là không dám làm điều già khác với thiên hạ chung quanh, không bao giờ biết hay dám suy nghĩ một mình, theo mình. Họ hoàn toàn là phản ứng trung

thành của xã hội, của ngoại cảnh, hay nói một cách khác theo triết học duy vật, họ là “sản phẩm” của xã hội, của giáo dục, của chế độ, luân lý, tôn giáo, phong tục, và sách vở mà họ đọc qua… Họ là người có nhiều thành kiến, sống theo dư luận của phần đông. Họ sống như một đàn cừu, cúi đầu bước theo nhịp bước của những con dẫn đạo, không dám lạc đàn. Hạng này mà đông, dễ dẫn đến những chế độ độc tài… Họ sống cần có người dẫn đạo.

---

b. Giai đoạn thứ hai: *sự trưởng thành của “bản ngã*”.

Bắt đầu bước qua giai đoạn này, cá tính con người lần lần xuất hiện. Những tánh hay bắt chước, chạy theo thời thượng, bắt đầu giảm lần và biến mất để lại một tâm hồn độc đáo, có những sáng kiến và óc phê bình sâu sắc. Họ sẽ là người không chịu làm tôi tớ cổ nhân nữa, họ dám đem tất cả những giá trị điển hình xưa nay mà thẩm định lại: họ dám hoài nghi, và hoài nghi tất của, một thứ hoài nghi triết lý. Trong bất cứ ngành hoạt động nào, luôn luôn họ tỏ ra có những ý tưởng tân kỳ biệt lập: họ thích suy nghĩ theo mình mà không chịu suy nghĩ theo người. Họ cố gắng để vượt ra khỏi những ảnh hưởng của ngoại giới, của những giá trị đã an bài.

Họ tỏ ra bao giờ cũng có một tâm hồn độc lập, sang tạo và tự do. Nghĩa là họ có một tâm hồn *Cách mạng*, thích làm một người dẫn đạo, hơn là một người rụt rè phụ hoạ…

Nhưng, cái “*bản ngã*” ấy, một ngày kia, khi đã đến mức “chín muồi” rồi, thì đã tận dụng khả năng biểu hiện của nó, nó sẽ nhận thấy nó bị giam hãm nô lệ trong những công trình sáng tạo của chính nó, và như vậy, khi nhận thức rằng cái “bản ngã” ấy chỉ là một ảo vọng bị hạn chế trong giới nhị nguyên, rất hẹp hòi và lầm lạc… nó bắt đầu vượt ra khỏi đó, để đi tìm sự sáp nhập với cái Sống Một Vô cùng của Trời Đất nơi lòng họ, nghĩa là tìm mà thực hiện giai đoạn thứ ba của đời người.

---

c. Giai đoạn thứ ba: *giai đoạn vượt khỏi “bản ngã*”, giai đoạn “*giải thoát*”. Ở giai đoạn này, bản ngã không còn thấy mình là một vật riêng biệt nữa, mà là Một với Vạn Vật. Và đây là giai đoạn vượt khỏi giới Nhị Nguyên, giai đoạn mà Nhà Phật gọi là “đáo bỉ ngạn”, không còn thể dùng đến Lý Trí nữa; mà phải dùng đến một khiếu hiểu biết khác để nhập vào luồng sống của Đạo, tức là giai đoạn Huyền đồng cùng Vũ Trụ.

Lão học thuộc về giai đoạn thứ ba này, tức là giai đoạn cứu cánh của đời người[125]. Và đây là chỗ phân biệt giữa hai cái học Lão và Khổng.

Khổng học như con sâu; Lão học như con bướm: cả hai đều là Một, khác nhau vì ở những giai đoạn trước và sau. Bản Ngã và Chân thể là Một, khác nhau ở chỗ Mê và Ngộ mà thôi.[126]

Khổng học như cái vỏ trứng gà bảo bọc con gà con chưa đúng sức nở. Nhưng đến thời kỳ con gà con đúng sức nở, thì Khổng học tức cái vỏ trứng kia lại trở thành trở ngại mà con gà con phải đả phá để sống, vì không làm thế thì nó phải chết. Cho nên phải phá bỏ cái vỏ trứng là điều kiện tối cần cho sự siêu xuất Chân Thể. Sở dĩ Lão học chống đối Khổng học cũng một thể: con gà phủ nhận cái vỏ trứng[127], cái mầm non của hột lúa phủ nhận cái vỏ lúa của hột giống còn non. Giá trị của mỗi giáo lý là chỗ biết áp dụng nó đúng thời đúng buổi.

Cuộc cách mạng bản thân phải khởi từ trong ra ngoài trước: chưa đến thời kỳ nở mà vội đập phá vỏ trứng đi, là giết ngay con gà con chưa cứng cáp, chưa đến độ nở. Những cuộc cách mạng bạo động do bên ngài gây nên để phá cái “vỏ trứng gà” trước khi con gà con chưa đủ sức lớn, là hại nó chứ đâu phải là cứu nó. Đây là cái lầm to tát của loài người từ xưa đến nay vậy. Ban bố tự do cho những kẻ chưa đủ điều

kiện tinh thần sống tự do, là việc làm nguy hiểm cho những người thụ hưởng tự do quá sớm ấy.

Vì vậy mà các bậc thầy Đông phương, thuộc về bậc siêu đẳng, không chịu truyền đạo một cách dễ dãi… Thường, người đệ tử phải đi cầu Thầy, chứ Thầy ít khi đi tìm đệ tử. Lắm khi đi cầu, mà không được truyền dạy là khác! Ông Thầy đợi khi nào lòng người đệ tử thật chí thành mới truyền Đạo cho, nhưng bao giờ cũng bắt người đệ tử bền chí đợi chờ, không được nóng tánh và thúc giục. Với người Đạo học Đông phương, thời gian là yếu tố cần thiết nhất cho sự khải phát Trí Huệ. Không bao giờ họ chấp thời gian: phải có đủ thời gian cho hoa trổ, cho trái chín… Về vấn đề văn hóa đối với người Đông phương, chấp thời gian là phản văn hóa. Cho nên không bao giờ họ có óc khuyến dụ, tuyên truyền Đạo học, trái lại, họ rất ghét sự dụ dẫn. Họ nói, hoặc họ viết, đó là họ đã làm xong phận sự rồi… Ai đồng thì ứng; không đồng, không ứng, tuyệt nhiên không bao giờ mong được người ta tán thành phụ hoạ một cách giả dối. Là vì, như ta đã thấy trên đây, họ không bao giờ mong làm cái việc *đập phá cái vỏ trứng khi con gà con chưa đủ sức nở…*

Nhà văn Jean Gernier, trong quyển "L'Esprit du Tao" tỏ ra là người rất thâm hiểu Đạo học Đông phương khi ông viết: "*L'Exposé d'une doctrine, si favorable soit-il à cette doctrine, ne signifie pas qu'on souhaite qu'elle soit adoptée. Les docteurs du Tao le souhaitaient eux-mêmes? Absolument pas, puisque l'apostolat était ce qui leur répugnait le plus*". Sự trình bày một giáo lý nào, dù mình có ưa thích nó bực nào, không có nghĩa là mong muốn nó được thừa nhận. Các nhà Đạo học có mong muốn như thế không? Tuyệt đối là không, sự truyền giáo là điều mà họ ghét nhất[128].

Tóm lại, với Lão học ta đi vào một lật đổ tất cả *mọi giá trị thông thường* (renversement des valeurs). Nhà văn trứ danh hiện đại Tây phương, André GIDE có nói: "*Ah! J'ai vécu trop prudemment jusqu'à ce jour! Il faut ête sans lois pour*

écouter la loi nouvelle. O délivrance! O liberté!" ("Chao ôi! Tôi đã sống quá dè dặt từ trước đến giờ! Phải không có luật lệ nào ràng buộc cả mói nghe được cái luật mới. Ôi giải thoát! Ôi tự do! ")[129]. Không có một tâm hồn tự do, không làm sao giải thoát ra khỏi được những ràng buộc của Lý trí, của những lối suy tư theo giới nhị nguyên chia phân nhĩ ngã, của những giáo điều luân lý, tôn giáo, đảng phái.

Khổng Tử bảo phải theo Nhân, Nghĩa... Lão Tử lại bảo "*Tuyệt Nhân, khí Nghĩa*"... Mặc Tử thì phải "thượng hiền"... Lão Tử lại bảo: "*bất thượng hiền*"! Mặc trọng luân lý, đạo đức, thì Lão là vô luân lý, vô đạo đức hay sao? Không! Phải vượt lên trên Nhân, Nghĩa... thì mới hiểu được chỗ mà Lão Tử bảo là Chí Nhân, Chí Nghĩa. Phàm còn bảo là Nhân, thì cũng còn gọi Bất Nhân... Mà Nhân và Bất Nhân đều cũng như nhau, bởi cùng đồng một gốc mà ra, nghĩa là còn nhận thức trong vòng "Ngã chấp"[130], còn sống trong cái sống bị chia phân (Vie-séparée). Trái lại, Lão học là cái học Huyền đồng, 玄同, trở về với cái Sống Một không còn phân chia Nhĩ Ngã ("vô kỷ, vô công, vô danh") thì còn nói đến Nhân, đến Nghĩa... làm gì nữa.

Khi mà mình đã đồng hoá với người yêu thì không còn nói đến chữ Yêu: cũng như người Chí Nhân đã vượt khỏi chữ Nhân[131].

Bởi vậy, không thể bảo rằng Khổng và Lão, giáo lý nào cao hơn giáo lý nào, vì sứ mạng hai bên đều khác nhau: không thể so sánh và lấy tiêu chuẩn chung nào mà đánh giá.

Nhiều học giả Đông cũng như Tây hay so sánh cho rằng thuyết Quân bình của Lão Tử giống với thuyết Trung dung của Khổng Tử. Nhận xét thế thật không đúng.

Lão cũng như Khổng, đều cho rằng thái quá, cũng như bất cập đều là sai lầm, nhưng cái quân bình của Lão là một thứ Quân bình *động* và bao giờ cũng thiên về bên Âm, bên phần tiêu cực, vì Âm theo Lão Tử, thì gần với Đạo hơn, cho nên

mới nói: "*Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn*" (Huyền, rồi lại Huyền, đó là cửa vào của mọi huyền diệu trong Trời Đất) (玄之又玄，衆妙之門), và thường ví Đạo, trong giới hiện tướng, như một bà Mẹ: "*Ngã độc dị ư nhơn, nhi quý Thực Mẫu*" 我獨異於人，而貴食母 (Ta riêng khác người đời: ta quý mẹ nuôi muôn loài), hoặc "Phục thủ kỳ mẫu, một thân bất đãi" 復守其母, 沒身不殆 (Trở về với Mẹ, thân đến chết không nguy) (Ch.52). Chữ "*Mẫu*" đây ám chỉ Đạo. Sự sinh sinh hoá trong Tạo hoá đều ở trong Âm mà phát ra cả.

Vì vậy, Lão chủ trương đứng sau để mà đứng trước; đứng dưới để mà ngồi cao… Cho nên mới gọi đó là thứ Quân bình động, thấy thì như "*không làm gì cả*" mà kỳ thật "*không gì là không làm*" (vô vi nhi vô bất vi 無為而無不為). Bởi vậy mới có câu: "tương dục hấp chi, tất cố trương chi, tương dục nhược chi, tất cố cường chi; tương dục phế chi, tất cố hưng chi… 將欲歙之, 必固張之; 將欲弱之, 必固強之; 將欲廢之, 必固興之… (Hòng muốn thu rút đó lại, là sắp mở rộng đó ra; hòng muốn làm yếu đó, là sắp làm đó mạnh lên; hòng muốn vứt bỏ đó, là sắp làm hưng khởi đó…) (Ch.36). Như thế, ta thấy Lão học chủ trương phương pháp tiêu cực, lấy quẻ Phục ở Dịch Kinh làm chỗ "qui túc". Âm cực, dương sinh, là Tịnh, mà kỳ thực là Dương, là Động: "*Trí hư cực, thủ tĩnh đốc*" (致虛極, 守靜篤).

C. ẢNH HƯỞNG SÁCH LÃO TỬ

Dù là một quyển sách rất nhỏ, chứa đựng trên năm nghìn lời, thế mà sách Lão Tử Đạo Đức kinh đã đóng một vai trò quan trọng đặc biệt trong lịch sử văn minh Trung Quốc.

Ngay từ thế kỷ thứ tư và thứ ba trước Tây lịch kỷ nguyên, ảnh hưởng tư tưởng của nó cũng đã to tát lắm rồi: chẳng những nó để ra một học thuyết vĩ đại của Trang Châu, nó lại còn kích thích một phần khá lớn những hệ thống tư tưởng khác, hay nói một cách khác, không một hệ thống tư tưởng nào sau nó mà không chịu ít nhiều ảnh hưởng của nó.

Trong những khoảng đầu Tây lịch kỷ nguyên, học thuyết Lão Tử dọn đường cho Phật giáo Đại thừa du nhập vào Trung Hoa, và đã xây đắp nền móng cho sự hoàn thành hai hệ thống tư tưởng to nhất ở cõi Á Đông, là *Đạo giáo* và giáo phái *Thiền tông*.

Từ đó sách Lão Tử không ngớt ảnh hưởng các triết gia Đông phương, dù là các bậc danh Nho. Ở Trung Hoa, Nhật Bản, và ngay ở Việt Nam từ trước đến giờ, không có một nhà văn lỗi lạc nào, không có một nghệ sĩ xuất chúng nào, không có một tư tưởng gia sâu sắc nào mà không chịu ít nhiều ảnh hưởng tư tưởng của nó.

Chẳng những ảnh hưởng nó rất sâu nặng về đường tư tưởng, nó lại còn giúp rất nhiều con người trong đường xử thế khôn ngoan tế nhị[132]. Nó chẳng những an ủi, trung hoa dịu tâm hồn những con người quá đau khổ vì ngạt thở trong cái không khí quá gò bó của Lễ giáo khắc khe, những con người bị chế độ nghiêm khắc của gia đình, của xã hội, của văn minh cơ giới, giả tạo và ích kỷ làm thương tổn ê chề, nó lại còn giúp cho những con người nghệ sĩ và thi nhân, cái bí quyết sống tràn trề hạnh phúc trong sự huyền đồng cùng tạo vật và thiên nhiên.

Tóm lại, sách Lão Tử có thể đem lại cho con người một sự *Giải thoát toàn diện*.

Nó giải thoát con người ra khỏi gông cùm của những ước lệ giả tạo của xã hội, của gia đình, những bảng giá trị tương đối và tạm thời của luân lý, tôn giáo, tập quán, chế độ… Về phương diện cá nhân,nó giải phóng con người ra khỏi những nhỏ nhen bẩn chật và ích kỷ của một tâm hồn tư tâm, tư dục: nguyên nhân của mọi đau khổ trên đời, và cũng là nguyên nhân đã tạo ra những thứ văn minh giả tạo và ích kỷ, cốt thoả mãn những đòi hỏi thấp kém của những con người vị kỷ.

Phần đông người Trung Hoa trí thức sở dĩ có được một tâm hồn lạc quan khoáng đạt và tự do, một “đầu óc tương đối”, không câu chấp, và đối với bất cứ mọi biến cố đau thương tủi nhục nào trên đời cũng giữ được một tinh thần nhẫn nại, tin tưởng ở tương lai, luôn luôn thản nhiên điềm đạm… đều là nhờ nơi Lão học một phần lớn nào.

Ông Phan Kế Bính có nói: “*Người ta nhận thấy rằng xưa nay những bậc ẩn sĩ có những phẩm cách thanh cao, những hiệp khách có cái tâm trường hiệp liệt cùng những người biết nhẫn nại, ưa điềm tĩnh ở các xã hội Đông phương, đều do ảnh hưởng của Lão giáo mà ra cả*”[133].

Ông Nguyễn Văn Kiết, trong một bài diễn văn về Nho giáo và Tây học, kết luận rằng: “*Riêng về Việt Nam Ta, thật khó tìm được một triết gia chân chính mặc dù người nước ta đã theo Nho giáo gần hai nghìn năm. Chỉ có được một vài thi sĩ nổi danh như Nguyễn Du, Ôn Như Hầu, Nguyễn Công Trứ… là vì họ tiêm nhiễm sâu sa tư tưởng của Phật giáo và Lão giáo*”.

Trong quyển “*Triết học Trung Quốc*”, Chow Yih Ching quả quyết rằng “*ảnh hưởng của Lão giáo đối với tinh thần người Trung Hoa thật là to tát*”[134].

Trải qua không biết bao nhiêu thế kỷ, Lão học cũng như Phật học, khi thăng, khi giáng, khi thịnh, khi suy, được các triều vua khi chuộng khi vong, nhưng các học giả chân chính không bao giờ quên tra cứu đến nó.

Có người nghiên cứu và so sánh tinh thần phóng khoáng tự do của Lão học với tinh thần kỷ luật chặt chẽ của Khổng học, tỏ ý vui mừng vì nhận thấy rằng trong những cuộc đại cách mạng từ xưa đến nay đã xảy ra trong lịch sử Trung Quốc để chống các triều đại độc tài, đều thường có bàn tay bí mật của các nhà Lão học ít nhiều trong đó. Nói thế cũng có phần đúng, nhưng người có cái nhận xét tế nhị trên đây cũng nên nhớ rằng tinh thần Lão học là một ngọn gió lớn, nó muốn thổi đến đâu thì thổi, chưa nhất định nó sẽ theo một chiều hướng nào, một khi nó thấy có một cái gì đi quá đà, làm mất Quân bình, dù "cái quá đà" ấy là thuộc lẽ Phải hay Quấy, dù thuộc về "cấp tiến" hay "thủ cựu", nó sẽ không bao giờ buông tha, vì như "*cây cung mà giương ra, hễ cao thì nó làm cho thấp xuống, thấp thì nó nâng lên", nó bớt chỗ dư bù chỗ thiếu*"[135].

Lão học không phải là cái học có thể nhốt mình vào một phái đảng nào, một học thuyết hay một học phái nào, dù đó là học thuyết hay học phái của Lão Tử. Giáo thuyết Thiền tông (nếu có thể gọi là một giáo thuyết) do Lão học và Phật học đúc thành cũng tỏ ra rất trung thành với chủ trương "*bất ngôn chi giáo*" và "*tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*" trong những câu kệ trứ danh vô cùng khoáng đạt này: "*giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự*"[136].

Có người bảo rằng, với chủ trương "*Đạo Trời như cây cung mà giương ra… bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu*", có thể là nguyên lý chủ nghĩa xã hội kinh tế ngày nay mà Lão Tử đã phát minh và đề xướng từ trước… Nói thế không phải là không đúng, nhưng thực sự thì Lão Tử không phải là nhà kinh tế, ông chỉ đưa ra một nhận xét chung về cái luật thiên nhiên của Tạo hoá thôi! Con người muốn khai thác và áp dụng nó vào ngành nào cũng được, cũng như người ta vịn vào những luật tự nhiên đã đề xướng trong Kinh Dịch để chế biến thành những cái học về Âm Dương, về Tướng số, về Y học, về Tâm

lý, hay về Chánh trị… Nghĩa là trong đủ cả mọi ngành hoạt động trí thức của con người.

Có kẻ bảo rằng cái học của Lão Tử với cái thuyết Tự Nhiên của ông, quả không sao thích hợp với tình trạng sinh hoạt và tiến bộ càng ngày càng giả tạo của nhân loại ngày nay: nó là cái học phản tiến hoá, phản khoa học. Nói thế rất đúng.

Ở ngay vào thời Chiến Quốc, và trước nữa là Xuân Thu, văn minh loài người tương đối chưa phiền phúc giả tạo như ngày nay, thế mà nó cũng không ảnh hưởng thay chiều được mảy may nào lòng tham dục vô bờ bến của con người. Chính ông tự nói: "*Người đời đều có chỗ dùng, riêng ta ngu dốt thô lậu… Ta riêng khác người đời…*". Theo người đời, bất cứ là ở thời nào, nhất là ở thời buổi bây giờ, đại đa số đều chạy theo cái học trục vật, chạy theo cái học bên ngoài. Nên càng học, càng cảm thấy phiền phức đa đoan… Và cái mà người đời gọi là văn minh, là tiến bộ, phải chăng chỉ là một sự tranh đua để chiến thắng ngoại vật? Phải chăng càng thắng được ngoại vật chừng nào, càng tỏ ra là kẻ "văn minh" chừng nấy? Theo Lão Tử thì chưa ắt thắng được ngoại vật là đã làm chủ được ngoại vật, mà thường là một sự trở lại làm tôi tớ cho ngoại vật cũng không chừng! Thắng ngoại vật, còn phải lo thắng mình trước đã, để khỏi làm nô lệ cho những ngoại vật mà mình đã chiếm đoạt: "*Thắng nhơn giả hữu lực, tự thắng giả cường*". Thắng người chỉ là người có sức, thắng mình mới là Mạnh.

Theo đời thì "càng học, càng ngày càng thêm"; theo Lão Tử thì "càng học, càng ngày càng bớt", nghĩa là theo đời càng học càng "thêm" nhân dục, còn theo Đạo thì càng học càng ngày bớt nhân dục: "*thiểu tư, quả dục*" (ít riêng tư, ít tham dục). Theo đời càng nhiều dục vọng, càng nhiều thèm khát; càng nhiều thèm khát, càng nhiều đấu tranh; càng nhiều đấu tranh, càng mau tiến hoá. Cho nên cái đạo "*Kiến tố, bão phác, thiểu tư, quả dục*" rõ là cái đạo thoái hoá, vì nó là con đường từ bỏ, nghĩa là từ bỏ tất cả những gì là văn

minh tiến bộ đã mang lại để giúp cho cái bản ngã của ta, tức là cái lòng tham dục không bờ bến của ta, càng ngày càng thêm lớn mạnh. Nhưng dù sao, nếu biết lấy sự “trầm lặng” làm căn bản, lấy “giảm ước” là thông kỷ, và người đời nếu biết noi theo đó, một đôi phần, thì trong cảnh sinh hoạt hàng ngày, cũng như trên lịch sử nhân loại, người ta đã không phải đau lòng vì bao nhiêu cảnh tượng hung bạo tàn ác đã tiếp tục nhau mà xảy ra, càng ngày càng thêm khủng khiếp và ác liệt.

Một số đông các nhà phê bình “cấp tiến” duy vật ở nước ta, như Lương Đức Thiệp, Đào Duy Anh… dựa vào thuyết “giai cấp đấu tranh” và “duy vật sử quan” cho rằng “*thuyết tiêu cực của Lão Tử biểu thị sự suy bại của đẳng cấp phong kiến quý tộc cũ (…) vì muốn phản ứng lại tình thế, nhưng vì bất lực chỉ còn biết than phiền địa vị xã hội của mình đã nghiêng đổ…*”[137].

Đành rằng không có một học thuyết nào mà không ít nhiều do hoàn cảnh xã hội gây nên, nghĩa là đành rằng “thời thế tạo anh hùng”, nhưng “anh hùng cũng tạo thời thế”! Lối phê bình một chiều dễ sa vào nguỵ biện. Huống chi, thuyết “huyền đồng” của Lão Tử với những thuyết “*bất thượng hiền”, “dĩ đức báo oán”, “bất thiện giả ngô diệc thiện chi”, “bất tín giả ngô diệc tín chi*” nhất là “*tổn hữu dư, bổ bất túc*”… thì không thể gọi đó là của kẻ “*vì bất lực chỉ biết than phiền địa vị xã hội của mình bị nghiêng đổ*” mà đề xướng.

Theo tôi, nhà học giả Tây phương E.V. Zenker có lẽ còn nhận xét Lão Tử đúng hơn: “*Lão Tử cũng do hoàn cảnh xã hội tạo nên, nhưng ông ta vượt ra ngoài con đường mà các nhà tư tưởng tiền sử Trung Hoa trước ông đã đi (…) Cái việc rất là phi thường nơi ông là ông đã hoàn toàn tách mình ra khỏi hoàn cảnh xã hội của ông, luôn cả cái người và giáo lý của ông, vượt lên cả tư tưởng của ông ra khỏi những gì do ngẫu nhiên và hoàn cảnh đương thời hạn định để trở nên một nhà tư tưởng “vượt thời gian” hơn hết trong những triết*

gia Trung Quốc"[138]. Và bởi thế mà ông là người không được thời đại của ông hiểu biết và hưởng ứng. "*Lão Tử đâu phải chỉ sống cho một nước Trung Hoa và cho thời buổi của ông mà thôi đâu: ông là một trong những bậc thầy thuần tuý nhất và sâu sắc nhất của Nhân loại*"[139].

Còn René Bertrand thì quả quyết rằng: "*Vài dòng chữ hợp thành quyển sách ấy (Đạo Đức kinh) chứa đựng tất cả sự khôn ngoan trên quả đất này*"[140].

---

[1] Có trường hợp, như câu “*bất tranh chi đạo, nhược xưng thượng đức*”, cả hai bản của cụ Nguyễn Hiến Lê và của Phan Ngọc đều không có. (Goldfish).

[2] “Nhĩ mạn dã”. (Goldfish).

[3] “Thuỳ nhĩ dã”. (Goldfish).

[4] “Nhĩ đại thuỳ dã”. (Goldfish).

[5] Tức là ném về thời Xuân Thu (772-481).

[6] Nghi là Luận Ngữ đã rút trong chương 63 của Lão Tử đoạn “báo oán dĩ đức” để viết đoạn văn: “*Hoặc viết: Dĩ đức báo oán, hà như. Tử viết: Hà dĩ báo đức? Dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đức*” (chương Hiến Vấn đệ thập tứ) (或曰: 以德報怨, 何如. 子曰: 何以報德? 以直報怨, 以德報德[憲問]. (Có kẻ hỏi: lấy đức mà báo oán thì sao? Phu Tử nói: “Rồi lấy gì để báo đức?”. Hảy lấy ngay thẳng mà báo oán, lấy đức mà báo đức). Như vậy, sách Lão Tử có trước hay sau Luận Ngữ?

[7] Lương Khải Siêu cho rằng “*sách Lão Tử Đạo Đức Kinh là sản phẩm của thời Chiến Quốc (480-249), còn nhân vật Lão Tử thì không rõ thật là ở vào thời nào*”. Họ Lương căn cứ vào 5 điều sau đây để chứng minh giả thuyết của mình:

1. Theo Sử Ký, thì nói Lão Tử là tiền bối của Khổng Tử. Vậy cháu của Lão Tử không thể là tướng quốc nước Nguỵ được (Tam Quốc).
2. Khổng Tử, Mặc Tử, Mạnh Tử – trước sau không bao giờ đề cập đến Lão Tử.
3. Lão Tử Đ.Đ.K, những tên xưng Hầu Vương, Vương Công, Vương Hầu, Vạn Thặng… đều là thành ngữ không thuộc về thời Xuân Thu.
4. Trong Lão Tử Đ.Đ.K giọng văn hết sức tự do và kịch liệt, không giống với giọng văn thời Xuân Thu.
5. Sách Đ.Đ.K chỉ trích Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí là chống báng Nho gia. Câu “bất thượng hiền” là chống báng Mặc Tử. Lại câu “dân bất uý tử…” có vẻ ám chỉ Pháp gia.

Còn Phùng Hữu Lan thì cũng chủ trương rằng sách Lão Tử Đ.Đ.K là tác phẩm của thời Chiến Quốc. Sách ấy viết sau Huệ Thi và Công Tôn Long (phái Danh học) chứ không thể trước đó được là vì trong sách Lão Tử có đề cập đến vấn đề danh học (vô danh). Họ Phùng nói:

1. Về thời đại trước Khổng Tử không có những người tự trước thuật ra học thuyết riêng. Bởi thế Chương Học Thành, một sử gia đời Thanh, có viết: “Về thời xưa không thấy ai tự viết sách cả. Các nhà cầm quyền dùng sử gia của họ thì chỉ chép văn chương. Còn sử gia chân chính thì chép các việc xảy ra. Chỉ đến khi xã hội rời rã, các học giả mới bắt đầu lập ra học thuyết riêng. Vì thế, Khổng Phu Tử hơn cả Nghiêu Thuấn.
2. Quyển Đ.Đ.K không viết theo lối vấn đáp như Luận Ngữ, Mạnh Tử.
3. Văn của Đ.Đ.K viết theo lối kinh, nghĩa là thể văn thịnh hành ở đời Chiến Quốc.

Nhưng Hồ Thích trong “Trung Quốc Triết Học Sử Cương” thì cho rằng đoạn Sử Ký trên đây là ám chỉ về Đạo giáo và thuyết Âm Dương, không ăn chịu gì đế Đạo Đức kinh, tức là Lão học (học thuyết của Lão Tử) cả, vì Đạo gia cũng như Âm Dương gia đều thuộc về Tạp gia, như thiên Nghệ Văn Chí trong Tần Hán Thư có nói qua.

[8] Vì chữ trong sách không đọc được, nên tôi tạm chép chữ 辭 (từ) này theo Nguyễn Hiến Lê trong bộ *Đại cương Văn học sử Trung Quốc* (Nxb Trẻ, năm 1997, trang 91). (Goldfish).

[9] Vì chữ trong sách không đọc được, nên tôi tạm chép chữ 曠 (khoáng) này theo cuốn *Lão tử Đạo Đức kinh* của Nguyễn Hiến Lê. (Goldfish).

[10] Doãn Thị là phu nhân của Nguỵ Thái tổ Tào Tháo. (Goldfish).

[11] Trong sách in là 轉 (Theo *Thiều Chửu* thì đọc là “Chuyển” hoặc “Chuyên”). Tôi tạm chép chữ *Phụ* 輔 này theo bộ *Đại cương triết học Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê (Nxb Thanh Niên, năm 2004, cuốn 2, trang 894). (Goldfish).

[12] Hermann de Keyrerling cũng nhận rằng: “*Kong-Tseu et Lao-Tseu représentent les pôles opposées de la Perfection possible: – le premier, la perfection dans les phénomènes, – le deuxième, la perfection dans le Sens; l’un, la perfection dans le formé, l’autre, dans le non-formé; par conséquent on ne peut les mesurer avec la même mesure*”. Voyage d’un Philosophe (Tome II) Stock Paris (1948) (p.131). [Xem lời dịch đoạn trích dẫn này trong phần III, tiết B: Lão học và Khổng học. (Goldfish)].

[13] Có không cùng sanh, khó dễ cùng thành, ngắn dài cùng sánh, cao thấp cùng chiều, giọng tiếng cùng hoạ, trước sau cùng theo.

[14] Dứt học, không lo. Dạ và ơi khác nhau chỗ nào? Lành với dữ khác nhau ở đâu?

[15] Hoạ là chỗ dựa của Phúc, Phúc là chỗ dựa của Hoạ.

[16] Biết đó là bệnh, thì không bệnh nữa.

[17] Rất thẳng dường như cong, rất khéo dường như vụng; rất hùng biện dường như ấp úng (Chương 45).

[18] “Có” sinh nơi “không”.

[19] Thành tựu mỹ mãn dường như dở dang.

[20] Đầy tràn dường như trống không (Chương 45)

[21] Les plus grandes victoires sont, en même temps, les plus grandes défaites (Héraclite).

[22] Ba chục căm, hợp lại một bầu, nhưng nhờ chỗ “không” mới có cái dùng của xe. Nhồi đất để làm chén bát, nhờ chỗ “không” mới có cái dùng của chén bát. Khoét cửa nẻo, làm buồng the, nhờ chỗ “không” mới có cái dùng của buồng the… (XI).

[23] Chương 21. (Goldfish).

[24] Đạo sinh đó, Đức nuôi đó, cấp dưỡng đó, nuôi nấng đó, đùm bọc đó, bồi sức đó, dưỡng nuôi đó, che chỡ đó. [Chương 51. (Goldfish)].

[25] Chương 42. (Goldfish).

[26] Chương 73. (Goldfish).

[27] Chương 46. (Goldfish).

[28] Chữ 即 này (cả câu có hai chữ), *Thiều Chửu* phiên âm là “tức” chứ không phải “ký” (既). Trên trang http://zhidao.baidu.com/question/96741231.html?fr=qrl, ta thấy chép cả hai chữ 既 (trong nguyên văn) lẫn hai chữ 即 (trong phiên dịch). (Goldfish).

[29] "La matière est moins matérielle et l'esprit moins spirituel qu'on le suppose généralement. La séparation habituelle de la physique et de la psychologie, de l'esprit et de la matière est métaphysiquement indéfendable". B. Russel (Philosophie de la Matière). Xem bài Sience et Spiritualité của R. Linssen (France-Asie số 76 9/1952). [Chữ "moins" trong "La matière est *moins* matérielle" do tôi thêm vào. (Goldfish)].

[30] Chương 16. (Goldfish)

[31] Chương 56. (Goldfish).

[32] 其上不皦, 其下不昧: trên nó thì không sáng, dưới nó thì không tối. (Ch.14)

[33] 無物之象，是謂惚恍: cái hình tượng của cái không có vật, nên gọi là “tợ hữu tợ vô” (như có mà như không).

[34] 迎之不見其首, 隨之不見其後: Đón thì không thấy đầu, theo nó thì không thấy đuôi. (Ch.14)

[35] Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành. (Ch.70).

[36] Chương 46. (Goldfish)

[37] "Thiên chi đạo kỳ do trương cung dữ: Cao giả ức chi, hạ giả cử chi. Hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi. Thiên chi đạo tổn hữu dư nhi bổ bất túc". (Goldfish).

[38] “Nhân chi đạo tắc bất nhiên, tổn bất túc dĩ phụng hữu dư”. (Ch.77). (Goldfish).

[39] “Bất tự hiện (kiến)… bất tự thị… bất tự phạt… bất tự căng…). (Goldfish).

[40] “Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi (…). Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi”. (Goldfish).

[41] Có lẽ sách in thiếu 2 câu, sau câu này: “*Người đời sáng chói, Riêng ta mịt mờ*”. (Goldfish).

[42] “Dĩ đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ”. (Goldfish).

[43] “Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội; tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ; tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu”. (Ch.19) (Goldfish).

[44] Vũ trụ chi bản nguyên. (Goldfish).

[45] Đạo bất khả văn, văn nhi phi dã; Đạo bất khả kiến, kiến nhi phi dã; Đạo bất khả ngôn, ngôn nhi phi dã. Tri hình chi bất hình hồ! Đạo bất đương danh (Trí Bắc du).

[46] Hữu văn Đạo nhi ứng chi giả, bất tri Đạo dã. (Trí Bắc du).

[47] Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri (Đạo Đức kinh).

[48] Phàm Lý giả phương viên, đoản trường thô mỹ kiên nhuế chi phân dã… Có định lý hữu tồn vong, hữu tử sinh, hữu thạnh suy. Phù vật chi nhất tồn nhất vong, sã tử sạ sinh sơ thịnh nhi hậu suy giả, bất khả vị thường… Thị dĩ bất khả đạo dã. [Chữ 脆 *Thiều Chửu* phiên âm là “thuý”. (Goldfish)].

[49] Đời nhà Thanh 清.

[50] “Tự vô vi nhi thực vô bất vi dã”. Chương 37 có câu: “Đạo thường vô vi nhi vô bất vi” (道常無為而無不為)(Goldfish).

[51] Chương 25. (Goldfish).

[52] Thành công rồi thì lui thân.

[53] Do dự dường sợ, mắt ngó bốn bên.

[54] “Bản ngã”. (Goldfish)

[55] “Bản thể chi đức”. (Goldfish).

[56] Pháp bản thể chi đạo dĩ trị quốc giả dã. (Goldfish).

[57] 道隱而未形故謂之無 (陳柱) Đạo ẩn nhi vị vô hình, cố vị chi vô. [陳柱: Trần Trụ. (Goldfish)]

[58] Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng. Duyên thực dĩ vi khí, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng. Tạc hộ dũ dĩ vi thất, đương kỳ vô, hữu thất chi dụng. Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng (Chương 11).

[59] *Vie de Vivekanada* (Tome II. P. 207). "Quand Lao-Tsé écrit cette pensée profonde que "*une roue est faite de trente rais sensibles, mais que c'est grâce au Vide central non-sensible du moyeu, qu'elle tourne*" – je pense aux récentes hypothèses où vient de se hisser la science astronomique, découvrant, comme foyers de nombreux univers, des *gouffres de vide cosmique* (...) Hypothèses, direz-vous! Ni plus si moins que vos plus sûres et fécondes hypothèses de la science. Et logiquement vraisemblable; car elle satisfait la strite économie des lois de l'Univers et rentre dans leur naturelle harmonie".

[60] “Vô tư vô tâm”. (Goldfish).

[61] Đại đạo phạm hề, kỳ khả tả hữu. Vạn vật thị chi nhi sinh chi bất từ. Công thành danh bất hữu. Y dưỡng vạn vật nhi vi bất chủ. Thường vô dục, khả danh ư tiểu. Vạn vật qui yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại. [Chữ 氾, *Thiều Chửu* phiên âm là “phiếm”. (Goldfish)].

[62] Xem quyển Trang Tử Tinh Hoa (trang 82-103) và Nam Hoa Kinh (trang (105-160).

[63] Nhập vào được chỗ đơn thuần, giữ được lòng mộc mạc, ở riêng tây, ít tham dục. Chữ “Kiến Tố” đây, đồng một nghĩa với chữ “Tính Tánh” của Nhà Phật.

[64] “Trực chỉ nhân tâm”. (Goldfish).

[65] “Diệc tử chi tâm”. (Goldfish).

[66] Đọc quyển “*Comment se faire des amis*” của D. Carnegie.

[67] Xem quyển *Cái dũng của Thánh Nhân* (cùng một tác giả)

[68] Xem quyển *Đạo Đức kinh* (Bản dịch của Thu Giang).

[69] Câu này của Đ.Đ.K. có phần như giống với câu “Phú quý bất năng dâm, uy vũ bất năng khuất…” của Nho gia, nhưng sự thật có khác xa là vì người theo Lão không giống với người theo Khổng ở chỗ một đàng thì không nô lệ một bản giá trị về đạo đức hay luân lý nào cả, một đàng thì còn nô lệ theo một bảng giá trị về điều Thiện lẽ Ác theo một hệ thống luân lý mẫu nực nào.

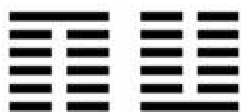
[70] Thuyết “Tự Nhiên”, dĩ nhiên đưa đến thuyết Vô Vi, nghĩa là không dùng đến tư tâm mà xen vào sự phát huy Bản tánh của vạn vật.

[71] Xem bài *Chí Nhân* trong *Trang Tử Nam Hoa Kinh.*

[72] Chương 20. (Goldfish).

[73] Nói rằng hai nguyên lý Âm Dương ấy *bổ túc* nhau, thực sự cũng *không thật đúng*, là vì nói thế, lại mặc nhiên nhận rằng hai nguyên lý ấy có chỗ khác nhau... Mà phải nói rằng: Âm là Dương, Dương là Âm, Lành là Dữ, Dữ là Lành, Phải là Quấy, Quấy là Phải... Nóng là Lạnh, Lạnh là Nóng... nghĩa là cả hai đều là *Một*, nhưng khác độ. Hai chữ *bổ túc* là danh từ cưỡng dụng để tạm miêu tả trạng thái lúc *độ* và *lượng* của chúng cách xa nhau.

[74] Quẻ Bác và quẻ Phục (Goldfish).



[75] Dương tiêu 昜消: là Dương lần lần suy yếu. Quẻ Chấn ☳ thì dương ở hào đầu, tức là chỗ trước nhất của sự phục hồi dương khí. Dương này là dương trưởng.
Quẻ Cấn ☶ thì dương ở hào 3 là hào cùng cực, gọi là dương tiêu. Hào dương ấy đã đến chỗ “Vật cùng tắc biến).

[76] Chương 4 sách *Liệt Tử*.
Vật mà không đi đến chỗ cùng cực của nó, thì không phản biến lại được. – Đạo trị nước cần phải thận trọng để ý đến câu nguyên tắc này mà đừng bao giờ dồn ép cái gì đến mức cùng độ.
Nhà văn hiện đại Tây Phương Maurice Maeterlinck cũng nhận xét rằng: “parfois la pensée poursuivie vous conduit à opposé de ce qu’on avait espère. On était partie pour chercher Oui, et l’on rencontre Non. Il faut le dire. Il faut tout dire. (Le Sablier).

[77] *Commentaires pychologiques*, par C.G. Jung. Différence entre la Pensée Orientale et la Pensée Occidentale (p.36). Le Livre Tibétain de la Libération.

[78] Xem chương nói về *Tam Bửu* (bất cảm vi thiên hạ tiên).

[79] La Conquête de la Sience: Pierre Rousseau (Lib. Arthème Fayard. Collection “Savoir”, p.307)

[80] “Thiên quân”. (Goldfish).

[81] “Cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi” (Ch.77) 高者抑之, 下者舉之. 有餘者損之, 不足者補之.

[82] Héraclite: Triết gia Hy Lạp, sinh ở Ephèse 576 (540?) và mất khoảng 480 trước Tây lịch kỷ nguyên.

[83] Tri túc chi túc (知足之足): Biết đủ trong cái đủ của mình, nghĩa là gì? Thử lấy việc ăn làm thí dụ: Một đứa con trẻ 3 tuổi, món ăn đủ cho sức khoẻ của nó không giống như món ăn cần thiết cho đứa trẻ lên bảy hay lên mười – Lại nữa khi mạnh thì ăn khác, khi đau thì ăn khác, số lượng vừa đủ cho nó thay đổi luôn luôn tuỳ hoàn cảnh. Một người lớn, trái lại, nếu lại cho ăn như đứa trẻ lên ba thì không thể được: cái *đủ* của mỗi người khác nhau.

[84] Trang 119: *Lão Tử* của Ngô Tất Tố và Nguyễn Đức Tịnh soạn, Mai Lĩnh xb.

[85] *Tôn Tử Binh Pháp* (孫子兵法): Mưu Công thiên 謀攻篇.

[86] Xem lại chương 22: “Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh”.

[87] 人之生也柔弱, 其死也堅強. 萬物草木之生也柔脆, 其死也枯槁. 故堅強者, 死之徒; 柔弱者, 生之徒. 是以兵強則不勝, 木強則折. 故堅強處下, 柔弱處上.

[88] Chaque habitude est un limitation de mouvement, et de ce point de vue, il n’y a pas de bonnes habitudes. (ZEN Euddhism. C. Humphreys).

[89] 不争而善勝 (Xem lại mục bàn về Bất Tranh)

[90] 柔弱勝剛強 (Chương 36)

[91] 水善利萬物而不爭

[92] “Kẻ biết không nói, người nói không biết” (Ch.56)

[93] Cả câu này, trong thiên Đức sung phù, tôi chỉ thấy có bốn chữ đầu: “Đức sung ư nội” 德充於內. (Goldfish).

[94] “Cường lương giả, bất đắc kỳ tử”. (Ch.42)

[95] Phương pháp dạy của lối giáo dục Mới (bên Âu Mỹ) ngày nay.

[96] *Văn minh Đông phương và Tây phương* (trang 99-100-101) (cùng một tác giả)

[97] Xem quyển *Cái Dũng của Thánh Nhân* (cùng một tác giả)

[98] *Lão tử Đạo Đức kinh* (Bản dịch của Thu Giang).

[99] Nên so sánh với ý nghĩa của quẻ *Khiêm* trong Dịch Kinh: nội quái là Cấn (sơn), ngoại quái là Khôn (địa).



(http://lh5.ggpht.com/_LD4LIG3ltCw/S2jVfzcN7YI/AAAAAAAAAdQ/LcJxsKG1oz8/Qu%E1%BA%BB%20Khi%C3%AAm.jpg)

Khiêm (Địa Sơn Khiêm) là tượng núi cao mà mọc trong lòng đất thấp. Quẻ *Khiêm* thì nội quái là núi cao, ngoại quái là đất thấp. Nội là thực thể (bên trong), ngoại là hình dung (bên ngoài). Người ta chỉ nhờ khéo ở chỗ thấp kém mà đức vượt lên cao. Đó là ý nghĩa của quẻ *Khiêm*, tức là *khiêm nhu từ tốn*, mà có kẻ cho rằng Lão Tử đã mượn, để lập ra cái thuyết "*bất cảm vi thiên hạ tiên*" của ông.

Dịch Kinh nói "*Khiêm hanh, quân tử hữu chung*" (謙亨君子有終). Quẻ Khiêm là hanh thông, người quân tử được sự sau cùng. Nho gia là Trình Tử nhân đó bàn rằng: "*Có đức mà không tự nhận, gọi là KHIÊM. Người ta lấy sự khiêm tốn xử sự thì đi đâu mà không hanh thông? "Quân tử hữu chung" nghĩa là người quân tử chí ở khiêm tốn suốt lẽ, nên vui với mạng trời mà không cạnh tranh. Bên trong của họ đầy đủ cho nên tự mình nhún nhường, không khoe khoang, không khoa trương, yên lặng trong sự khiêm tốn suốt đời mà không đổi; mình tự hạ mình mà người ta càng tôn lên. Mình tự che cho tối đi mà đức càng sáng tỏ, đó là người quân tử "hữu chung" (...) "Tính người thì ghen ghét kẻ tự mãn mà yêu thích người khiêm tốn. Khiêm là cái đức cao tột của người, cho nên thánh nhân nói kỹ để răn kẻ tự mãn và khuyến khích kẻ nhún nhường*".

Ở hào sơ lục lại nói: "*Khiêm khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, cát*". (Hào sơ lục, người quân tử đã nhún lại nhún thêm: dùng sang sông lớn được. Tốt). Đã khiêm lại càng khiêm hơn nữa, nên gọi "khiêm khiêm" tức là nếu biết cư xử cực kỳ thấp kém, thì mọi người cùng về với mình, dù đã qua sông lớn còn không lo hại, huống chi ở nơi bình địa mà xử thế được như vậy, có gì phải lo đến hậu hoạn. Chu Tử nói:

“*Là hào nhu thuận ở dưới, là sự nhún nhường đến tột cùng, đó là nết của người quân tử*”.

[100] “Vật ngã vi nhất”. (Goldfish).

[101] So sánh với câu này của một nhà Đạo Học hiện đại: “Pour l’individu soi-conscient, l’antimonie SUJET-OBJET existe, de sorte qu’il donne une forme à quelque Entité inaccessible qu’il implore de l’aider, à qui il donne son Amour, son Adoration, son être entier. Mais le but de l’existence est que l’individu réalise en soi-même la Totalité – sans object ni sujet – c’est-à-dire la Vie-Pure”. (Krisnamurti).

[102] Phi dĩ kỳ vô tư da, cố năng thành kỳ tư (非以其無私耶? 故能成其私) (Ch.7).

[103] Bất tự kiến…, bất tự thị…, bất tự phạt…, bất tự căng… (不自見…, 不自是…, 不自伐…, 不自矜…) (Ch.22).

[104] 進道若退 (Tiến Đạo nhược thoái: Tiến về phía đạo dường như thối lui) (Ch.41).

[105] Chương 65. (Goldfish).

[106] Chương 57. (Goldfish).

[107] “Sáng về Đạo, dường như tâm tối”, nghĩa là cái cực sáng dường như cái cực tối. Chính Lão Tử cũng đã nhận “*ngã ngu nhơn chi tâm dã tai*” (lòng ta ngu dốt vật thay) (我愚人之心也哉) (Ch.20).

[108] *Mai Khê* (Văn Hoá Tùng Thư).

[109] *Đạo giáo*: Nam Phong số 89.

[110] “…et il est conseillé à ceux qui sont initiés ou qui en ont réalisé l’exactitude de ne pas les répandre à la légère, car ils sont dangereux pour le commun des hommes don’t l’intelligence est trop bornée pour en saisir le véritable sens”. A. David Néel (*Le Enseignements secrets dans les sectes boudhistes tibétains*, p.93) Ed. Adyar 1960.

[111] Trang 252: V.N.V.H.S.C (do nhà x.b. Bốn Phương tái bản) 1951.

- Trừ ra một vài đoạn mà nhà học giả Đào Duy Anh tỏ ra công bình trong khi trình bày học thuyết Lão Trang (một vài đoạn rất nhỏ nhặt), họ Đào về đại cương đã đứng trên lập trường *Duy vật biện chứng*, căn cứ vào thuyết *giai cấp đấu tranh* để phê bình Lão giáo, Khổng giáo và Phật giáo. Đó là điều sai lầm rất đáng tiếc. Và đáng tiếc nhất là các nhà nghiên cứu sau này, phần nhiều lại căn cứ vào những ý kiến sai lầm ấy mà nhại lại mãi cái luận điệu sai lầm ấy đối với Tam giáo.

[112] *Phổ thông Văn học*: từ số 71 đến 82 (năm 1941).

[113] “Il faut se rappeler d’abord que le Taoisme représente l’effort individualiste de l’esprit chinois méridional en opposition avec le communisme de la Chine septentrionale qui a son expression dans le Confucianisme”. p.53. *Le Livre du Thé*.

[114] “Lấy lòng khoan dung nhu thuận để giáo hoá, không báo thù kẻ vô đạo. Đó là sức mạnh của phương Nam. Đó là lối cư xử của người quân tử. Mặc áo giáp, mang vũ khí, nhìn cái chết không sờn lòng. Đó là sức mạnh của phương Bắc, đó là lối cư xử của người mạnh về huyết khí” (寬柔以教，不報無道. 南方之強也, 君子居之. 衽金革, 死而不厭, 北方之強也, 而強者*居之*) TRUNG DUNG (đệ thập chương). [“*Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo. Nam phương chi cường dã, quân tử cư chi. Nhẫn kim cách, tử nhi bất yếm, Bắc phương chi cường dã, nhi cường giả cư chi*”. (Goldfish)]

[115] Nhà Đạo học Tây phương René GUÉNON cũng nhận xét rằng: “En Chine où la doctrine primitivement constituée en un ensemble unique, fut alors diviséé en deux parties nettement distinctes: le taoisme, réservée à une élite et comprenent la Métaphysique pure et les sciences tradictionnelles d’ordre purement spéculatif, le confucianisme, commun à tous sans distinction, et ayant pour domaine les applications pratiques et principalement sociales”. (p.28-29 *La Crise du monde moderne*) R. GUÉNON (1927) (Ed. Bossard).

[116] “Kong-tsue et Lao-tsue représentent les pôles opposés de la perfection possible; le premier, la perfection dans les phénomènes, le deuxième la perfection dans le Sens; – l’un, la perfection dans le formé, l’autre dans la non-formé; par conséquent on ne peut les mesurer avec la même mesure” (*Voyage d’un Philosophe* – Tome II, p.131) (Stock éd).

[117] *Le Bouddhisme Zen*: A.W. Watts (p.26-27 – Payo – 1960).

[118] Giả tạo, thật sự, phải chăng là Giả dối? Văn sĩ Pháp, Maurice DONNAY, có nói: “*Il n’y a pas de société possible si elle n’est fondée sur l’hypocrisie*” (Không thể có một xã hội nào mà thành lập được cả, nếu nó không căn cứ trên sự giả dối).
Và André GIDE cũng cho rằng: “*C’est au plus hypocristes époque que l’art a le plus resplende l’hypocrisie est un des conditions de l’art. Le devoir du public c’est de contraindre l’artiste à l’hypocrisie*”. (Chính ở vào những thời buổi giả dối nhất mà Nghệ thuật mới được huy hoàng nhất. Giả dối là một trong những điều kiện của Nghệ thuật. Phận sự của công chúng là bắt buộc nghệ sĩ phải giả dối).
Lão Tử trọng tự nhiên thường khuyên ta “Kiến tố, bão Phác” nên mới nói: “Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín” (Lời nói thành thật, tin cậy được, thì không trao chuốt; lời nói trau chuốt, thì không thành thật, tin cậy được). Lời nói khéo, có nghệ thuật là cốt để làm vui lòng, bao giờ cũng là lời nói ru ngủ cái lòng hiếu danh vị kỷ của con người, chứ không có công dụng làm thức tỉnh cái giấc mộng triền miên của Bản ngã của con người trong giới Nhị Nguyên.

[119] Procuste: Theo thần thoại Hy Lạp: ngày xưa có chàng Procuste, một tướng cướp dữ tợn, – anh ta có sắm một cái giường sắt. Hễ bắt được một nạn nhân nào cũng đem đặt lên cái giường ấy: nếu vừa thì thôi, nhược bằng dài hơn thì bị chặt bớt, ngắn hơn thì bị kéo dài cho vừa vặn với cái giường. “Cái giường của Pocuste” là ám chỉ những khuôn khổ tàn nhẫn xã hội bắt mọi người đều phải theo mà sống, không được quyền vượt ra khỏi.

[120] (…) “Se libérer des conventions ne sigifie pas les méprise, mais ne pas se laisser tromper par elles. C’est être capable de s’en servir comme d’un instrument, au lieu d’en être le jouet”. (p.26-27. Le Bouddhisme Zen (A.W. WATTS).

[121] Nghiên cứu về Đạo Giải thoát của Đông phương, nhà văn P. Masson-Oursel, trong bài tựa cho quyển "*Le Métaphysique des Yogas" của Maryse Choisy, cũng nhận thấy" "On ne guérit de l'erreur (...) que par une voie régressive qui rend l'homme à lui même. C'est à dire à l'Absolu*". Người ta chỉ chữa được cái bệnh mê lầm (...) bằng phương pháp thối ngược lại, trả cái con người của mình lại cho mình, nghĩa là trả nó lại cho Tuyệt Đối. (p.10 *Le Métaphysique des Yogas* par M. CHOISY. Préface de P. Masson – Oursel) (Ed. Mont Blanc).

[122] *Bản Tánh* (l'Être véritable) chứ không phải *Bản Ngã* (le moi).

[123] Trong quyển: “*Một nghệ thuật sống*”, chúng tôi đã có nói rõ và nhấn mạnh điểm này: “*(...) có tai mà chẳng biết nghe, chỉ nghe theo cái nghe của người, nghe theo thành kiến; có mắt mà không biết xem, chỉ xem theo cái xem của kẻ khác; (...) có óc mà chẳng biết suy, chỉ suy theo cái suy của kẻ khác;có tâm mà không biết cảm, chỉ cảm theo cái cảm của kẻ khác (...) Sống, có hai nghĩa: sống cái Sống của mình và sống theo cái sống của kẻ khác. Sống theo mình là có sống. Sống theo kẻ khác, là chưa phải sống*”... (trang 16, 17 – Khai Trí, 1960).

[124] (…) Le savant biologiste anglais, A. Backer (de l’Université de Londre), (…) avant constaté que les cellules d’une tissu vivant plongeés dans une solution colorant, résistent à la pénétration de celle-ci dans leurs structures internes. Des qu’une action électrice violente entraine la mort de la cellule, l’envahissement du colorant dans l’édifice cellulaire instantané”.

[125] *La Comédie Psychologique*. Carlo SUÁRÈ (p.308). Chez José Corti, 6 Rue de Clichy, Paris (1932); và *Le Destin du XXè siècle*: Ram LINSSEN (p.67-68-69). Ed. Etre Libre-Bruxelles (1949).

[126] “*Le Moi-apparent et le Moi-réel ne sont pas des entitiés différentes, l’une fausse et l’autre véridique d’une suel et même entité*”. (Jean HERBERT): p.19 “Les 10 tableaux du domestiquage de la vache”.

[127] Xin so sánh câu này của André GIDE: “*Mais tout ce qui d’abord protégesit le tendre germe le gêne aussitôt que la germination s’accomplit; et aucune croissance n’est possible qu’en faisant éclater ces gaines, ce qui l’emmaillotait d’abord.*
L’Humanité chérit ses langes; mais elle ne pourra grandir qu’elle ne sache s’en délivrer. L’enfant servé n’est pas ingrat s’il repousse de sein de sa mère. Ce n’est plus du lait qu’il lui faut (…) Dresse-toi nu, vaillant; fais craquer les gaines, écarte de toi les tuteurs; pour croitre droit tu n’as plus besoin que de l’élan de la sève et que de l’appel du soleil”. (Nouvelles Nourritures. p.155-156). Gallimart (Paris 1935)

[128] *L'Esprit du Tao* (Flammarion) p.9.

[129] *Nouvelles Nourritures* (p.22 Gallimard – 1935) “Ah! J’ai vécu…”

[130] Tiếng của Nhà Phật: chấp có cái *Ta riêng biệt* nên mới có phân Nhĩ Ngã.

[131] Chữ Nhân 仁 là do bộ Nhơn 人 và chữ Nhị 二, tức là phải có Hai người: người yêu và người được yêu.

[132] Xem quyển “*Thuật xử thế của người xưa*” (cùng một tác giả).

[133] *Phổ thông Văn học*: Số 82 (1941)

[134] “*Philosophie chinoise*” (Press Universitaire de France).

[135] Thiên chi đạo do trương cu dư: cao giả ức chi, hạ giả cử chi; hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi” (天之道其猶張弓與, 高者抑之, 下者舉之. 有餘者損之, 不足者補之) chương 77. ĐĐK.

[136] 教外別傳, 不立文字: Ở ngoài cả giáo lý, ở ngoài cả truyền thống, không lệ thuộc hay căn cứ vào văn tự nào cả! Nghĩa là chân lý của Thiền, không thể diễn đạt dưới hình thức một giáo lý nào cả.

[137] *Xã hội Việt Nam* của Lương Đức Thiệp trang 401-408).

[138] “Lao-tsé est aussi, sans aucun, l’enfant de son époque, et il s’écarte de la route qu’on suivie avant lui les Penseurs de la préhistoire chinoise (…) Ce qu’il y a de plus remarquable en lui c’est qu’il ait pu séparer complètement de sont temps, sa personne et sa doctrine, surmonter même dans sa pensées tout ce qui n’est du harsard et devenir malgré tout ce que son époque a pu déterminer chez lui, le plus intemporel de tous les Philosophes Chinois”. (p.107 – *Histoire de la Philosophie Chinoise*)

[139] “Lao-tsé n’a pas vécu seulement pour la Chine et pour son époque; il est in des maître les plus purs et les plus profonds de l’Humanité”. (p.107 – *Hist. de la Philos. Chinoise*) Payot – 1932.

[140] "Les quelques lignes qui le composent contiennent *toute la Sagesse de cette terre*". (p.305 – Sagesse Perdue) Ariane – Paris 1946.

Table of Contents